



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ Con số SỰ KIỆN

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 63 - Số 684 / Kỳ II - 12/2024

Thông tin thống kê PHỤC VỤ ĐẶC LỰC CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC



CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ II - 12/2024 (684) Ra hàng tháng. Năm thứ 63
Phó Tổng biên tập phụ trách: BÙI BÍCH THỦY - Phó Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN
Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971
Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn
Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản
In tại Công ty TNHH In ấn Đa sắc
Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỔ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

- Tổng cục Thống kê Việt Nam thăm chính thức và ký Thỏa thuận hợp tác với Ủy ban Thống kê Nhà nước Cộng hòa Azerbaijan
- Tổng cục Thống kê tổ chức Hội nghị Triển khai kế hoạch công tác năm 2025
- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng: Ngành Thống kê ngày càng khẳng định vai trò, vị thế và uy tín trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước
- Thông tin thống kê phục vụ đắc lực công tác chỉ đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước
- Ngành Thống kê - Nỗ lực tư liệu hóa, chuyển đổi số hoạt động thống kê tăng khả năng tiếp cận của người dùng tin
- Chiến lược và ứng phó của Cơ quan Thống kê quốc gia với nhu cầu thống kê mới nổi và những thách thức của sự thay đổi nhanh chóng

Trần Thị Thu

- Vai trò của Thống kê trong kỷ nguyên mới
- Thực hiện Đề án Thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát - Nhiều kết quả tích cực

Nguyễn Thị Mai Hạnh

KINH TẾ - XÃ HỘI

- Cuộc cách mạng về đổi mới, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị
- Ngành nông nghiệp phát triển với tư duy mở lối từ Nghị quyết số 19-NQ/TW
- Công nghệ số - Lực đẩy để phát triển đột phá ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

ThS. Nguyễn Thị Anh - ThS. Trần Thị Thọ

- Đưa hàng Việt trở thành "bệ đỡ" của tăng trưởng kinh tế

ThS. Nguyễn Thị Thu Hà
ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

- Ngành logistics Việt Nam: Chuyển đổi để bứt phá trong kỷ nguyên mới

ThS. Đào Bùi Kiên Trung

- Xuất khẩu nông sản năm 2024 đại thắng với nhiều kỷ lục

ThS. Mai Thị Châu Lan
ThS. Nguyễn Thị Phương Liên

- Vai trò của văn hóa trong phát triển đất nước

Hoài An

TƯ LIỆU ĐỊA PHƯƠNG

- Những gam màu sáng trong bức tranh kinh tế-xã hội Điện Biên năm 2024

Bùi Văn Thường

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- Nghiên cứu áp dụng Chuẩn trao đổi dữ liệu và dữ liệu đặc tả thống kê trong công tác phổ biến số liệu thống kê nước ngoài tại Việt Nam

ThS. Bùi Ngọc Tân

- Sự cần thiết ban hành thông tư quy định phân loại thống kê theo loại hình kinh tế

ThS. Trần Thị Luyến

QUỐC TẾ

- Chuyển đổi năng lượng toàn cầu gặp khó với bài toán gọi vốn

Minh Huyền

Giá: 27.000 đ



TỔNG CỤC THỐNG KÊ VIỆT NAM THĂM CHÍNH THỨC VÀ KÝ THỎA THUẬN HỢP TÁC VỚI ỦY BAN THỐNG KÊ NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA AZERBAIJAN

Trong các ngày từ ngày 16-20/12/2024, Đoàn công tác của Tổng cục Thống kê do Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương làm Trưởng đoàn đã thăm chính thức, làm việc và ký Thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực thống kê với Ủy ban Thống kê Nhà nước Cộng hòa Azerbaijan tại Baku, Azerbaijan.

Phát biểu tại buổi tiếp xã giao, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương bày tỏ sự vui mừng trước những đón tiếp nồng hậu, thân tình của ông Tahir Budagov, Phó Chủ tịch Đảng Azerbaijan Mới, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Thống kê nhà nước Azerbaijan và các đồng nghiệp tại cơ quan Thống kê Azerbaijan dành cho Đoàn công tác Tổng cục Thống kê Việt Nam.

“Quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa Việt Nam và Azerbaijan đã được hình thành và phát triển hơn 32 năm dựa trên sự hiểu biết, tin cậy, đồng cảm giữa nhân dân hai nước và đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Lãnh tụ Heydar Aliyev và các thế hệ lãnh đạo, nhân dân hai nước dày công vun đắp. Chúng tôi luôn trân quý tình hữu nghị thắm thiết, sự ủng hộ và giúp đỡ hiệu quả mà Chính phủ và người dân Azerbaijan đã dành cho Việt Nam trong quá trình đấu tranh bảo vệ Tổ quốc trước đây cũng như trong xây dựng phát triển đất nước hiện nay” Tổng cục trưởng nhấn mạnh.

Trong chuyến thăm và làm việc lần này, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương mong muốn TCTK Việt Nam và Ủy ban Thống kê Nhà nước Cộng hòa Azerbaijan

sẽ cùng nhau thảo luận chi tiết về kế hoạch hợp tác song phương giữa hai cơ quan thống kê, cụ thể hóa những hoạt động hợp tác, hỗ trợ kỹ thuật trong khuôn khổ Thỏa thuận hợp tác mà hai bên ký kết thuộc các lĩnh vực thế mạnh của hai cơ quan, nhằm chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức để góp phần cùng nhau phát triển trở thành những cơ quan thống kê tiên tiến trong khu vực.

Đồng thời, Tổng cục trưởng cũng mong muốn Ủy ban Thống kê Nhà nước Cộng hòa Azerbaijan chia sẻ thông tin về mô hình tổ chức của hệ thống thống kê Azerbaijan, Cơ quan Thống kê Azerbaijan, vai trò của Ủy ban Thống kê nhà nước Azerbaijan trong điều phối các hoạt động thống kê với các bộ, ngành và địa phương; Chia sẻ kinh nghiệm về quy trình thu thập và sản xuất dữ liệu thống kê sử dụng dữ liệu hành chính, điều tra thống kê, công tác quản lý chất lượng dữ liệu của Ủy ban Thống kê nhà nước Azerbaijan.

Sau lễ tiếp xã giao, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương và ông Tahir Budagov, Phó Chủ tịch Đảng Azerbaijan Mới, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Thống kê nhà nước Azerbaijan đại diện cho hai cơ quan Tổng cục Thống kê và Ủy ban Thống kê Nhà nước Cộng hòa Azerbaijan ký kết Thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực thống kê.

Thỏa thuận hợp tác nhằm phát triển và thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực thống kê, mở rộng trao đổi dữ liệu thống kê có tính so sánh quốc tế phản ánh tình hình

kinh tế - xã hội của cả hai quốc gia và tăng cường quan hệ đối tác song phương giữa Tổng cục Thống kê Việt Nam và Ủy ban Thống kê Nhà nước Cộng hòa Azerbaijan.

Theo Thỏa thuận, hai bên khuyến khích hợp tác trong phạm vi thẩm quyền phù hợp với luật pháp của mỗi quốc gia trên các phương diện sau: Tiếp tục nỗ lực chung trong việc tham gia các chương trình hợp tác kỹ thuật quốc tế; Trao đổi kinh nghiệm và thông tin trong việc thực hiện và áp dụng các tiêu chuẩn và phương pháp luận thống kê được quốc tế công nhận; Hợp tác trong nghiên cứu khoa học và phương pháp luận, cũng như thực hiện các dự án cả hai bên cùng quan tâm; Cùng nỗ lực trong quy định và kiểm soát chất lượng thống kê cũng như học hỏi kinh nghiệm của nhau trong quản lý thống kê.

Hai bên sẽ hỗ trợ hợp tác trong lĩnh vực thống kê thông qua: Trao đổi các ấn phẩm thống kê, phương pháp luận thống kê và các tài liệu liên quan khác; Trao đổi thư điện tử, tổ chức các hội nghị trực tuyến, các đoàn khảo sát, đoàn công tác kỹ thuật, các hoạt động đào tạo tại chỗ, các hội nghị, hội thảo về thống kê đối với các lĩnh vực được hai bên cùng xác định và học tập các kinh nghiệm hay của bên còn lại; Tương tác trong khuôn khổ hoạt động của các tổ chức quốc tế...

Nhân dịp chuyến công tác, Đoàn đã đến viếng lăng Lãnh tụ Heydar Aliyev, Nhà nước Cộng hòa Azerbaijan./

Thu Hường (Theo thông tin, hình ảnh từ Vụ Thống kê nước ngoài và Hợp tác Quốc tế - TCTK)

TỔNG CỤC THỐNG KÊ TỔ CHỨC HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2025

Trong các ngày 23-24/12/2024, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội nghị Triển khai kế hoạch công tác năm 2025 và Tập huấn công tác thanh tra, kiểm tra; tiếp công dân, giải quyết đơn thư và khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) Nguyễn Chí Dũng đến dự và chỉ đạo Hội nghị. Hội nghị được tổ chức trực tiếp tại Hà Nội và trực tuyến tại các điểm cầu của các Cục Thống kê, Chi cục Thống kê 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tham dự Hội nghị tại Trụ sở Tổng cục Thống kê có Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương; các Phó Tổng cục trưởng: Nguyễn Thanh Dương, Nguyễn Trung Tiến, Lê Trung Hiếu, Đỗ Thị Ngọc; Chủ tịch Hội Thống kê Việt Nam Vũ Thanh Liêm; đại diện một số đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đại diện Văn phòng Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên thuộc cơ quan TCTK; Lãnh đạo các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục; Cục trưởng 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các công chức, viên chức trong quy hoạch lãnh đạo của các đơn vị thuộc Tổng cục...

Tham dự Hội nghị tại các điểm cầu trực tuyến có Lãnh đạo, công chức, viên chức 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị sự nghiệp thuộc TCTK; Lãnh đạo, công chức các Chi cục Thống kê cấp huyện.

Tại Hội nghị, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương trình bày một số kết quả chính toàn Ngành đạt được trong năm 2024, nổi bật là: Nâng cao chất lượng sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê, kịp thời phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước và nhu cầu của người dùng tin. Tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý cho hoạt động thống kê; thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam



giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các đề án lớn của Ngành. Đẩy mạnh công tác phối hợp, chia sẻ với bộ, ngành, địa phương. Hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê ngày càng được tăng cường, mở rộng. Công tác tuyên truyền và thanh tra thống kê ngày càng được đẩy mạnh.

Nghiêm túc nhìn nhận những hạn chế, tồn tại để đề ra giải pháp phù hợp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai công việc còn tồn tại một số hạn chế nhất định như: Công việc ngày càng nhiều, yêu cầu thời gian thực hiện gấp; sự phối hợp của một số Bộ, ngành, địa phương chưa kịp thời, đầy đủ...

Trên cơ sở những thành tựu đạt được trong năm 2024, ngành Thống kê tiếp tục thực hiện công tác, nhiệm vụ năm 2025 với chủ đề: "Kỷ cương, đoàn kết, tinh - gọn - mạnh, nâng cao năng lực, hiệu quả công tác thống kê". Trong đó, nhấn mạnh một số nhiệm vụ trọng tâm: (i) Thực hiện sắp xếp, kiện toàn mô hình tổ chức của Tổng cục Thống kê. (ii) Đảm bảo thông tin thống kê phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước và xây dựng văn kiện Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. (iii) Tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý cho hoạt động thống kê; triển khai hiệu quả các nhiệm vụ

của Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. (iv) Đẩy mạnh chuyển đổi số; tăng cường kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu hành chính trong hoạt động thống kê. (v) Tổ chức thực hiện thành công Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 và chuẩn bị cho Tổng điều tra kinh tế năm 2026.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Bộ trưởng Bộ KH&ĐT Nguyễn Chí Dũng chúc mừng và biểu dương toàn ngành Thống kê về những đóng góp đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của đất nước nói chung và Bộ KH&ĐT nói riêng.

Bộ trưởng khái quát và nhấn mạnh một số điểm nổi bật của Ngành trong năm 2024: Cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời số liệu thống kê để phục vụ cho việc đánh giá, phân tích, dự báo tham mưu cho các cấp chính quyền chỉ đạo, quản lý, điều hành; thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, lĩnh vực của cả nước, cũng như các vùng và địa phương, đặc biệt trong công tác xây dựng quy hoạch của các cấp, các ngành trong năm qua; Giúp Bộ Chính trị xây dựng các nghị quyết và triển khai thực hiện 06 Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội của 06 vùng kinh tế; Làm tốt công tác xây dựng báo cáo đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; Chủ động bám sát tình hình, kịp thời cung cấp thông tin, số liệu thống kê về những vấn đề nóng, mới phát sinh của nền kinh tế để có thể

tham mưu về cơ chế chính sách, giải pháp chỉ đạo điều hành, ứng phó.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Bộ trưởng nhấn mạnh, cần thẳng thắn nhìn nhận những tồn tại, hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm và có biện pháp khắc phục ngay trong thời gian tới.

Bộ trưởng nhất trí các nhiệm vụ ngành Thống kê đặt ra trong năm 2025; và tin tưởng toàn ngành Thống kê sẵn sàng chủ động bước vào giai đoạn mới sau khi sắp xếp bộ máy, tiếp tục phát huy, đoàn kết và chủ động thực hiện nhiệm vụ trong năm 2025, đóng góp vào sự phát triển của đất nước, xứng đáng với niềm tin mà Đảng, Nhà nước, Bộ KH&ĐT dành cho Ngành trong những năm qua.

Tại Hội nghị, Bộ trưởng Bộ KH&ĐT trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trong Ngành có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác.

Trình bày Báo cáo Tổng kết công tác thi đua khen thưởng 2024 và phát động phong trào thi đua năm 2025, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến cho biết, để tạo động lực thúc đẩy tinh thần cho công chức, viên chức và người lao động, góp phần thực hiện thành công các nhiệm vụ lớn nêu trên, ngay từ đầu năm 2024, Tổng cục Thống kê đã phát động phong trào thi đua yêu nước trong toàn Ngành. Trên cơ sở đó, các đơn vị đã tổ chức phát động và thực hiện phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ chính trị trọng tâm, trọng điểm tại cơ quan, đơn vị mình. Năm 2024, nhiều tập thể, cá nhân trong ngành Thống kê có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác đã được Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ KH&ĐT, Tổng cục trưởng TCTK kịp thời tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao quý.

Để phong trào thi đua toàn Ngành phát triển sâu rộng và lan tỏa, Lãnh đạo Tổng cục phát động đợt thi đua từ nay đến hết năm 2025 với chủ đề: *"Ngành Thống kê - Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, đoàn kết, chủ động sáng tạo, đẩy mạnh kết nối, tăng cường năng lực, đảm bảo nhu cầu thông tin thống kê, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị năm 2025"*.

Cũng tại Hội nghị, TCTK đã tổ chức lễ ký giao ước thi đua năm 2025 giữa các đơn vị trong toàn Ngành với những mục tiêu, chỉ tiêu thi đua sát, phù hợp với nhiệm vụ chính trị được giao; qua đó, tạo động lực để toàn thể công chức, viên chức và người lao động tiếp tục đoàn kết, đưa ngành Thống kê vượt qua khó khăn, thách thức và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, tiếp tục khẳng định vị thế trong thời kỳ hội nhập.

Chương trình Hội nghị trong ngày tiếp diễn với một số nội dung tham luận chính của các đại biểu và thảo luận về: Hoàn thiện môi trường pháp lý cho hoạt động thống kê; Đánh giá, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương khóa XII và đề xuất sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trong tình hình mới; Tổng kết công tác tài chính năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025...

Hội nghị Triển khai kế hoạch công tác năm 2025 và tập huấn công tác thanh tra, kiểm tra; tiếp công dân, giải quyết đơn thư và khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng tiếp tục diễn ra theo chương trình trong ngày làm việc tiếp theo./.

Thu Hiền

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng: **NGÀNH THỐNG KÊ NGÀY Càng** **KHẲNG ĐỊNH VAI TRÒ, VỊ THẾ** **VÀ UY TÍN TRONG CÔNG CUỘC** **XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC**

Sáng ngày 23/12/2024, Hội nghị Triển khai kế hoạch công tác năm 2025 của ngành Thống kê vinh dự được đồng chí Nguyễn Chí Dũng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Ban Cán sự đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) đến tham dự và phát biểu chỉ đạo.

Tại Hội nghị, Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng thay mặt Lãnh đạo Bộ gửi lời chào, lời thăm hỏi và lời chúc mừng tốt đẹp nhất đến các đồng chí Lãnh đạo Tổng cục cùng toàn thể công chức, viên chức, người lao động ngành Thống kê. Bộ trưởng chúc mừng và biểu dương toàn ngành Thống kê về những đóng góp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của đất nước nói chung và Bộ KH&ĐT nói riêng trong những năm qua, đặc biệt là trong năm 2024. Đây là sự ghi nhận chung của Lãnh đạo Bộ về những nỗ lực, quyết tâm của toàn thể công chức, viên chức, người lao động ngành Thống kê đã không ngừng kế thừa, phát huy truyền thống, ngày càng khẳng định vai trò, vị thế và uy tín của công tác thống kê trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Chia sẻ cảm nhận, Bộ trưởng nhấn mạnh, vai trò quan trọng của ngành Thống kê đang ngày càng được nhìn nhận và đánh giá cao trong những năm gần đây. Điều này càng có ý nghĩa hơn khi đặt trong không khí phấn khởi chung của cả nước về kết quả đạt được của năm 2024. Các kết quả đạt được nhờ nỗ lực rất lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo điều hành của Chính phủ. Đồng thời có ý nghĩa quan trọng để tự tin bước vào năm 2025 với giai đoạn phát triển cao, bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Đối với ngành Thống kê, Bộ trưởng khái quát và nhấn mạnh một số điểm nổi bật của Ngành trong năm 2024, đó là: Cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời số liệu thống kê để phục vụ cho việc đánh giá, phân tích, dự báo tham mưu cho chính quyền chỉ đạo, quản lý

điều hành, thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, lĩnh vực của cả nước, cũng như các vùng và địa phương, đặc biệt trong công tác xây dựng quy hoạch của các cấp, các ngành trong năm qua. Bộ trưởng cho biết, năm vừa qua, cơ bản đã hoàn thành tất cả các quy hoạch của cả nước; trong đó, có 39 quy hoạch ngành, 63 quy hoạch của các địa phương, 06 quy hoạch vùng và 01 quy hoạch tổng thể quốc gia. Để làm được điều này, số liệu thống kê có ý nghĩa hết sức quan trọng và cần thiết. Bên cạnh đó, giúp Bộ Chính trị xây dựng các nghị quyết và triển khai thực hiện 06 Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội của 6 vùng kinh tế; làm tốt công tác phục vụ xây dựng báo cáo đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược để phục vụ Ủy ban kinh tế - xã hội, phục vụ cho Đại hội Đảng sắp tới.

Ngành Thống kê đã chủ động bám sát tình hình, kịp thời cung cấp thông tin, số liệu thống kê về những vấn đề nóng, vấn đề bức xúc, mới phát sinh của nền kinh tế để có thể có tham mưu về cơ chế chính sách, quyết sách, giải pháp chỉ đạo điều hành, ứng phó chủ động kịp thời và hiệu quả.

Theo Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng, đây là kết quả của việc chủ động đổi mới công tác thống kê trong những năm qua, theo đó, luôn bám sát “hơi thở cuộc sống” để chủ động triển khai điều tra, khảo sát, đánh giá các vấn đề ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, người dân và doanh nghiệp. Qua đó, thể hiện sự phối hợp, đồng hành, gắn kết chặt chẽ của ngành Thống kê với các cơ quan, đơn vị, tham mưu chính sách kịp thời đáp ứng các yêu cầu mới đặt ra trong công tác chỉ đạo, điều hành. Thực hiện tốt nguyên tắc đánh giá, dự báo, cung cấp thông tin, số liệu làm cơ sở khoa học để các cấp có thẩm quyền xem xét quyết định các vấn đề quan trọng như: Phương án xây dựng đường sắt tốc độ cao Bắc Nam, phương án cải cách tiền lương, điều chỉnh giá điện, các dịch vụ y tế, giáo dục...

Những kết quả trên cũng là yêu cầu và kỳ vọng của Đảng, Nhà nước, Bộ KH&ĐT đối với công tác thống kê nói chung và TCTK nói riêng, trước những yêu cầu và thách thức lớn đặt ra trong năm 2025. Bên cạnh những kết quả đạt được, Bộ trưởng nhấn mạnh, cần thẳng thắn nhìn nhận những tồn tại, hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm và có biện pháp khắc phục ngay trong thời gian tới.

Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng cho biết, năm 2025, dự báo tình hình thế giới vẫn có diễn biến hết sức phức tạp, khó lường và có sự thay đổi, điều chỉnh lớn ở nhiều lĩnh vực. Đây cũng là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, năm cuối tổ chức Đại hội Đảng các cấp, chuẩn bị cho Đại hội Đảng toàn quốc, là năm chuẩn bị tâm thế để bước vào giai đoạn mới 2026-2030 với những yêu cầu, đòi hỏi cao. Năm 2025 cũng là năm thách thức, đòi hỏi sự nỗ lực nhiều hơn từ các lĩnh vực, các địa phương để xây dựng kịch bản tăng trưởng cao hơn góp phần cùng cả nước đạt kết quả cao trong giai đoạn tới. Do vậy, cần nắm chắc, sát tình hình, diễn biến các chỉ số vĩ mô, chỉ tiêu của các ngành, lĩnh vực theo tháng, quý và gắn với các kịch bản tăng trưởng để kịp thời có giải pháp điều chỉnh và thúc đẩy.

Bộ trưởng nhất trí các nhiệm vụ ngành Thống kê đặt ra trong năm 2025. Bên cạnh đó, Bộ trưởng nhấn mạnh thêm 06 yêu cầu:

Thứ nhất, tập trung thực hiện tốt công tác sắp xếp tổ chức, bộ máy, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới tư duy, phương pháp thống kê, nâng cao chất lượng dự báo, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu về tính kịp thời, chính xác, khách quan, đầy đủ của số liệu thống kê; đảm bảo các yếu tố về khoa học, hiện đại, hội nhập quốc tế.

Thứ ba, từ các số liệu thống kê có được, phối hợp chặt chẽ,

hiệu quả với các đơn vị tham mưu để kịp thời phát hiện, cảnh báo, điều tra, phân tích tác động của các yếu tố phát sinh, xây dựng các kịch bản tăng trưởng phục vụ cho quản lý điều hành.

Thứ tư, đẩy mạnh hoạt động điều tra, khảo sát để kịp thời nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp, nhất là những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp để phục vụ công tác tham mưu chỉ đạo điều hành. Nghiên cứu và triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê chuyên ngành phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, xây dựng chính sách phát triển của các ngành, lĩnh vực mới như: Kinh tế số, kinh tế xanh, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững...

Thứ năm, đẩy mạnh chuyển đổi số, công nghệ thông tin, tăng cường hơn nữa kết nối, chia sẻ thông tin với các Bộ, ngành, địa phương. Khai thác, sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu thống kê; tiếp tục làm tốt công tác hợp tác quốc tế.

Thứ sáu, tăng cường công tác truyền thông, phổ biến thông tin thống kê để doanh nghiệp, người dân hiểu, tin tưởng và phối hợp sử dụng thông tin thống kê.

Từ những kết quả đạt được trong những năm qua và riêng năm 2024, Bộ trưởng tin tưởng toàn ngành Thống kê sẵn sàng chủ động bước vào giai đoạn mới sau khi sắp xếp bộ máy, tiếp tục phát huy, đoàn kết và chủ động thực hiện nhiệm vụ trong năm 2025, đóng góp vào sự phát triển của đất nước, xứng đáng với niềm tin mà Đảng, Nhà nước, Bộ KH&ĐT dành cho Ngành trong những năm qua. Riêng cá nhân Bộ trưởng đánh giá cao vai trò, tầm quan trọng và những đóng góp của ngành Thống kê.

Nhân dịp này, Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng gửi lời cảm ơn đến tất cả các đồng chí Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động qua các thời kỳ trong ngành Thống kê đã luôn nỗ lực cố gắng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chung./.

P.V



Thông tin thống kê phục vụ đặc lực CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

Năm 2024 có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh cả nước bứt phá, tăng tốc phấn đấu hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, ngành Thống kê với chức năng, nhiệm vụ được giao đã thực hiện tốt công tác tổng hợp, biên soạn, phổ biến và cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước

Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ chính của Ngành trong năm 2024

Thứ nhất, nâng cao chất lượng sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê, kịp thời phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước và nhu cầu của người dùng tin.

Năm 2024, Tổng cục Thống kê đã thực hiện 24 cuộc điều tra với 187 kỳ điều tra và hơn 8,3 triệu lượt trả lời của đơn vị cung cấp thông tin; trong đó tổ chức thành công Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024; Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số. Ngoài ra, để phục vụ tốt hơn công tác chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo địa phương, có 21 Cục Thống kê đã thực hiện 49 cuộc điều tra đột xuất hoặc mở rộng mẫu điều tra thường xuyên bằng nguồn kinh phí của địa phương.

Trong năm 2024, ngành Thống kê đã biên soạn và công bố hơn 8.000 báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và các báo cáo chuyên đề như:



Kịch bản tăng trưởng, lạm phát; tình hình thị trường lao động, việc làm; giá cả; xu hướng kinh doanh... phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Đảng, Chính phủ, cấp ủy và chính quyền các cấp. Toàn Ngành đã thực hiện tốt công tác phổ biến thông tin thống kê với nhiều hình thức đa dạng, phong phú; đồng thời tích cực phối hợp và chia sẻ thông tin với các cơ quan có liên quan, cơ quan truyền thông nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất trong cung cấp và sử dụng số liệu thống kê.

Toàn Ngành đã xuất bản 171 xuất bản phẩm và hoàn thành nhiều báo cáo quan trọng như: Báo cáo kết quả kiểm kê, đánh giá thực chất tình hình các nguồn lực của nền kinh tế năm 2023 trình Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ; Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế báo cáo Ban Cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Ban Cán sự đảng Chính phủ; Báo cáo đánh giá tác động của cơn bão số 3 đến tình hình kinh tế - xã hội; Đánh giá tác động đến kinh tế vĩ mô đối với

phương án xây dựng đường sắt cao tốc Bắc - Nam, phương án cải cách tiền lương, điều chỉnh giá điện, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục...

Bên cạnh đó, Tổng cục Thống kê đã cung cấp số liệu phục vụ xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 của Tiểu ban Kinh tế - Xã hội Đại hội Đảng lần thứ XIV; cung cấp hệ thống số liệu thống kê kinh tế - xã hội phục vụ xây dựng văn kiện Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý cho hoạt động thống kê; thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các đề án lớn của Ngành.

Năm 2024, công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế tiếp tục được Tổng cục Thống kê đẩy mạnh, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động thống kê, cụ thể:

- Đã xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật: (1) Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07/6/2024

của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP; (2) Thông tư số 20/2024/TT-BKHĐT ngày 13/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê;

- Đang trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá về nông nghiệp, nông dân và nông thôn;

- Đang tiếp tục hoàn thiện dự thảo để trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia và trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành 05 Thông tư gồm: Hướng dẫn quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP; hướng dẫn phân loại thống kê theo loại hình kinh tế; bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam; bộ chỉ tiêu thống kê quốc gia về biển và hải đảo và bộ chỉ tiêu quốc gia đánh giá biển mạnh; chế độ báo cáo thống kê ngành Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Tổng cục Thống kê đã hoàn thành Báo cáo kết quả 03 năm thực hiện Kế hoạch và đánh giá kết quả mục tiêu của Chiến lược đến năm 2023 và khả năng thực hiện đến năm 2025 đối với các nhiệm vụ do Tổng cục Thống kê chủ trì; ban hành Tài liệu hướng dẫn theo dõi, đánh giá thực hiện Chiến lược; đồng thời xây dựng, tổ chức tập huấn và đưa vào sử dụng phần mềm theo dõi, đánh giá thực hiện Chiến lược áp dụng cho các bộ, ngành, địa phương nhằm theo dõi tiến độ, đánh giá kết quả thực hiện hằng năm tại các đơn vị.

Tiếp tục triển khai thực hiện 04 Đề án lớn của Ngành gồm: (1) Đề án

ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước; (2) Đề án khu vực kinh tế chưa được quan sát; (3) Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia; (4) Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia.

Ngoài ra, thực hiện Chương trình hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, Tổng cục Thống kê đã dự thảo và đang trình Bộ trưởng để báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nghiên cứu, thống kê, biên soạn số liệu GDP loại hình kinh tế tập thể.

Thứ ba, đẩy mạnh công tác phối hợp, chia sẻ với bộ, ngành, địa phương.

Trong năm, Tổng cục Thống kê đã ký kết Quy chế phối hợp về công tác thống kê và chia sẻ thông tin thống kê với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban Dân tộc. Như vậy đến nay, Tổng cục Thống kê đã ký Quy chế phối hợp, chia sẻ thông tin với 13 bộ, ngành và cơ quan.

Thực hiện hiệu quả quy chế phối hợp, chia sẻ thông tin với các bộ, ngành, cơ quan, đặc biệt là công tác chia sẻ dữ liệu với Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan; Tích cực phối hợp với Bộ Công an để rà soát, sớm kết nối với các dữ liệu Bộ Công an hiện có phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Cung cấp, chia sẻ dữ liệu, báo cáo theo yêu cầu của bộ, ngành, địa phương; đồng thời yêu cầu số liệu phục vụ biên soạn báo cáo kinh tế - xã hội hằng tháng, quý, năm và ước tính GDP, GRDP các quý năm 2024.

Thứ tư, hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê ngày càng được tăng cường, mở rộng.

Trong năm 2024, hoạt động hợp tác quốc tế của ngành Thống kê tiếp tục được thúc đẩy thông qua hợp tác chặt chẽ với các Cơ quan Thống kê Hàn Quốc, Nhật Bản, Azerbaijan... và các tổ chức của Liên Hợp Quốc, ASEAN, các thể chế tài chính như IMF, WB, ADB nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thống kê. Tổng cục Thống kê đã cử hơn 1.600 lượt công chức, viên chức tham gia các hội nghị, hội thảo, khóa đào tạo của các cơ quan thống kê quốc gia, các tổ chức quốc tế bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến.

Tiếp tục thực hiện 05 dự án hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức quốc tế và cơ quan thống kê nước ngoài đảm bảo tiến độ và hiệu quả. Ngoài ra, Tổng cục Thống kê đã phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng văn kiện, thực hiện thủ tục và tiếp nhận 06 dự án, phi dự án.

Thứ năm, công tác tuyên truyền và thanh tra thống kê ngày càng được đẩy mạnh.

Năm 2024, toàn Ngành đã tổ chức 749 cuộc tập huấn tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê thông qua lồng ghép trong các cuộc tập huấn điều tra thống kê với hơn 39.000 lượt người tham dự. Phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí ở Trung ương sản xuất 25 tọa đàm, phóng sự, chuyên đề trên truyền hình, 32 bài viết trên báo in, báo điện tử.

Toàn Ngành thực hiện 774 cuộc thanh tra, kiểm tra; trong đó, có 06 cuộc kiểm tra sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,

01 cuộc kiểm tra tình hình thực hiện Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành tại Bộ Y tế.

Trong năm 2024, bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai công việc còn tồn tại một số hạn chế nhất định như: Công việc ngày càng nhiều, yêu cầu thời gian thực hiện gấp; sự phối hợp của một số bộ, ngành, địa phương chưa kịp thời, đầy đủ; công tác quản lý tài chính, tài sản của một số đơn vị dự toán trực thuộc chưa tuân thủ đúng hướng dẫn... Tuy nhiên, Tổng cục Thống kê đã nghiêm túc nhìn nhận những hạn chế, tồn tại để đề ra giải pháp phù hợp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2025

Năm 2025 là năm “bứt phá” quan trọng để thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch 05 năm giai đoạn 2021-2025, tình hình chính trị, kinh tế thế giới được dự báo tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường sẽ ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội nước ta, với chủ đề “Kỷ cương, đoàn kết, tinh - gọn - mạnh, nâng cao năng lực, hiệu quả công tác thống kê”, ngành Thống kê tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, thực hiện sắp xếp, kiện toàn mô hình tổ chức của Tổng cục Thống kê.

Sau khi Trung ương quy định mô hình tổ chức của Tổng cục Thống kê trong tình hình mới, Đề án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê được phê duyệt, toàn Ngành cần nhanh chóng thực hiện sắp xếp các đơn vị thuộc Tổng cục cũng như lập kế hoạch, triển khai công tác về tinh giản biên chế theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, đảm bảo cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức,

nâng cao hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thứ hai, đảm bảo thông tin thống kê phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước và xây dựng văn kiện Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Các đơn vị trong toàn Ngành cần tăng cường bám sát, cập nhật diễn biến tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước để xây dựng báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và cả năm 2024, báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng, quý và năm 2025 bảo đảm chất lượng và thời gian; cập nhật kịch bản tăng trưởng, lạm phát theo yêu cầu của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp; phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương để thu thập, tổng hợp và cung cấp kịp thời các thông tin kinh tế - xã hội, trong đó có nhiệm vụ tiếp tục rà soát, cung cấp thông tin phục vụ Tiểu ban Kinh tế - xã hội Đại hội Đảng lần thứ XIV và phục vụ việc xây dựng văn kiện Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý cho hoạt động thống kê; triển khai hiệu quả các nhiệm vụ của Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành 06 văn bản quy phạm pháp luật gồm: Nghị định thay thế Nghị định số 95/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê; 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình điều tra thống kê quốc gia, Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, Hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia, Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch

và Đầu tư quy định điều kiện, tiêu chuẩn người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thống kê; cấp trang phục, thẻ thanh tra chuyên ngành Thống kê.

Thực hiện và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các hoạt động Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của các bộ, ngành, địa phương đảm bảo đúng tiến độ và đạt được các mục tiêu của Chiến lược.

Thứ tư, đẩy mạnh chuyển đổi số; tăng cường kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu hành chính trong hoạt động thống kê.

Tiếp tục chủ động kết nối, tăng cường khai thác cơ sở dữ liệu hành chính từ các bộ, ngành ở Trung ương và sở, ban, ngành ở địa phương phục vụ công tác biên soạn số liệu báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng, quý và năm kịp thời bảo đảm chất lượng; tiếp tục triển khai các dự án công nghệ thông tin của Ngành đảm bảo tiến độ và hiệu quả.

Thứ năm, tổ chức thực hiện thành công Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 và chuẩn bị cho Tổng điều tra kinh tế năm 2026.

Tổ chức thu thập thông tin các cuộc điều tra năm 2025 theo phương án quy định bảo đảm kịp thời với chất lượng cao, trong đó tập trung tổ chức thành công Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025. Đồng thời, xây dựng Kế hoạch điều tra năm 2026 và Phương án điều tra năm 2026, trong đó đặc biệt làm tốt công tác chuẩn bị cho Tổng điều tra kinh tế./.

(Nguồn: Trích phát biểu của Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương tại Hội nghị triển khai kế hoạch công tác năm 2025 của Ngành Thống kê, Hà Nội, tháng 12/2024)

Ngành Thống kê

NỖ LỰC TƯ LIỆU HÓA, CHUYỂN ĐỔI SỐ HOẠT ĐỘNG THỐNG KÊ TĂNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN CỦA NGƯỜI DÙNG TIN

Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đặt mục tiêu năm 2025, các sản phẩm thống kê được cung cấp tới người sử dụng thông tin thống kê kịp thời đạt 80% và 95% vào năm 2030.

Từ những mục tiêu đặt ra trong Chiến lược, những năm gần đây, ngành Thống kê liên tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác thống kê nhằm hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý, quản trị dữ liệu và đạt được những kết quả đáng khích lệ. Dưới đây, Tạp chí Con số và Sự kiện có bài phỏng vấn Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Trung Tiến về chủ đề này.

PV: *Thưa Phó Tổng cục trưởng, trước đây, khi chưa thực hiện số hóa hoặc ứng dụng công nghệ thông tin, ngành Thống kê gặp những khó khăn như thế nào trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn?*

Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến: Khi chưa có số hóa và ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), khó khăn rõ nhất đó là vấn đề thu thập và tổng hợp dữ liệu được thực hiện hoàn toàn thủ công nên tốn khá nhiều kinh phí, thời gian, nhân lực, công sức cho việc in ấn, vận chuyển tài liệu, phiếu điều tra; tổ chức tập huấn; điều tra, nhập dữ liệu... Do câu trả lời được tích trên phiếu giấy mà không có công cụ kiểm tra lỗi logic, dẫn đến nhiều sai sót ảnh hưởng tới kết quả tổng hợp số liệu. Ngoài ra, việc tổ chức một cuộc điều tra trên diện rộng theo phương pháp phỏng vấn trực tiếp, ghi câu trả lời bằng phiếu giấy mà không có sự hỗ trợ của công nghệ sẽ dẫn đến nhiều bất cập



trong khâu xử lý, như: Có thể đánh trùng hoặc bỏ sót thông tin; không xác định rõ được câu hỏi dẫn đến câu trả lời không chính xác; không kiểm soát được việc điều tra viên có xuống địa bàn hay không?... Những bất cập này tồn tại trong thời gian dài và chỉ thực sự được khắc phục khi thực hiện số hóa và ứng dụng CNTT.

Bên cạnh đó là khó khăn trong việc lưu trữ, phổ biến số liệu. Trong rất nhiều năm, các số liệu thống kê được lưu trữ bằng hình thức

in trên tài liệu, ấn phẩm giấy, được tập kết, lưu tại thư viện của cơ quan Tổng cục Thống kê, tuy nhiên do số lượng tài liệu quá lớn, hạn chế về hệ thống dẫn tới khó khăn cho việc lưu trữ, khai thác, tra cứu. Việc phổ biến số liệu thường chậm trễ do liên quan đến việc tổng hợp, biên soạn, in ấn... vẫn mang tính thủ công, gây lãng phí, giảm hiệu quả sử dụng của thông tin thống kê, ảnh hưởng tới xây dựng, hoạch định chính sách của các cấp quản lý...



PV: Xin Phó Tổng cục trưởng cho biết những nỗ lực và kết quả đạt được của ngành Thống kê trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa dữ liệu trong những năm qua?

Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến: Nỗ lực triển khai tư liệu hóa, chuyển đổi số hoạt động thống kê là một trong những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng của ngành Thống kê hướng tới tăng khả năng tiếp cận của người dùng tin với dữ liệu thống kê.

Quyết tâm chuyển đổi số thành công, Tổng cục Thống kê đặt mục tiêu hiện đại hóa hoạt động thống kê theo hướng chuyển đổi số, bắt đầu bằng số hóa văn bản, tài liệu, dữ liệu hành chính, lưu chuyển trên môi trường số hóa; tự động hóa các quy trình nghiệp vụ của hoạt động thống kê, tiến tới tái cơ cấu quy trình nghiệp vụ dựa trên ứng dụng các công nghệ tiên tiến; khai thác và sử dụng hiệu quả dữ liệu thống kê, nâng cao tính minh bạch và tính giải trình, xóa bỏ khoảng cách dữ liệu, tạo tiền đề cho cách mạng dữ liệu thống kê. Đây cũng chính là nội dung của Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia (QĐ 2110/QĐ/BKHĐT) được Bộ trưởng Bộ kế hoạch và Đầu tư phê duyệt ngày 29/12/2023.

Tổng cục Thống kê đã và đang nỗ lực thực hiện giải pháp Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu. Cụ thể, ứng dụng triệt để công nghệ thông tin vào tất cả các công đoạn trong quá trình sản xuất thông tin thống kê; đã thực hiện cải tiến quy trình nghiệp vụ sản xuất thông tin thống kê nhằm tiếp cận, ứng dụng những tiến bộ khoa học để chuyển đổi toàn bộ quá trình sản xuất thống kê lên môi trường số: Sử dụng bảng hỏi điện tử CAPI, Webform thay thế hình thức

phiếu giấy và nhập tin thủ công hoặc công nghệ quét (đến năm 2023 trên 84% các cuộc điều tra sử dụng phiếu hỏi điện tử). Hoạt động quản lý, điều hành, giám sát thu thập thông tin thống kê được thực hiện chủ yếu trên môi trường số thông qua các trang web điều hành - tác nghiệp, nhờ vậy, chất lượng thông tin được cải thiện, rút ngắn thời gian thu thập thông tin.

Đặc biệt, đã thực hiện xử lý đồng bộ giữa thông tin thu thập đầu vào và thông tin phổ biến đầu ra để nâng cao chất lượng thông tin thống kê, nhằm hỗ trợ tích cực cho quá trình ra quyết định của lãnh đạo các cấp trong quản lý, điều hành đất nước; bước đầu xây dựng cơ sở dữ liệu về các bảng danh mục, ngân hàng câu hỏi điều tra, các bảng mã câu trả lời cho câu hỏi đóng đối với một số lĩnh vực thống kê để sử dụng chung.

Bên cạnh đẩy mạnh công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất thông tin thống kê từ điều tra và báo cáo thống kê, Tổng cục Thống kê đã thực hiện mạnh mẽ chuyển đổi số trong sử dụng dữ liệu hành chính như dữ liệu thuế, hải quan, giáo dục, y tế... Trong đó, dữ liệu thông tin về thuế doanh nghiệp được xử lý và chia sẻ tự động cho Tổng cục Thống kê theo hình thức xây dựng cầu nối dữ liệu giữa hai cơ quan từ năm 2018 đến nay. Kết nối và xử lý dữ liệu thuế với dữ liệu điều tra được thực hiện định kỳ thông qua hệ thống thông tin về dữ liệu hành chính và dữ liệu điều tra doanh nghiệp.

Cải tiến công tác phổ biến thông tin thống kê theo hướng ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, trực quan hóa số liệu bằng hình ảnh. Một số sản phẩm thông tin được phổ biến theo hình thức mới như: Kho dữ liệu (data warehouse), dashboard, infographic, GIS, video,...

Hiện, ngành Thống kê đã xây dựng được một số cơ sở dữ liệu và kho dữ liệu của các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê. Nổi bật là kho dữ liệu của Tổng điều tra dân số và nhà ở các năm 1999, 2009, 2019; Tổng điều tra kinh tế (trước đây là Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính sự nghiệp) các năm 2007, 2012, 2017, 2021; Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp (trước đây là Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản) các năm 2006, 2011, 2016. Thời gian tới, công tác chuyển đổi số trong phổ biến thông tin thống kê tiếp tục được triển khai thực hiện thông qua xây dựng Niên giám thống kê điện tử, Cổng thông tin phổ biến thông tin, dữ liệu thống kê; thực hiện chế độ báo cáo cấp bộ; chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã tần suất nhanh (trực tuyến), phục vụ công tác quản lý điều hành từ Trung ương đến địa phương dựa trên nền tảng thu thập và trao đổi dữ liệu; hệ thống dashboard phân tích dữ liệu thống kê...

Song song với việc ứng dụng mạnh mẽ trong sản xuất thông tin thống kê, Tổng cục Thống kê cũng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành: Hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc (EOOffice), Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện các nhiệm vụ (TaskGov); Hệ thống quản lý tài chính và tài sản (MISA); Hệ thống quản lý nhân sự; Hệ thống quản lý công nghệ thông tin (các phần cứng, phần mềm, tài khoản sử dụng,...); Hệ thống quản lý văn bản, hồ sơ... đã được áp dụng triển khai trong toàn Ngành. 100% văn bản, hồ sơ được xử lý trên môi trường số trừ các văn bản, tài liệu chứa bí mật Nhà nước. Văn bản được áp dụng chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ do Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp.



Cùng với đó, ngành Thống kê xác định một trong những giải pháp trọng tâm trên hành trình chuyển đổi số tiếp theo là thống nhất dữ liệu. Có nghĩa là cơ sở dữ liệu của ngành Thống kê từ trung ương đến địa phương được xây dựng thành một cơ sở dữ liệu thống nhất, kết nối với các cơ sở dữ liệu thống kê, dữ liệu hành chính của các bộ, ngành và địa phương để tạo thành một cơ sở dữ liệu tập trung và thống nhất.

Theo đó, Tổng cục Thống kê cũng đã trình và được Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia (Quyết định số 1627/QĐ-TTg ngày 15/12/2023, nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung, thống nhất, cung cấp thông tin thống kê đầy đủ, chính xác, kịp thời, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành, hoạch định chính sách cũng như đáp ứng nhu cầu của người dùng tin trong và ngoài nước, góp phần đưa Thống kê Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN vào năm 2030 và trở thành hệ thống thống kê hiện đại trên thế giới vào năm 2045.

PV: Những nỗ lực này góp phần thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển ngành Thống kê Việt Nam như thế nào, thưa Phó Tổng cục trưởng?

Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến: Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đặt mục tiêu:

Về bảo đảm cung cấp sản phẩm thống kê kịp thời và tăng cường cung cấp dữ liệu thống kê vi mô: Đạt 80% các sản phẩm thống kê được cung cấp tới người sử dụng thông tin

thống kê kịp thời vào năm 2025; đạt 95% vào năm 2030. Cung cấp dữ liệu thống kê vi mô đáp ứng ít nhất 30% nhu cầu của các đối tượng sử dụng thông tin thống kê trong và ngoài nước vào năm 2025; 60% vào năm 2030. Giảm tỷ lệ không hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê xuống dưới 15% vào năm 2025; dưới 5% vào năm 2030.

Về triển khai tư liệu hóa, chuyển đổi số hoạt động thống kê: 50% các hoạt động thống kê được tư liệu hóa vào năm 2025; 95% vào năm 2030; 50% các hoạt động thống kê được chuyển đổi số vào năm 2025; 80% vào năm 2030.

Như vậy, với những nỗ lực cùng kết quả đạt được về số hóa dữ liệu thống kê trong thời gian qua mà tôi đã trình bày ở trên sẽ góp phần đặc lực trong hiện đại hóa Thống kê Việt Nam theo hướng đổi mới, sáng tạo, phát triển nhanh và vững chắc với hệ thống tổ chức phù hợp; nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên nghiệp; công nghệ hiện đại; sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế; hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia tập trung, thống nhất, thông suốt, chất lượng và hiệu quả; đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê ngày càng tăng.

Với mục tiêu "Phấn đấu đến năm 2030, Thống kê Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN và đến năm 2045 trở thành hệ thống thống kê hiện đại trên thế giới"... thì việc số hóa hiệu quả dữ liệu thống kê sẽ góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu này.

PV: Xin cảm ơn Phó Tổng cục trưởng!

Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng cùng với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã trở thành yếu tố đầu vào quan trọng, là chìa khóa quyết định tốc độ và chất lượng phát triển của các quốc gia trên thế giới. Những đột phá công nghệ diễn ra nhanh chóng trong nhiều lĩnh vực, như trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, cơ sở dữ liệu lớn, Internet kết nối vạn vật, robots, công nghệ in 3 chiều, công nghệ nano, công nghệ sinh học, lưu trữ năng lượng... đem đến sự thay đổi vượt bậc cho chất lượng cuộc sống, việc làm và sản xuất, kinh doanh. Cùng với đó, các mô hình kinh tế chia sẻ, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn mới nổi, có tiềm năng lớn góp phần định hình các nền kinh tế. Nhờ đó, các ngành kinh tế cùng với nhiều sản phẩm mới xuất hiện ngày càng phong phú, đa dạng, thu hút sự quan tâm của toàn xã hội. Xu hướng phát triển mới đã đưa nhân loại bước vào xã hội thông tin, trong đó thông tin trở thành nhân tố đặc biệt quan trọng trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Thực tế đó đã làm phát sinh nhu cầu thông tin của mọi đối tượng trong xã hội, từ Lãnh đạo các cấp, các ngành, các nhà nghiên cứu, đến giáo viên, học sinh, sinh viên, các cá nhân, tổ chức nước ngoài...

Đồng thời, sự phát triển của khoa học và công nghệ cùng với những thay đổi đang diễn ra nhanh chóng trên thế giới dẫn đến nhu cầu thông tin của con người cũng thay đổi theo hướng đa dạng hơn, tiện ích hơn, hướng đến các loại dữ liệu mới, với tần suất và mức độ chi tiết hơn để đáp ứng các vấn đề quan tâm hàng đầu của xã hội. Từ đó đặt ra yêu cầu đối với Cơ quan Thống kê các quốc gia là phải nâng cao trình độ nhân lực; nâng cấp trang thiết bị hiện đại, cải tiến chất lượng, quy trình sản xuất số liệu thống kê... để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của người dùng thông tin. Điều này không chỉ giúp tăng cường sự kết nối giữa các cá nhân và tổ chức, giữa các quốc gia, các khu vực



Chiến lược và ứng phó CỦA CƠ QUAN THỐNG KÊ QUỐC GIA VỚI NHU CẦU THỐNG KÊ MỚI NỔI VÀ NHỮNG THÁCH THỨC CỦA SỰ THAY ĐỔI NHANH CHÓNG

Trần Thị Thu

Phó Vụ trưởng Vụ Thống kê Tổng hợp và
Phổ biến thông tin thống kê - TCTK

trên thế giới mà còn giúp cho việc ra quyết định dựa trên bằng chứng dữ liệu của được thúc đẩy nhanh chóng, chính xác và hiệu quả.

Lợi ích đối với Cơ quan Thống kê quốc gia trước bối cảnh mới

Cơ quan Thống kê quốc gia đóng vai trò quan trọng trong việc sản xuất số liệu thống kê thông qua việc thu thập và phân tích dữ liệu, từ đó cung cấp thông tin cần thiết cho Chính phủ, doanh nghiệp và người dùng tin nói chung. Trong bối cảnh xu hướng thế giới thay đổi nhanh chóng, những lợi ích mà cơ quan Thống kê quốc gia nhận được là:

Thứ nhất, các cơ quan thống kê quốc gia hướng tới việc tối ưu hóa sản phẩm thống kê, dựa trên nhu cầu thông tin, nguồn dữ liệu và khả năng phản hồi của người dùng tin. Sự gia tăng các nguồn dữ liệu tiềm năng tạo ra cơ hội mới cho sản phẩm thống kê mới, chi tiết hơn, với tính kịp thời được cải thiện và chất lượng cao hơn.

Thứ hai, sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông cho phép các cơ quan thống kê tiếp cận và phân tích một lượng dữ liệu khổng lồ từ nhiều nguồn khác nhau, từ đó cung cấp các số liệu thống kê chi tiết, đa dạng phong phú và chính xác hơn.



Cùng với đó, các cơ quan Thống kê quốc gia có thể thu thập và xử lý dữ liệu theo thời gian thực, đáp ứng nhanh chóng nhu cầu của người dùng tin. Điều này sẽ giúp cải thiện tính kịp thời của các báo cáo thống kê và nâng cao vị thế, uy tín của cơ quan Thống kê.

Thứ ba, trong bối cảnh mới, nhu cầu về thông tin thống kê tăng cao, do đó, cơ quan Thống kê phải đặt ra các chiến lược một cách bài bản để thực hiện các hoạt động thống kê nhằm đáp ứng nhu cầu người dùng tin tốt hơn. Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ sẽ giúp Cơ quan Thống kê cung cấp dữ liệu phản ánh sát thực trạng kinh tế - xã hội

cho Chính phủ, hỗ trợ Lãnh đạo các cấp, các ngành, các nhà hoạch định chính sách trong việc lập kế hoạch và ra quyết định.

Thứ tư, khả năng thích ứng của Cơ quan Thống kê tăng lên nhờ sự thay đổi nhanh chóng trong môi trường kinh tế và xã hội, đặt ra yêu cầu đối với Cơ quan Thống kê phải linh hoạt trong việc điều chỉnh các phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu. Trên cơ sở đó, năng lực tổ chức được nâng cao, cải thiện quy trình làm việc, tăng cường năng lực sản xuất số liệu thống kê và công nghệ thông tin.

Thứ năm, xu hướng phát triển mới sẽ thúc đẩy sự hợp tác giữa các cơ quan thống kê quốc gia



và quốc tế, giúp chia sẻ kinh nghiệm, phương pháp và dữ liệu, từ đó nâng cao năng lực thống kê toàn cầu. Cơ quan Thống kê quốc gia sẽ được hưởng lợi nhiều từ hoạt động hợp tác quốc tế trong bối cảnh mới.

Có thể nói, sự phát triển của nhu cầu thống kê và sự thay đổi nhanh chóng mang lại nhiều cơ hội và lợi ích cho cơ quan Thống kê quốc gia, giúp cơ quan này thực hiện vai trò của mình một cách hiệu quả hơn.

Thách thức trước nhu cầu thống kê mới nổi và những thách thức của sự thay đổi nhanh chóng

Trong bối cảnh nhu cầu thông tin thống kê ngày càng tăng cao, thay đổi nhanh chóng, ngành Thống kê Việt Nam phải đối mặt với những thách thức như sau:

Một là, nhu cầu của người dùng tin ngày càng tăng: Người dùng tin có yêu cầu ngày càng đa dạng và phức tạp về dữ liệu, số liệu thống kê, từ độ chính xác, kịp thời, đầy đủ của dữ liệu cho đến khả năng phân tích theo thời gian thực, đặc biệt là nhu cầu dữ liệu lớn, dữ liệu từ các lĩnh vực mới nổi của nền kinh tế. Để đáp ứng những nhu cầu này, Cơ quan Thống kê phải cải tiến quy trình sản xuất số liệu thống kê, áp dụng khoa học công nghệ hiện đại, đầu tư lớn vào kỹ thuật và nhân lực chuyên môn.

Hai là, sử dụng dữ liệu hành chính cho mục đích thống kê đang trở thành xu thế chung trên toàn thế giới cũng như ở Việt Nam. Công tác thống kê hiện nay sẽ bị hạn chế và đối mặt với nhiều thách thức lớn, không bắt kịp xu thế nếu chỉ dựa trên hệ thống sản xuất số liệu thống kê hiện có từ các cuộc điều tra và chế độ báo cáo thống kê.

Ba là, khả năng thu thập, xử lý và đảm bảo chất lượng dữ liệu: Nhu cầu

về dữ liệu lớn và chính xác đang gia tăng, nhưng hệ thống thu thập và xử lý dữ liệu hiện tại vẫn chưa đáp ứng kịp thời. Việc thu thập dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau, đặc biệt là dữ liệu không chính thức, vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Đảm bảo chất lượng và độ tin cậy của dữ liệu là một thách thức lớn do dữ liệu có thể bị thiên lệch hoặc không đầy đủ, ảnh hưởng đến kết quả phân tích và ban hành quyết định lập chính sách của Lãnh đạo các cấp, các ngành.

Bốn là, hạn chế về nguồn lực và ngân sách: Trong khi nhu cầu về dữ liệu và số liệu thống kê ngày càng tăng, Cơ quan Thống kê vẫn phải hoạt động với nguồn lực cơ sở vật chất, nhân lực và ngân sách hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực hiện công việc.

Năm là, công tác phối hợp: Công tác Thống kê yêu cầu sự hợp tác chặt chẽ giữa các lĩnh vực khác nhau, như khoa học máy tính, kinh tế, xã hội học, nhưng sự phối hợp giữa các Bộ, ngành, các đơn vị liên quan trong việc hợp tác vẫn còn hạn chế. Một số Bộ, ngành khi tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu được phân công liên quan đến bộ, ngành khác gặp khó khăn về nguồn thông tin. Tại Việt Nam, hiện còn trên 50% số bộ, ngành chưa ký quy chế phối hợp, chia sẻ thông tin với Tổng cục Thống kê.

Sáu là, tác động của công nghệ mới: Sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, học máy và dữ liệu lớn đặt ra những yêu cầu mới về kỹ năng và hạ tầng công nghệ. Các cơ quan thống kê cần liên tục đào tạo và nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác thống kê để có thể đáp ứng và vận dụng sự thay đổi công nghệ vào quá trình sản xuất số liệu thống kê.

Các thách thức này đòi hỏi Cơ quan Thống kê quốc gia phải có những giải pháp đổi mới và thích ứng kịp thời để nâng cao hiệu quả và độ tin cậy của dữ liệu thống kê.

Chiến lược và giải pháp của Tổng cục Thống kê Việt Nam trước những yêu cầu thống kê mới nổi và thách thức của sự thay đổi nhanh chóng

Những năm qua, ngành Thống kê Việt Nam đã khẳng định được vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin thống kê phục vụ lãnh đạo Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp nhằm đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân. Những thông tin thống kê do Tổng cục Thống kê công bố, cung cấp là nguồn thông tin chính thống, có tính pháp lý, được các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế tin cậy, sử dụng.

Trước những nhu cầu thống kê mới nổi và bối cảnh thay đổi nhanh chóng, Thống kê Việt Nam đề ra chiến lược: *Hiện đại hóa Thống kê Việt Nam theo hướng đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và vững chắc với hệ thống tổ chức phù hợp; nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên nghiệp; công nghệ hiện đại; sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế; hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia tập trung, thống nhất, thông suốt, chất lượng và hiệu quả; đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê ngày càng tăng.*

Để thực hiện chiến lược đó, Tổng cục Thống kê Việt Nam đã đặt ra một số giải pháp phù hợp với bối cảnh mới. Trong những năm vừa qua, ngành Thống kê đã có bước phát triển trong việc



cung cấp thông tin thống kê đáp ứng yêu cầu đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, xây dựng kế hoạch, quy hoạch chính sách, quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội; yêu cầu kiểm tra, giám sát việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội cũng như đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các Cơ quan Thống kê là nâng cao nhận thức của người làm công tác thống kê trong việc quản lý và khai thác dữ liệu cùng với việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là xây dựng, quản lý và sử dụng các cơ sở dữ liệu thống kê từ nguồn dữ liệu điều tra, tổng điều tra và bước đầu sử dụng dữ liệu hành chính trong hoạt động thống kê.

Ngày 01/12/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2014/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, đặt ra mục tiêu *"hiện đại hóa Thống kê Việt Nam theo hướng đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và vững chắc với hệ thống tổ chức phù hợp; nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên nghiệp; công nghệ hiện đại; sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế; hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia tập trung, thống nhất, thông suốt, chất lượng và hiệu quả; đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê ngày càng tăng. Phấn đấu đến năm 2030, Thống kê Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN và đến năm 2045 trở thành hệ thống thống kê hiện đại trên thế giới"*. Việt Nam là một trong số ít các quốc gia

đã lập kế hoạch xây dựng Chiến lược phát triển thống kê giai đoạn tiếp theo ngay sau khi Chiến lược phát triển thống kê lần 1 giai đoạn 2011-2020 kết thúc.

Một số nhiệm vụ, giải pháp của Tổng cục Thống kê cần thực hiện để thích ứng với bối cảnh mới là:

Một là, xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê: Xây dựng, hoàn thiện và ban hành đồng bộ các tiêu chuẩn thống kê, các quy trình sản xuất thông tin thống kê phù hợp với chuẩn mực, thông lệ quốc tế và điều kiện thực tế của Việt Nam.

Hai là, hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu: Tăng cường áp dụng phương pháp luận tiên tiến, hiện đại; đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê. Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê; đổi mới mạnh mẽ thiết kế điều tra và tổng điều tra thống kê theo hướng tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra; đẩy mạnh ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê.

Ba là, đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê: Nghiên cứu, đề xuất xây dựng sửa đổi quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê. Xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nền tảng chuyển đổi số trong công tác thống kê; tập trung nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn, điện toán

đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối... vào công tác thống kê. Thực hiện thường xuyên, liên tục việc ghi chép, ghi nhận hoạt động trong lĩnh vực thống kê theo các quy trình sản xuất thông tin thống kê và hoạt động quản lý, điều hành; chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ và quản lý trên không gian mạng.

Bốn là, mở rộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế, thống kê nước ngoài trong công tác thống kê: Duy trì quan hệ hợp tác với các cơ quan thống kê, tổ chức quốc tế, đối tác phát triển; tăng cường hợp tác song phương, đa phương với các quốc gia có trình độ thống kê phát triển. Nâng cao chất lượng công tác thống kê nước ngoài, đảm bảo so sánh quốc tế; tăng cường thu thập, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê đáp ứng tối đa nhu cầu của mọi đối tượng sử dụng thông tin thống kê trong và ngoài nước. Tăng cường huy động, sử dụng hiệu quả hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các quốc gia và các tổ chức quốc tế cho việc thực hiện Chiến lược phát triển thống kê.

Năm là, phát triển nguồn nhân lực thích ứng với yêu cầu mới: Phát triển, thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp; tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin; ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ đối với các vùng khó khăn. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân lực theo hướng nâng cấp hệ thống đào tạo, chương trình, nội dung, hình thức, cấp độ đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu các cấp, các ngành, địa phương. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu khoa học thống kê và khoa học dữ liệu. Tăng cường hợp tác, liên kết trong công tác đào tạo, bồi dưỡng./

VAI TRÒ CỦA THỐNG KÊ TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

TS. Nguyễn Trí Duy

Phó Viện trưởng phụ trách Viện Khoa học Thống kê - TCTK

Trong kỷ nguyên phát triển mới, thống kê kết hợp với khoa học dữ liệu, kỷ nguyên số tạo ra lực lượng sản xuất mới; thống kê là một công cụ chiến lược góp phần định hình con đường phát triển của đất nước. Để thực hiện các mục tiêu trong kỷ nguyên mới, các quyết sách chính trị và kinh tế phải dựa trên một hệ thống thông tin thống kê đầy đủ, chính xác, minh bạch và kịp thời.

Khoa học thống kê tác động đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội

Trong kỷ nguyên số hóa, khối lượng dữ liệu được tạo ra hàng ngày là vô cùng lớn. Từ các hoạt động trên mạng xã hội, giao dịch thương mại điện tử, đến internet vạn vật (Internet of Things), dữ liệu được thu thập từ mọi nguồn và mọi lúc. Thống kê đóng vai trò then chốt trong việc thu thập, phân tích và hiểu rõ ý nghĩa của những dữ liệu này. Các công cụ và phương pháp thống kê giúp chuyển đổi dữ liệu thô thành thông tin có giá trị, hỗ trợ việc ra quyết định chính xác và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, thống kê còn khám phá kiến thức mới, những quy luật mới ẩn giấu bên trong các dữ liệu, biến dữ liệu thành nguồn lực phát triển mới, mở ra các cơ hội phát triển và tri thức mới.

Trong lĩnh vực kinh tế, thống kê được sử dụng để đo lường và đánh giá các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, phân tích xu hướng phát triển,

dự báo kinh tế tăng trưởng hay suy thoái và đánh giá hiệu quả của các chính sách kinh tế. Các doanh nghiệp sử dụng thống kê để phân tích hành vi khách hàng, tối ưu hóa chiến lược marketing, và quản lý rủi ro. Việc phân tích dữ liệu thống kê giúp các doanh nghiệp hiểu rõ hơn về nhu cầu của khách hàng, từ đó cải thiện sản phẩm và dịch vụ của mình.

Trong y học, thống kê đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu dịch tễ, thử nghiệm lâm sàng và phân tích hiệu quả các phương pháp điều trị. Thống kê giúp các nhà nghiên cứu hiểu rõ hơn về sự phân bố của bệnh tật, yếu tố nguy cơ, hiệu quả của các biện pháp can thiệp và cải thiện các chính sách y tế công cộng, chất lượng chăm sóc sức khỏe.

Trong giáo dục, thống kê là công cụ được sử dụng để đánh giá chất lượng giáo dục, phân tích kết quả học tập, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thành tích học tập của học sinh. Thống kê

giáo dục giúp các nhà quản lý giáo dục đưa ra các quyết định dựa trên dữ liệu, từ đó cải thiện chất lượng giảng dạy và học tập.

Trong quản lý doanh nghiệp, thống kê được sử dụng để phân tích hiệu quả hoạt động, đánh giá năng suất lao động, và quản lý chất lượng. Thống kê quản lý giúp các nhà lãnh đạo hiểu rõ hơn về hiệu quả của các bộ phận trong công ty, từ đó đưa ra các biện pháp cải tiến và tối ưu hóa quy trình sản xuất.

Trong kỷ nguyên của trí tuệ nhân tạo (AI) và học máy (machine learning) không thể thiếu vai trò của thống kê. Các mô hình AI và học máy đều dựa trên các nguyên lý thống kê để học từ dữ liệu và dự đoán tương lai. Thống kê cung cấp cơ sở lý thuyết và các công cụ phân tích dữ liệu để xây dựng và kiểm tra các mô hình AI. Với sự hỗ trợ của thống kê, AI có thể giải quyết các vấn đề phức tạp, mang lại nhiều lợi ích trong nhiều lĩnh vực và hiểu rõ hơn về thế giới xung quanh.

Vai trò của ngành Thống kê trong kỷ nguyên mới

Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, đánh dấu một giai đoạn quan trọng trong lịch sử phát triển đất nước, thể hiện những bước chuyển mình mạnh mẽ về tư duy và cách thức lãnh đạo, điều hành đất nước để đạt được những khát vọng, thành tựu vĩ đại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với tầm nhìn

chiến lược sâu rộng và quyết đoán, các ưu tiên được đặt vào cải cách hệ thống chính trị tinh - gọn - mạnh, hiệu quả, tối ưu hóa nguồn lực để đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng giao thông, năng lượng và chuyển đổi số. Từ đó khơi dậy niềm tin, khát vọng và tinh thần đoàn kết trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, tạo nên nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững.

Kỷ nguyên mới không chỉ mở ra cơ hội để Việt Nam bứt phá và khẳng định vị thế trên trường quốc tế, mà còn đặt ra những yêu cầu cao về sự quyết tâm, sáng tạo và kiên trì trong lãnh đạo. Mục tiêu lớn lao đến năm 2045, Việt Nam trở thành quốc gia phát triển với thu nhập cao, xã hội công bằng, văn minh, sánh vai cùng các cường quốc trên thế giới, góp phần hiện thực hóa khát vọng hùng cường của dân tộc. Để thực hiện các mục tiêu trong kỷ nguyên mới, các quyết sách chính trị và kinh tế phải dựa trên một hệ thống thông tin thống kê đầy đủ, chính xác, minh bạch và kịp thời.

Trong suốt quá trình phát triển của đất nước, vai trò của Cơ quan Thống kê Trung ương luôn khẳng định được sứ mệnh, vai trò quan trọng trong điều phối hoạt động thống kê nhà nước và cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành; đồng thời đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin thống kê ngày càng tăng của các tổ chức, cá nhân trong nước

và quốc tế. Công tác thống kê luôn khẳng định là một ngành khoa học, chuyên môn, chuyên sâu để phản ánh tất cả các hoạt động trong bức tranh tổng thể về kinh tế - xã hội của đất nước. Do đó, hoạt động thống kê liên quan đến hầu hết các ngành, lĩnh vực như: Kinh tế, xã hội, sinh học, y học, khí tượng thủy văn... Trong kỷ nguyên mới, dữ liệu thống kê trở thành tài nguyên quý giá, là công cụ, cơ sở quan trọng trong các chính sách vươn mình của đất nước, góp phần quan trọng trong việc đạt được những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Trong kỷ nguyên này, các hoạt động kinh tế diễn ra nhanh chóng với tốc độ phát triển cao, gắn với thời đại số hóa, dữ liệu được tạo ra với khối lượng lớn chưa từng có. Cơ quan Thống kê Trung ương đóng vai trò quan trọng trong thu thập, phân tích và diễn giải khối lượng dữ liệu khổng lồ này, giúp các nhà Lãnh đạo đưa ra các quyết định chiến lược trong những bước phát triển quan trọng của đất nước.

Dữ liệu thống kê góp phần giới thiệu kỷ nguyên mới của Việt Nam ra thế giới. Thống kê là một ngành có tính hội nhập cao, sự gắn kết và hội nhập trong thống kê giữa các nước được thể hiện qua các chỉ tiêu thống kê có cùng tiêu chuẩn và phương pháp luận được thống nhất trên toàn thế giới. Trên thực tế, để so sánh sự phát triển giữa các quốc gia thì phải so sánh cùng một chỉ tiêu; hoặc để phản ánh

sự phát triển về kinh tế, xã hội của thế giới thì phải tính toán dựa trên chỉ tiêu của từng quốc gia. Chính vì vậy, Thống kê là một ngành đặc thù mang tính khoa học, tính toàn cầu, tính quốc tế và chuẩn mực chung. Thông qua dữ liệu thống kê chính xác và minh bạch, Việt Nam đã xây dựng niềm tin với các nhà đầu tư và các quốc gia phát triển, thúc đẩy hợp tác và đầu tư vào một nền kinh tế năng động, đồng thời khẳng định vị thế là một trong những thị trường lớn trên thế giới.

Với vai trò cung cấp thông tin chi tiết về mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội và môi trường, thống kê trở thành công cụ không thể thiếu trong việc giúp các nhà lãnh đạo đánh giá tình hình thực tế và đưa ra các chiến lược phát triển phù hợp. Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình đòi hỏi hệ thống thống kê phải không ngừng cải tiến và ứng dụng công nghệ mới để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội, từ đó giúp Việt Nam phát triển một cách bền vững và hiệu quả.

Thống kê không chỉ giúp theo dõi, đo lường những biến động trong nền kinh tế, xã hội mà còn cung cấp thông tin về chất lượng sống của người dân, từ đó giúp các cơ quan nhà nước đưa ra các quyết định đúng đắn và phù hợp với thực tế. Trong kỷ nguyên số, thống kê đã chuyển mình mạnh mẽ từ những phương pháp truyền thống sang các phương pháp hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo vào quá trình thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu.

Tóm lại, Kỷ nguyên vươn mình của Việt Nam chính là kỷ nguyên mà thống kê sẽ tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng, góp phần xây dựng một quốc gia hùng cường, hiện đại và bền vững./.



THỰC HIỆN ĐỀ ÁN THỐNG KÊ KHU VỰC KINH TẾ CHƯA ĐƯỢC QUAN SÁT

Nhiều kết quả tích cực

Nguyễn Thị Mai Hạnh

Vụ trưởng Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia - TCTK

Ngày 01/02/2019, Đề án Thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát (Đề án NOE) được Thủ tướng Chính phủ ký phê duyệt tại Quyết định số 146/QĐ-TTg, với mục tiêu là đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế chưa được quan sát, nhằm phản ánh đầy đủ, toàn diện hơn phạm vi, quy mô của nền kinh tế; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chuyên môn nghiệp vụ thống kê nói chung và nghiệp vụ biên soạn tài khoản quốc gia nói riêng, từng bước tiếp cận các chuẩn mực, thông lệ thống kê quốc tế; góp phần bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đối với nền kinh tế. Đây là lần đầu tiên Việt Nam tiến hành đo lường khu vực kinh tế chưa được quan sát nên lý luận và thực hành đều là những vấn đề mới, cần được nghiên cứu có hệ thống.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) tích cực triển khai Đề án NOE

Năm 2023 là năm thứ 5 Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) thực hiện Đề án NOE. Trong 5 năm qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tập trung nghiên cứu, áp dụng phương pháp luận của Hệ thống tài khoản quốc gia năm 2008 (viết tắt là SNA 2008) và các tài liệu hướng dẫn của các tổ chức quốc tế làm nền tảng lý luận; đồng thời nghiên cứu phương pháp luận và kết quả đo lường của các công trình khoa học về đo lường khu vực kinh tế chưa được quan sát.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) liên tục cập nhật các hoạt động của Cơ quan thống kê Liên Hợp Quốc về sửa đổi, cập nhật Hệ thống Tài khoản quốc gia 2025 (viết tắt là SNA 2025), Cán cân thanh toán quốc tế phiên bản lần thứ 7 (viết tắt là BPM7); nghiên cứu sự thay đổi giữa các phiên bản và tham gia các vòng tham vấn quốc tế nhằm hoàn thiện SNA 2025 và BPM7, đồng thời học tập kinh nghiệm, đề xuất hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức quốc tế có uy tín như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF).

Trong cuốn sổ tay “Đo lường khu vực kinh tế chưa được quan sát”

do Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và một số Cơ quan Thống kê quốc gia đồng biên soạn đã phân chia khu vực kinh tế chưa được quan sát thành 5 thành tố bao gồm: (1) Hoạt động kinh tế ngầm; (2) Hoạt động kinh tế bất hợp pháp; (3) Hoạt động kinh tế phi chính thức chưa được quan sát; (4) Hoạt động kinh tế tự sản, tự tiêu của hộ gia đình và (5) Hoạt động kinh tế bị bỏ sót trong các chương trình thu thập dữ liệu thống kê.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã tiến hành đo lường được 3 thành tố, bao gồm:

Hoạt động kinh tế bị bỏ sót trong các chương trình thu thập dữ liệu thống kê, được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành rà soát trong quá trình thực hiện đánh giá lại quy mô GDP năm 2019. Công việc này tiếp tục được thực hiện trong quá trình rà soát quy mô GDP định kỳ 5 năm sau khi thực hiện Tổng điều tra Kinh tế theo quy định tại mục c, Khoản 1, Điều 1, Luật Thống kê 2021.

Hoạt động tự sản tự tiêu của hộ gia đình và hoạt động khu vực kinh tế phi chính thức, đã được thu thập thông tin và tính toán trong phạm vi quy mô GDP. Thực hiện Đề án NOE, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) tiến hành bóc tách 2 thành tố này trong quy mô GDP để đánh giá quy mô trong nền kinh tế, đồng thời phục vụ công tác hoạch định chính sách chính thức hóa khu vực phi chính thức.

Hai thành tố còn lại của khu vực NOE (bao gồm *hoạt động kinh tế ngầm và kinh tế bất hợp pháp*) là các hoạt động khó thực hiện thu thập thông tin và đo lường nhất. Năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiến hành nghiên cứu tổng quan về khung lý luận đo lường, phương pháp đo lường và kinh nghiệm về 2 thành tố này từ các tài liệu, sổ tay hướng dẫn của quốc tế và các nghiên cứu được công bố quốc tế để xây dựng phương pháp luận, nguồn thông tin đầu vào đo lường các chỉ tiêu phản ánh khu vực kinh tế ngầm và kinh tế bất hợp pháp. Tuy nhiên, việc đo lường được khu vực kinh tế bất hợp pháp và kinh tế ngầm không thể hoàn thành ngay, cần lộ trình thực hiện trong dài hạn để có thể ước lượng các hoạt động kinh tế ngầm và kinh tế bất hợp pháp; đồng thời chia sẻ với các đối tượng dùng tin khác cũng như cần xây dựng kế hoạch tổng thể từ khâu

thu thập, tổng hợp, tính toán và phân tích các hoạt động kinh tế bất hợp pháp và kinh tế ngầm.

Các hoạt động kinh tế chưa được quan sát xuất hiện đa dạng và phức tạp

Sau 5 năm triển khai Đề án NOE, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã đánh giá thực trạng khu vực kinh tế chưa được quan sát và cho thấy các hoạt động kinh tế chưa được quan sát xuất hiện đa dạng và phức tạp với 5 đặc điểm:

Một là, khu vực kinh tế ngầm thường là những hoạt động hợp pháp nhưng giấu diếm có chủ ý (khai báo thiếu, không khai báo) để tránh nộp thuế hoặc nộp thuế thấp hơn thực tế; tránh đóng bảo hiểm xã hội; tránh thực hiện các quy định theo yêu cầu về mức lương tối thiểu, số giờ làm việc, điều kiện sức khỏe, tay nghề, bằng cấp của người lao động; tránh các thủ tục pháp lý, hành chính như báo cáo tài chính, báo cáo thống kê hoặc là các hoạt động liên quan đến sản xuất kinh doanh vi phạm pháp luật chỉ bị xử phạt hành chính, tức là chưa đến mức xử lý hình sự.

Hai là, hoạt động kinh tế bất hợp pháp là những hoạt động bị pháp luật cấm như sản xuất và buôn bán ma túy, hoạt động mại dâm, buôn bán người; hoạt động kinh doanh có điều kiện nhưng không có giấy phép kinh doanh phù hợp, không tuân thủ các quy định của pháp luật; hoạt động kinh doanh hợp pháp nhưng do đối tượng không hợp pháp thực hiện; hoạt động liên quan đến sản xuất kinh doanh vi phạm pháp luật bị xử lý hình sự.

Ba là, hoạt động phi chính thức có một số đặc điểm: Quy mô vốn và lao động nhỏ; không bắt buộc phải đăng ký kinh doanh; không ký hợp đồng lao động; không có

hệ thống sổ sách ghi chép kế toán; không tách biệt tài sản và lao động của cơ sở cho sản xuất và sinh hoạt; không có tư cách pháp nhân. Trong các hoạt động kinh tế phi chính thức, có một số hoạt động vẫn chưa được quan sát.

Bốn là, hoạt động tự sản, tự tiêu của hộ gia đình là các hoạt động tự sản xuất ra các sản phẩm của hộ gia đình phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng, tích lũy của các cá nhân trong hộ nhưng không bao gồm hoạt động dịch vụ do thành viên trong hộ tự làm phục vụ cho nhu cầu cá nhân của các thành viên hộ như nấu cơm, giặt quần áo, lau nhà, chăm sóc cây cảnh, vật nuôi cảnh.

Năm là, hoạt động kinh tế bị bỏ sót trong các chương trình thu thập dữ liệu thống kê do không lập dàn mẫu, bảng kê hoặc dàn mẫu điều tra bị thiếu do cơ sở chuyển địa điểm; không tiếp cận được đối tượng cung cấp thông tin; không điều tra. Ngoài ra, còn do đối tượng cung cấp thông tin không cung cấp do vô tình, không có chủ ý, không cố ý; do cơ quan quản lý Nhà nước chưa quản lý, nhận dạng được hoạt động.

Từ các đặc điểm trên của 5 nhóm hoạt động thuộc khu vực kinh tế chưa được quan sát và từ thực tiễn, tổng hợp báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên tục rà soát và cập nhật vào dự thảo Danh mục hoạt động kinh tế chưa được quan sát các hoạt động mới xuất hiện trong nền kinh tế như các hoạt động tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là các ứng dụng trí tuệ nhân tạo, hoạt động kinh tế chia sẻ, kinh tế số, kinh tế đêm, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh... nhằm đảm bảo dự thảo Danh mục hoạt động kinh tế chưa được quan sát phản ánh sát thực, đầy đủ và kịp thời thực trạng khu vực NOE.

Cập nhật hoạt động kinh doanh mới

Đại dịch Covid-19 đã tác động tới hoạt động kinh tế nói chung và thay đổi phương thức làm việc, hành vi tiêu dùng của người dân nói riêng. Khi dịch Covid-19 bùng phát nhanh và mạnh, nhiều hình thức làm việc và mua sắm trực tuyến đã được khai thác tối đa nhằm đảm bảo giãn cách, hạn chế tiếp xúc trực tiếp để phòng tránh dịch bệnh lây lan diện rộng như: Làm việc tại nhà (Work from home); Họp trực tuyến (Online meeting); Học trực tuyến (Online study) hay các loại hình giao dịch, mua sắm trực tuyến (Online shopping); Thanh toán trực tuyến (Online payment); Dịch vụ đặt hàng và giao hàng trực tuyến (Online order and shipping). Các hình thức làm việc và tiêu dùng trực tuyến của người dân được triển khai trên nhiều nền tảng ứng dụng, trung gian kết nối và ứng dụng công nghệ thông tin.

Tiếp nối sự thành công của các hoạt động dựa trên các nền tảng trực tuyến là sự bùng nổ và phát triển mạnh mẽ số hóa các hoạt động kinh doanh truyền thống. Nhiều nền tảng kinh doanh mới đã xuất hiện dựa trên hoạt động số hóa thông qua các ứng dụng số, từ đó hình thành một số loại hình hoạt động kinh doanh mới trong nền kinh tế nước ta.

Năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục rà soát, đánh giá thực trạng khu vực NOE, cập nhật hoạt động kinh doanh mới, nhất là các hoạt động kinh doanh dựa trên các nền tảng ứng dụng, nền tảng trung gian và hoạt động số hóa: Hoạt động bán hàng bỏ qua khâu vận chuyển thông qua ứng dụng số (như hoạt động bán hàng bỏ qua khâu vận chuyển thông qua ứng dụng số - Dropshipping); Hoạt động bán hàng bỏ qua khâu

trung gian thông qua ứng dụng số (ví dụ như Vinshop); Dịch vụ quảng cáo liên kết (Affiliate marketing). Các hoạt động này được cập nhật vào dự thảo Danh mục hoạt động kinh tế chưa được quan sát phân theo thành tố, theo ngành và lĩnh vực hoạt động.

Bên cạnh đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã đo lường, tính toán và cho kết quả đánh giá khu vực phi chính thức và hoạt động tự sản tự tiêu của hộ gia đình giai đoạn 2020-2022.

Đẩy mạnh đổi mới, hoàn thiện chuyên môn nghiệp vụ thống kê

Thực hiện đổi mới, hoàn thiện chuyên môn nghiệp vụ thống kê, năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã nghiên cứu, hoàn thiện phạm vi khu vực kinh tế phi chính thức trên cơ sở cập nhật xu thế kinh tế mới, phương pháp luận thống kê quốc tế, khuyến nghị của chuyên gia IMF hỗ trợ kỹ thuật trong lĩnh vực này. Theo đó, phạm vi biên soạn mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang áp dụng hiện nay bao gồm cơ sở sản xuất kinh doanh không có đăng ký kinh doanh trong các ngành công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ; không bao gồm cơ sở không có đăng ký kinh doanh ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Bên cạnh đó, trong ngành công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ, một số loại hình cơ sở kinh doanh hoạt động dựa trên nền tảng không gian mạng thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số hóa khiến việc kiểm soát đăng ký kinh doanh trở nên khó khăn hơn. Các cơ sở kinh doanh theo các hình thức mới này có thể đã được thu thập dữ liệu một phần trong Chương trình điều tra thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

nhưng chưa được quan sát đầy đủ. Để xây dựng một dàn tổng thể đối với các loại đơn vị này làm căn cứ suy rộng kết quả điều tra, cần phải rà soát, bóc tách và đối chiếu với các nguồn thông tin khác, đảm bảo phản ánh đúng thực trạng đang diễn ra tại nước ta.

Theo dự thảo sửa đổi Khung lý luận về tài khoản quốc gia 2025 của Cơ quan Thống kê Liên Hợp Quốc, loại hình cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm nghiệp và thủy sản đang được xem xét bổ sung vào phạm vi khu vực phi chính thức nếu các đơn vị đó thỏa mãn các tiêu chí xác định và sắp xếp vào khu vực phi chính thức. Do vậy, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang nghiên cứu khả năng bổ sung cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm nghiệp và thủy sản vào khu vực phi chính thức để phù hợp với Khung lý luận về tài khoản quốc gia 2025 sau khi được Cơ quan Thống kê Liên Hợp Quốc thông qua.

Ngoài ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) cũng tiến hành nghiên cứu hoàn thiện tiêu chí phân loại cơ sở phi chính thức; tiếp tục rà soát, xây dựng nội dung giải thích chi tiết cho từng chỉ tiêu theo hướng các khái niệm, phạm vi, phân tổ, phương pháp phù hợp với các quy định quản lý hiện hành của các chỉ tiêu trong dự thảo Hệ thống chỉ tiêu nguồn thông tin đầu vào phục vụ đo lường khu vực NOE theo ngành, lĩnh vực.

Cũng trong năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã tăng cường hợp tác quốc tế, tiếp nhận 01 đợt hỗ trợ kỹ thuật của IMF, tập trung vào phương pháp luận đo lường các thành tố của khu vực kinh tế chưa được quan sát ở nước ta.

(Xem tiếp trang 44)

Cuộc cách mạng VỀ ĐỔI MỚI, SẮP XẾP, TINH GỌN TỔ CHỨC BỘ MÁY HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Bích Ngọc

Chủ trương đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương nhận được sự ủng hộ nhiệt thành trong các tầng lớp Nhân dân. Thời gian không còn nhiều, khối lượng công việc lại lớn, trong quá trình triển khai gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng hơn bao giờ hết, mọi người dân đều kỳ vọng và đặt lòng tin chắc chắn về một cuộc cách mạng mang tính lịch sử sẽ thành công, tạo nên vận hội mới để đất nước phát triển với tốc độ nhanh hơn, hiệu quả hơn, bền vững hơn, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

Từ khóa: Chủ trương của Đảng, sắp xếp, tinh gọn, bộ máy, hệ thống chính trị

Abstract: The policy of innovating and reorganizing the political system to be streamlined, effective and efficient in accordance with the spirit Conclusion No. 09-KL/BCĐ dated November 24, 2024, of the CPV Central Committee has received enthusiastic support from Vietnamese. Time is running out, the workload is immense, and the implementation process faces many difficulties and challenges. However, more than ever, all citizens are hopeful and firmly believe in the success of a historic revolution, creating a new opportunity for the country to develop faster, more effectively, and more sustainably, ushering the nation into a new era.

Keywords: Party's policy, reorganization, streamlining, apparatus, political system

Chủ trương lớn của Đảng – Vận hội mới của đất nước

Để bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh của dân tộc, ngày 24/11/2024, Ban Chỉ đạo Trung ương ban hành Kết luận số 09-KL/BCĐ yêu cầu tổng kết Nghị quyết 18 – NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định,

đây là thời điểm, thời cơ; là sự cấp thiết, là đòi hỏi tất yếu khách quan cho cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị để bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Vấn đề này rất cấp bách, bắt buộc phải làm, càng làm sớm càng có lợi cho dân, cho nước.

Tổng Bí thư cho rằng, “việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị thực sự là vấn đề khó, thậm chí rất khó nên chắc chắn việc triển khai tại nhiều đơn vị sẽ gặp khó khăn, thậm chí sẽ có cả

những lực cản. Tuy nhiên, chúng ta vẫn phải tiến hành vì muốn có một cơ thể khỏe mạnh”.

Tổng Bí thư đề nghị các cấp, các ngành từ Trung ương tới cơ sở phải xác định quyết tâm chính trị cao nhất trong thực hiện chủ trương này. Đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, là cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Đây không chỉ là vấn đề về quy mô hay số lượng, mà sâu xa hơn là phải tạo sự thay đổi về chất trong hoạt động của hệ thống chính trị. Yêu cầu chung

là bộ máy mới phải tốt hơn bộ máy cũ và đi vào hoạt động ngay; không để ngắt quãng công việc, không để khoảng trống về thời gian, không để bỏ trống địa bàn, lĩnh vực; không để ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của xã hội, của người dân...

Việc tinh gọn tổ chức bộ máy đi đôi với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ. Tinh giản không có nghĩa là cắt giảm một cách cơ học, mà là loại bỏ những vị trí không cần thiết, giảm những công việc không hiệu quả, từ đó tập trung nguồn lực cho những lĩnh vực then chốt, những con người thực sự xứng đáng và phù hợp.

Quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ theo tinh thần “vừa chạy vừa xếp hàng”; “Trung ương không chờ cấp tỉnh, cấp tỉnh không chờ cấp huyện, cấp huyện không chờ cơ sở”; “Trung ương làm gương, địa phương hưởng ứng”, chỉ trong thời gian ngắn, từ Quốc hội, Chính phủ, đến các cấp, các ngành, địa phương... đã khẩn trương thành lập Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và nhanh chóng triển khai thực hiện.

Quốc hội làm gương đi đầu

Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” tại các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội đã tiến hành hai phiên họp.

Ngày 25/11/2024, tại phiên họp thứ nhất, Ban Chỉ đạo thống nhất xác định quyết tâm chính trị cao nhất trong triển khai chủ trương của Bộ Chính trị về tổng kết



Tổng Bí thư Tô Lâm

“Tập trung tổng kết 07 năm thực hiện Nghị quyết số 18 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.””

Nghị quyết số 18 và yêu cầu sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các tổ chức bên trong của Văn phòng Quốc hội đặt trong tổng thể xây dựng và tổ chức thực hiện mô hình tổ chức bộ máy hệ thống chính trị Việt Nam đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Quốc hội sẽ tiến hành song song, đồng thời 3 nhiệm vụ trọng tâm, đó là: Tổng kết Nghị quyết 18-NQ/TW đồng thời với việc chủ động nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về tổ chức, hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội; đổi mới tổ chức bộ máy nhưng không gián đoạn công việc, phải có sự nối tiếp, liên tục, thông suốt, bộ máy mới phải đi vào hoạt động ngay; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu phải đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ trong điều kiện mới.

Trong Phiên họp thứ hai diễn ra ngày 16/12/2024, Ban Chỉ đạo Quốc hội thảo luận nội dung

dự thảo Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và dự thảo Tờ trình về việc sắp xếp tinh gọn bộ máy các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội. Theo đó, sau khi sáp nhập, tinh gọn sẽ giảm được nhiều đầu mối các cơ quan, đơn vị; ghép các chức năng, nhiệm vụ tương đồng về một đầu mối. Dự kiến số đầu mối các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các vụ, đơn vị của Văn phòng Quốc hội sẽ giảm trên 30%.

Việc sắp xếp các Ủy ban thuộc Quốc hội bảo đảm phù hợp với các quy định của Hiến pháp, bao quát hết các chức năng, nhiệm vụ đã được Hiến pháp giao cho Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Việc phân định lĩnh vực phụ trách của mỗi Ủy ban sau sắp xếp bảo đảm khoa học, hợp lý, kết hợp giữa nội dung và các Bộ được phụ trách để bảo đảm cân bằng khối lượng công việc giữa các Ủy ban. Việc điều chuyển chức năng, nhiệm vụ giữa các Ủy ban phải tương ứng với việc điều chuyển nhân sự đang phụ trách, thực hiện các nhiệm vụ đó để bảo đảm sau sắp xếp các cơ quan bắt tay ngay vào

các công việc được giao, không được để công việc gián đoạn hay có khoảng trống.

Trong quá trình tiến hành sắp xếp tại các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn, Trưởng Ban Chỉ đạo quán triệt nguyên tắc: Việc tinh gọn tổ chức bộ máy lần này phải thật sự là một cuộc cách mạng, việc sắp xếp phải bảo đảm bộ máy thật sự “tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả”, không sắp xếp cơ học, đúng phương châm Trung ương làm gương đi đầu và địa phương hưởng ứng.

Chính phủ khẩn trương, quyết liệt

Với tinh thần khẩn trương, quyết liệt, chỉ trong hơn 20 ngày, Thủ tướng Phạm Minh Chính, Trưởng Ban Chỉ đạo của Chính phủ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” đã chủ trì bốn Phiên họp của Ban Chỉ đạo.

Thủ tướng Phạm Minh Chính nhấn mạnh quan điểm về phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ, đó là bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các Nghị quyết của Trung ương, chỉ đạo của Bộ Chính trị trong quá trình tổng kết thực hiện Nghị quyết 18, tiếp tục xây dựng bộ máy nhà nước theo ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm về xây dựng hệ thống chính trị “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả”.

Với quan điểm trên, Ban Chỉ đạo đã ban hành kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ. Tại các phiên họp, Ban Chỉ đạo của Chính phủ

đã thảo luận nhiều nội dung, trong đó có vấn đề về tên gọi một số Bộ sau khi hợp nhất, về phương án sắp xếp, mô hình tổ chức của một số cơ quan, đơn vị; chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị.

Mới đây nhất, tại Phiên họp thứ 4 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ diễn ra chiều 17/12/2024, Bộ trưởng Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà cho biết, đến nay, Bộ Nội vụ đã hoàn thành toàn bộ báo cáo tổng kết Nghị quyết 18-NQ/TW; Đề án sáp nhập, hợp nhất, điều chuyển chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và các văn bản liên quan cùng đề án kết thúc hoạt động Ban Cán sự đảng, thành lập Đảng bộ Chính phủ, Đảng bộ Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Sau khi sắp xếp thu gọn đầu mối, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, về cơ bản khắc phục được những vấn đề còn giao thoa hiện nay. Các tổ chức sau khi sắp xếp, hợp nhất giảm từ 35-40% đầu mối, các tổ chức còn lại sắp xếp bên trong thì giảm tối thiểu 15%. Cơ bản bỏ các Tổng cục và các tổ chức tương đương, bước đầu

dự kiến giảm 500 cục thuộc Bộ, các Tổng cục.

Đánh giá việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ lần này có phạm vi tác động rộng, là việc phức tạp, nhạy cảm, Thủ tướng nêu rõ trong quá trình thực hiện tư tưởng phải thông, quyết tâm phải cao, nỗ lực phải lớn, hành động quyết liệt, triển khai đồng bộ, bảo đảm tiến độ theo chỉ đạo của Trung ương; đề cao trách nhiệm, đề cao lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết, trước hết, lựa chọn phương án phù hợp điều kiện, hoàn cảnh Việt Nam, có tham khảo kinh nghiệm quốc tế.

Thủ tướng nêu rõ, sắp xếp, tinh gọn bộ máy song phải nâng cao hiệu lực, hiệu quả, các chức năng, nhiệm vụ không bỏ, thậm chí có những nhiệm vụ phải tăng cường; giảm đầu mối, giảm khâu trung gian, giảm thủ tục, tăng cường cho cơ sở, xóa bỏ quan liêu bao cấp, tăng cường chuyển đổi số, giảm tiếp xúc trực tiếp, giảm tham nhũng vặt, giảm phiền hà sách nhiễu cho người dân và doanh nghiệp. Trong quá trình hoàn thiện, sắp xếp, tinh gọn bộ máy cần chống “chạy chọt”, chống lợi ích cá nhân, xóa bỏ cơ chế xin cho. Đồng thời, việc sắp xếp tổ chức



bộ máy cần quan tâm giữ chân cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, phẩm chất, sức khỏe, kinh nghiệm, nhiệt huyết và gắn với thực hiện chính sách thu hút người có tài năng.

Cùng với việc làm tốt công tác tư tưởng, Thủ tướng yêu cầu nghiên cứu chế độ, chính sách trên tinh thần đảm bảo công bằng, nhân văn, hài hòa và tương quan hợp lý giữa các đối tượng để ổn định cuộc sống, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Chế độ, chính sách phải có tính nhất quán, kế thừa các chính sách đã có từ trước đến nay và cao hơn chính sách hiện hành; tinh thần là không hy sinh tiến bộ, công bằng xã hội, an sinh xã hội để chạy theo tăng trưởng đơn thuần, đời sống nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc, năm sau cao hơn năm trước, không để ai bị bỏ lại phía sau.

Địa phương hưởng ứng

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW cũng nhanh chóng được triển khai tại các địa phương.

Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước. Việc sắp xếp bộ máy theo Nghị quyết 18 sẽ tác động không nhỏ đến việc phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Theo thông báo kết luận của Thường trực Ban chỉ đạo thành phố Hà Nội về định hướng sắp xếp, tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị thành phố, Hà Nội sẽ hợp nhất 2 ban Đảng thuộc Thành ủy Hà Nội, chấm dứt hoạt động 2 đảng ủy khối, hợp nhất 10 Sở để giảm 5 Sở. Việc sắp xếp bộ máy hệ thống chính trị trên địa bàn Thành phố thực hiện theo nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị;

một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính; khắc phục triệt để chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, chia cắt về địa bàn, lĩnh vực; hạn chế tổ chức trung gian.

Tại thành phố Hồ Chí Minh, Ban Thường vụ Thành ủy cũng đã có quyết định về hướng sắp xếp đối với khối chính quyền. Theo đó, nghiên cứu sáp nhập các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc UBND thành phố Hồ Chí Minh trên nguyên tắc Trung ương có Bộ nào thì Thành phố có sở tương ứng. Cụ thể, Thành phố nghiên cứu sáp nhập 10 Sở, kết thúc hoạt động 2 Sở và sáp nhập, kết thúc một số cơ quan hành chính khác. Sau khi sắp xếp, sẽ giảm 8 Sở và 5 cơ quan hành chính. Công tác tinh gọn bộ máy sẽ gắn với tinh giản biên chế theo từng giai đoạn, lộ trình do Trung ương quy định.

Thành phố Hồ Chí Minh là đầu tàu kinh tế cả nước. Những năm qua, cán bộ, công chức Thành phố luôn chịu áp lực rất lớn về số lượng hồ sơ hành chính cần giải quyết mỗi ngày. Việc tinh gọn bộ máy hành chính, tinh giản biên chế theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương và Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh đòi hỏi Thành phố phải bố trí cán bộ, công chức đúng người, đúng việc, đúng chuyên môn, phù hợp kỹ năng; đồng thời đòi hỏi mỗi cán bộ, công chức phải làm việc với năng suất gấp đôi hiện tại.

Cùng với hai thành phố lớn trên, tất cả các địa phương còn lại cũng đã có kế hoạch sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo tinh thần chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ban Chỉ đạo Trung ương yêu cầu từng cấp, từng ngành phải hoàn thành phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hệ thống

chính trị trong quý I/2025. Với thời hạn rất cụ thể, chúng ta nhận thấy rõ thông điệp của Tổng Bí thư, cũng nhận thấy quyết tâm chính trị rất cao của Trung ương và của Tổng Bí thư trong việc “nói là làm”. Và chúng ta cũng thấy tinh thần rất khẩn trương, quyết liệt từ cấp Trung ương đến địa phương.

Không phải bây giờ mà từ cách đây hàng chục năm, chủ trương tinh gọn bộ máy đã được Đảng, Nhà nước ta đề cập đến trong nhiều nghị quyết. Tuy nhiên, chủ trương tinh gọn bộ máy lần này nhận được sự ủng hộ nhiệt thành trong các tầng lớp Nhân dân. Thời gian không còn nhiều, khối lượng công việc lại lớn, trong quá trình triển khai gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng hơn bao giờ hết, mọi người dân đều kỳ vọng và đặt lòng tin chắc chắn về một cuộc cách mạng mang tính lịch sử sẽ thành công, tạo nên vận hội mới để đất nước phát triển với tốc độ nhanh hơn, hiệu quả hơn, bền vững hơn, đưa đất nước vào kỷ nguyên mới./.

Tài liệu tham khảo:

1. Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

2. Các phiên họp của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” của Quốc Hội, Chính phủ, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nông nghiệp phát triển

VỚI TƯ DUY MỞ LỐI TỪ NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TW

Trang Nguyễn

Những đột phá trong lĩnh vực nông nghiệp thời gian qua đã khẳng định hiệu quả tư duy mở lối từ Nghị quyết số 19-NQ/TW trong phát triển ngành nông nghiệp chuyển mạnh từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Phát huy lợi thế vùng, miền, địa phương, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo... Bên cạnh đó, Nghị quyết số 19-NQ/TW cũng đưa ra mục tiêu thực hiện cao nhất trong phát triển nông nghiệp, nông thôn là nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn...

Từ khóa: Nông nghiệp, chuyển đổi tư duy, kinh tế nông nghiệp, nghị quyết, đổi mới, nông dân, nông thôn...

Ngành nông nghiệp phát triển với tư duy mở lối từ Nghị quyết 19

Vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn luôn là ưu tiên hàng đầu của Đảng, Nhà nước và Chính phủ trong phát triển kinh tế - xã hội xây dựng đất nước. Theo đó, nhiều chủ trương, chính sách thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn phát triển đã được ban hành, trong đó phải kể tới Nghị quyết số 10 - NQ/TW, ngày 5/4/1988 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp; Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 5/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) ban hành về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 150/QĐ-TTg, ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn

bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đây là những quyết sách đã và đang tạo hướng đi phát triển nhanh trong sản xuất nông nghiệp và đời sống của người nông dân, diện mạo nông thôn ngày càng khởi sắc, phát triển, qua đó góp phần thu hẹp khoảng cách giữa khu vực nông thôn và đô thị.

Trước năm 1986, nền nông nghiệp Việt Nam chủ yếu là sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, kỹ thuật sản xuất lạc hậu phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, do đó, nông nghiệp chủ yếu đáp ứng nhu cầu lương thực tối thiểu.

Sau Đổi mới năm 1986 và thực hiện Nghị quyết 10 năm 1988 (Khoán 10) về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã đạt được thành tựu khá toàn diện và to lớn. Nông nghiệp tiếp tục phát triển với tốc độ khá cao theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả;

đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia; một số mặt hàng xuất khẩu chiếm vị thế cao trên thị trường thế giới. Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề; các hình thức tổ chức sản xuất tiếp tục đổi mới. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường; bộ mặt nhiều vùng nông thôn thay đổi. Đời sống vật chất và tinh thần của dân cư ở hầu hết các vùng nông thôn ngày càng được cải thiện. Xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả to lớn. Hệ thống chính trị ở nông thôn được củng cố và tăng cường. Dân chủ cơ sở được phát huy. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Vị thế chính trị của giai cấp nông dân ngày càng được nâng cao.

Từ kết quả đạt được trong giai đoạn đổi mới đất nước, ngày 5/8/2008, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đây là Nghị quyết về tam nông

đầu tiên. Nghị quyết số 26-NQ/TW đã khẳng định vị trí, thế mạnh của nông nghiệp. Theo đó, nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng.

Trong phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân, Nghị quyết số 26-NQ/TW đã nhấn mạnh tới phát triển dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực, để giải phóng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội; khai thác tốt các điều kiện thuận lợi trong hội nhập kinh tế quốc tế cho phát triển lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn; phát huy cao nội lực; đồng thời tăng mạnh đầu tư của Nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho nông nghiệp, nông thôn.

Với quan điểm tư duy mở lối, sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Nông nghiệp tiếp tục phát triển cả về quy mô và trình độ sản xuất, duy trì tăng trưởng ở mức khá cao, khẳng định vị thế quan trọng, là trụ đỡ của nền kinh tế, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia. Sản xuất kinh doanh nông nghiệp phát triển mạnh theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng, phát huy lợi thế vùng, miền, địa phương, thích ứng với biến đổi khí hậu. Hệ thống tổ chức sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp ngày càng được hoàn thiện;

tỉ lệ nông sản qua chế biến tăng dần, thị trường tiêu thụ được mở rộng, xuất khẩu tăng nhanh cả về sản lượng, giá trị và tỉ trọng sản phẩm chất lượng cao. Việt Nam trở thành một trong những nước có một số mặt hàng xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới; tư duy sản xuất kinh doanh nông nghiệp không ngừng đổi mới, dẫn thích ứng với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nông dân đã phát huy tốt hơn vai trò là chủ thể, tham gia hợp tác, liên kết, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, phát triển kinh tế, khôi phục và phát triển ngành nghề nông thôn, xây dựng nông thôn mới; cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch tích cực, tăng tỉ trọng kinh tế công nghiệp và dịch vụ; thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần của cư dân nông thôn không ngừng được cải thiện, tỉ lệ hộ nghèo giảm nhanh; diện mạo nông thôn thay đổi rõ rệt.

Đặc biệt, việc ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) đã mở lối tư duy trong phát triển nông nghiệp, làm cho nhận thức, tư duy trong cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về tam nông tiếp tục được thay đổi. Trong Nghị quyết số 19-NQ/TW lần đầu tiên nông nghiệp được xác định là lợi thế quốc gia, trụ đỡ của nền kinh tế. Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường nông sản cả ở trong nước và ngoài nước; bảo đảm an toàn thực phẩm, an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển

nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn. Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Phát huy lợi thế vùng, miền, địa phương, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Trong Nghị quyết số 19-NQ/TW, vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới được nhấn mạnh rõ nét hơn, với quan điểm mục tiêu cao nhất trong phát triển nông nghiệp, nông thôn là nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn.

Bên cạnh đó, để các chủ trương, định hướng lớn của Đảng trong Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn được cụ thể hóa, sớm đi vào cuộc sống, ngày 27/2/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 26/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW. Theo đó, Nghị quyết số 26/NQ-CP yêu cầu quán triệt sâu sắc quan điểm, mục tiêu và nội dung của Nghị quyết số 19-NQ/TW để thể chế hóa, cụ thể hóa thành các văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng các chương trình kinh tế - xã hội, các đề án chuyên ngành, lĩnh vực. Trên cơ sở Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch cụ thể để chỉ đạo triển khai thực hiện.

Những đổi mới về tư duy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn từ những chủ trương, quyết sách đúng, trúng và kịp thời

của Đảng, Nhà nước và Ngành Nông nghiệp cùng sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, nông nghiệp những năm qua đã có bước phát triển mạnh mẽ, đạt được nhiều thành tựu to lớn, với tốc độ tăng trưởng liên tục và khá cao.

Năm 2023 là một năm ngành nông nghiệp kích hoạt được tư duy kinh tế, tư duy thị trường một cách rõ nét. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023, ngành nông nghiệp tiếp tục khẳng định vai trò trụ đỡ vững chắc của nền kinh tế. Tiếp tục chuyển đổi mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, từ phát triển đơn ngành sang đa ngành tích hợp đa giá trị trong sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Cụ thể, năm 2023, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 5,05% so với năm trước. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã tăng trưởng tích cực, tăng 3,83%, đóng góp 8,84%. Về cơ cấu nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,96%. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp tăng 3,88% so với năm trước, đóng góp 0,34 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,74%; ngành thủy sản tăng 3,71%.

Kết quả sản xuất nông nghiệp năm 2023 cho thấy, sản lượng lúa đạt 43,5 triệu tấn, tăng 0,8 triệu tấn so với năm 2022. Sản lượng lương thực có hạt đạt 47,9 triệu tấn, tăng 790 nghìn tấn. Diện tích trồng cây lâu năm đạt 3.760,3 nghìn ha, tăng 1,1% so với năm 2022.

Thủy sản phát triển khá, tập trung chuyển đổi theo hướng bền vững, khai thác đi đôi với bảo vệ nguồn lợi, áp dụng rộng rãi nuôi trồng ứng dụng công nghệ cao. Năm 2023, sản lượng thủy sản

ước đạt 9.312,3 nghìn tấn, tăng 2,2% so với năm trước; bao gồm: Cá đạt 6.612,6 nghìn tấn, tăng 1,8%; tôm đạt 1.356,1 nghìn tấn, tăng 5%; thủy sản khác đạt 1.343,6 nghìn tấn, tăng 1,7%.

Năm 2023, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 298,2 nghìn ha; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 116,3 triệu cây, tăng 5,2%.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2023 ước đạt 355,5 tỷ USD, trong cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu, nhóm hàng nông sản, lâm sản ước đạt 28,15 tỷ USD, chiếm 7,9%; nhóm hàng thủy sản ước đạt 9,01 tỷ USD, chiếm 2,5%.

GDP 9 tháng năm 2024 ước tăng 6,82% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,20%, đóng góp 5,37% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Về cơ cấu nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,64%. Giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 9 tháng năm 2024 tăng 3,20%, chỉ cao hơn tốc độ tăng của cùng kỳ năm 2020 trong giai đoạn 2020-2024. Trong đó, giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp tăng 2,92% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,25 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 4,96% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,03 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 3,73%, đóng góp 0,10 điểm phần trăm.

Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng Mười Một và 11 tháng năm 2024 của Tổng cục Thống kê, tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tính đến ngày 20/11/2024, cả nước thu hoạch được 1.403,4 nghìn ha lúa mùa, chiếm 90,7% diện tích gieo cấy và bằng 95,7% cùng kỳ năm 2023;

toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long thu hoạch được 414,3 nghìn ha lúa thu đông, chiếm 57,7% diện tích gieo cấy và bằng 103,2% cùng kỳ năm 2023. Theo báo cáo sơ bộ, năng suất lúa thu đông ước đạt 57,9 tạ/ha, tăng 0,8 tạ/ha so với vụ thu; lúa đông xuân tính đến ngày 20/11/2024, các địa phương phía Nam cũng đã gieo cấy được 500,3 nghìn ha lúa đông xuân sớm, bằng 129,9% cùng kỳ năm 2023. Đối với cây hàng năm, vụ đông năm nay tập trung vào cây trồng có giá trị kinh tế cao, thực hiện thâm canh rải vụ, nâng cao chất lượng để tăng giá bán sản phẩm, đặc biệt, tập trung vào sản xuất các loại cây có thị trường đầu ra ổn định như ngô, khoai lang, rau đậu. 11 tháng năm 2024, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 263,9 nghìn ha, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2023; 11 tháng năm 2024, sản lượng thủy sản ước đạt 8.754,6 nghìn tấn, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm 2023; 11 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 369,93 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, nhóm hàng nông sản, lâm sản sơ bộ đạt 31,35 tỷ USD, chiếm 8,4%; nhóm hàng thủy sản sơ bộ đạt 9,17 tỷ USD, chiếm 2,5%.

Nổi bật, xuất khẩu gạo, tính đến ngày 15/11/2024, theo Tổng cục Hải quan tổng lượng gạo xuất khẩu đạt 8,05 triệu tấn, trị giá 5,05 tỷ USD. Mốc cao nhất trong lịch sử xuất khẩu gạo. Việt Nam hiện vẫn đứng thứ 3 trên thế giới về xuất khẩu gạo.

Nhiệm vụ và giải pháp phát triển nông nghiệp trong thời gian tới

Nghị quyết số 19-NQ/TW đặt mục tiêu đến năm 2030, tốc độ tăng trưởng GDP ngành Nông nghiệp phấn đấu đạt bình quân khoảng 3%/năm; tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân

từ 5,5 - 6%/năm; tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn phần đầu đạt bình quân trên 10%/năm; số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 90%, trong đó, phần đầu 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới trên 70%, trong đó phần đầu 35% số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 phần đầu tăng gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020; tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 20%; bình quân hàng năm đào tạo nghề cho khoảng 1,5 triệu lao động nông thôn.

Tầm nhìn đến năm 2045, nông dân và cư dân nông thôn văn minh, phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Nông nghiệp sinh thái, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong và ngoài nước, công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản hiện đại, xuất khẩu nhiều loại nông sản đứng hàng đầu thế giới. Nông thôn hiện đại, có điều kiện sống tiệm cận với đô thị, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hóa dân tộc...

Để bảo vệ thành quả các ngành hàng và phát triển theo hướng bền vững, phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu, ngành nông nghiệp tiếp tục chuyển mạnh tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy phát triển kinh tế. Do đó, ngành nông nghiệp cần tiếp tục tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp phát triển trong thời gian tới như:

Một là, nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn. Trong đó, chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả

công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, góp phần nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, học vấn cho nông dân và cư dân nông thôn để đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản, làm giàu từ nông nghiệp, nông thôn.

Hai là, phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng.

Ba là, phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn.

Bốn là, xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hoá, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, vì lợi ích của người dân; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại, kết nối với đô thị; đẩy nhanh quá trình hiện đại hoá kết cấu hạ tầng giao thông, chuyển đổi số, văn hóa, giáo dục, y tế.

Năm là, tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; hoàn thiện chính sách phát triển trang trại, kinh tế hộ, kinh tế tập thể, liên kết, hợp tác sản xuất kinh doanh; tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã.

Sáu là, tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn; đổi mới tổ chức và hoạt động, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường; đẩy nhanh chuyển đổi số toàn diện ngành nông nghiệp, xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu lớn.

Bảy là, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; khuyến khích phát triển nông nghiệp tuần hoàn, tái sử dụng phụ phẩm, áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện môi trường; xây dựng chính sách, lộ trình thực hiện giảm phát thải khí nhà kính, khí metal trong nông nghiệp phù hợp với cam kết quốc tế.

Tám là, chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ; chú trọng phát triển thị trường nông sản trong nước, chủ động khai thác hiệu quả cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA), giữ ổn định các thị trường truyền thống, mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu; Mở rộng hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm./.

Tài liệu tham khảo

Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 5/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn,

Nghị quyết số 26/NQ-CP, ngày 27/2/2023, của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW..

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý III và 9 tháng năm 2024 của Tổng cục Thống kê.

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2023 của Tổng cục Thống kê

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng Mười Một và 11 tháng năm 2024 của Tổng cục Thống kê.



Công nghệ số

LỰC ĐẨY ĐỂ PHÁT TRIỂN ĐỘT PHÁ NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO

ThS. Nguyễn Thị Anh – ThS. Trần Thị Thọ
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được ví như “xương sống”, là động lực tăng trưởng của nền kinh tế đất nước. Trước vòng xoáy thay đổi không ngừng của công nghệ, ngành công nghiệp chế biến chế tạo luôn đi đầu trong ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai các hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong quy trình sản xuất và quản trị doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập toàn cầu.

Từ khóa: Công nghiệp, chế biến chế tạo, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, sản xuất, quản trị

Abstract: The processing and manufacturing industry is likened to the “backbone” and the driving force of the country’s economic growth. In the face of the relentless whirlwind of technological change, the manufacturing industry always leads in the application of information technology, implementing research and innovation activities, and carrying out strong digital transformation in production processes and business management to enhance competitiveness and global integration.

Keywords: industry, manufacturing, digital technology, artificial intelligence, production, management

Sở hữu tầm nhìn và công nghệ tiên phong

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính chung 9 tháng năm 2024, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 8,34% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,76% (quý I tăng 7,21%; quý II tăng 10,39%; quý III tăng 11,41%), đóng góp 2,44 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn

nền kinh tế. Tính riêng quý III/2024, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,11%, đóng góp 48,88%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo là điểm sáng của nền kinh tế với tốc độ tăng 11,41%, đây là mức tăng cao nhất của cùng kỳ các năm trong 6 năm gần đây.

Trong các ngành công nghiệp trong nước, ngành công nghiệp chế biến chế tạo luôn đi đầu trong ứng dụng công nghệ thông tin,

triển khai các hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong quy trình sản xuất và quản trị doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập toàn cầu. Đặc biệt, các lĩnh vực sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo đã và đang ứng dụng rộng rãi trí tuệ nhân tạo, mang đến những cải tiến đột phá và tạo nên cuộc cách mạng mạnh mẽ.

Ngành dệt may cùng bước ngoặt quan trọng

Một trong những thành công nổi bật của ngành dệt may Việt Nam trong thời gian gần đây là việc ứng dụng công nghệ hiện đại như robot và AI, công nghệ 3D vào quy trình sản xuất. Hiện các doanh nghiệp dệt may Việt Nam đang sử dụng robot trong nhiều công đoạn của chuỗi sản xuất, dần thay thế lao động thủ công, đặc biệt trong các công đoạn như vận chuyển hàng hóa đến dây chuyền sản xuất, treo sản phẩm trên dây chuyền, kéo sợi... Điều này giúp các doanh nghiệp tăng hiệu suất sản xuất; giảm tỷ lệ lỗi, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường tính ổn định và hiệu quả của quá trình sản xuất; từ đó cho phép tối ưu chi phí và cải thiện khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Hơn nữa, việc áp dụng trí tuệ nhân tạo AI ngày càng nhiều hơn trong việc phát triển các mẫu sản phẩm mới, giúp các doanh nghiệp dệt may Việt Nam chủ động hơn trong việc sáng tạo và sản xuất các mẫu.

Ngoài ứng dụng AI trong quy trình sản xuất, ngành dệt may Việt Nam còn ứng dụng AI trong quản lý hệ thống phần mềm, giúp tăng tính minh bạch và khả năng kiểm soát toàn bộ quy trình sản xuất, từ sợi, dệt đến công tác lưu trữ, kiểm soát kho và vận chuyển hàng hóa.

Đơn cử như Vinatex - Tập đoàn dệt may lớn nhất tại Việt Nam đã có hành trình chuyển đổi số đầy ấn tượng, chứng minh sức mạnh cạnh tranh không chỉ đến từ quy mô và truyền thống mà còn từ sự sáng tạo và tiên phong trong áp dụng công nghệ. Những năm qua, các nhà máy sản xuất của Vinatex đã đầu tư vào triển khai các hệ thống tự động hóa, bao gồm việc sử dụng robot hàn, máy móc tự động trong quy trình

cắt vải, may và hoàn thiện sản phẩm. Đồng thời tích hợp công nghệ IoT vào các thiết bị và máy móc để thu thập dữ liệu về hiệu suất và tình trạng hoạt động, giúp Vinatex theo dõi và quản lý quy trình sản xuất hiệu quả hơn. Thêm vào đó, Vinatex còn đầu tư vào việc phát triển các ứng dụng di động và phần mềm quản lý để giúp cải thiện quản lý sản xuất.

Công ty May 10 cũng là công ty thành công trong việc áp dụng hệ thống quản lý sản xuất thông minh để cải thiện hiệu quả và giảm chi phí. Công ty đã áp dụng các phần mềm công nghệ thông tin, từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào quản trị, làm giảm thời gian sản xuất cho một sản phẩm từ 1.980 giây/sản phẩm xuống còn 690 giây/1 sản phẩm như hiện nay. Trong đó, mô hình quản trị sản xuất tinh gọn (Lean manufacturing) đã đưa năng suất lao động của công ty tăng 52%, tỉ lệ hàng lỗi giảm 8%, giảm giờ làm 1 giờ/ngày, tăng thu nhập trên 10% và giảm chi phí sản xuất từ 5-10%/năm. Bên cạnh đó, công ty May 10 còn áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác thiết kế, sản xuất, giúp giúp đội ngũ sáng tạo phát triển ý tưởng mới nhanh hơn thông qua phân tích và gợi ý các xu hướng thời trang, dự đoán về xu hướng màu sắc và thiết kế được yêu thích; đồng thời giảm đáng kể số lao động thủ công, tăng năng suất lao động và nâng cao tính hội nhập của sản phẩm trên thị trường.

Ngành da giày Việt Nam nỗ lực không ngừng, liên tục đổi mới

Da giày là một trong những sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Theo Hiệp hội Da - Giày và Túi xách Việt Nam (LEFASO), Việt Nam đứng thứ 3 thế giới về sản xuất giày dép (sau Trung Quốc

và Ấn Độ). Là một ngành công nghiệp với sản phẩm đặc thù mang tính thời trang, xu hướng và thay đổi liên tục, ngành da giày Việt Nam đã nỗ lực không ngừng, liên tục đổi mới, ứng dụng các công nghệ mới như in 3D, sử dụng robot trong sản xuất hay kết hợp các công nghệ mới thực tế ảo đáp ứng các đòi hỏi của những thị trường khó tính, để không bị lùi lại phía sau hay rời khỏi "cuộc chơi".

Là một trong những thương hiệu nổi tiếng trong ngành sản xuất giày dép Việt Nam, Công ty TNHH Sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tiên (thương hiệu Biti's) tham gia cuộc chơi công nghệ từ khá sớm. Từ cách đây gần chục năm, Biti's tiên phong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông minh trong sản xuất các sản phẩm, cho ra mắt nhiều dòng sản phẩm hiện đại. Ví dụ như dòng sản phẩm Biti's Smart là sản phẩm giày thể thao kết hợp với thiết bị thông minh và ứng dụng trên điện thoại thông minh, giúp người tiêu dùng theo dõi và đưa ra những đề xuất về sức khỏe vận động, thông qua việc ghi nhận những cảm biến được tích hợp vào giày như số bước chân, mức độ vận động, loại hình vận động, lực đi, dáng đi, vị trí...

Trước thay đổi không ngừng của công nghệ, Biti's đã sử dụng các hệ thống ERP (Enterprise Resource Planning) để quản lý nguồn lực, lịch trình sản xuất, kho hàng và chuỗi cung ứng một cách hiệu quả, giúp công ty tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm thiểu lãng phí và cải thiện năng suất. Bên cạnh đó, Biti's áp dụng công nghệ tự động hóa trong các công đoạn sản xuất như gia công, đóng gói hay kiểm tra chất lượng sản phẩm, giúp giảm thiểu sai sót và tăng cường hiệu quả sản xuất.

Ngoài ra, Biti's còn ứng dụng hệ thống IoT (Internet of Thing) để theo dõi và giám sát tình trạng máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất, từ đó đưa ra các cảnh báo khi thiết bị cần bảo trì hoặc có vấn đề, giúp giảm thiểu thời gian chết của các dây chuyền sản xuất. Sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý và dự báo nhu cầu sản phẩm, làm cơ sở để Biti's xây dựng kế hoạch sản xuất và cung cấp đúng số lượng sản phẩm theo yêu cầu của thị trường, giảm thiểu tình trạng thiếu hàng hoặc tồn kho. Hiện Biti's có hệ thống AI có thể hỗ trợ việc kiểm tra chất lượng sản phẩm tự động, phát hiện các lỗi kỹ thuật, lỗi sản xuất nhanh chóng và chính xác hơn so với kiểm tra thủ công; tạo ra các mẫu thiết kế mới dựa trên việc phân tích xu hướng thời trang, thị hiếu người tiêu dùng.

Hơn nữa, Biti's đã phát triển các nền tảng thương mại điện tử và sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu; áp dụng các phương thức thanh toán thông minh (ví dụ như thanh toán qua QR code, ví điện tử)... để nâng cao trải nghiệm của khách hàng.

Cơ khí hòa nhịp cùng xu hướng phát triển chung

Cơ khí là ngành công nghiệp then chốt, không chỉ là nền tảng, động lực cho sự phát triển

công nghiệp nước ta mà còn thực hiện nhiệm vụ đảm bảo cung cấp các công cụ, thiết bị, máy động lực cho tất cả các lĩnh vực kinh tế. Hiện nay cơ khí Việt Nam có thế mạnh tập trung ở 3 phân ngành chính, gồm xe máy và phụ tùng linh kiện xe máy; cơ khí gia dụng và dụng cụ; và ô tô và phụ tùng ô tô. Hòa nhịp cùng xu hướng phát triển chung của thế giới, ngành cơ khí Việt Nam đã tập trung đầu tư công nghệ sản xuất hiện đại như tự động hóa, robot và trí tuệ nhân tạo trong sản xuất, giúp nâng cao năng suất sản xuất, cải thiện chất lượng sản phẩm và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế; tiếp cận những sản phẩm máy công cụ, cơ khí tiên tiến và cập nhật những xu hướng mới hướng đến xây dựng nền sản xuất thông minh.

Tập đoàn Công nghiệp Trường Hải (Thaco Industries) là Tập đoàn thành viên của THACO - đơn vị đi đầu ứng dụng số hóa, tự động hóa dây chuyền sản xuất. Từ năm 2020, Thaco Industries đã xác định tự động hóa và quản trị theo hướng số hóa là một trong những ưu tiên hàng đầu để nâng cao năng lực sản xuất và cạnh tranh, từng bước tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Tại khu công nghiệp Thaco Chu Lai, các nhà máy cơ khí, công nghiệp hỗ trợ của tập đoàn này

đã và đang được đầu tư phát triển theo hướng tự động hóa và ứng dụng số hóa, hướng đến áp dụng mô hình nhà máy thông minh. Hàng loạt thành viên của Thaco Industries là Nhà máy Nhíp ô tô, Nhà máy Linh kiện nhựa, Nhà máy Ghế ô tô... đã đầu tư thiết bị hiện đại, dây chuyền sản xuất tự động trong các công đoạn sản xuất, hoàn thiện sản phẩm. Thêm vào đó, Tập đoàn Thaco Industries cũng xây dựng hệ thống quản trị sản xuất trên nền tảng số hóa, thông qua việc đầu tư hệ thống điều khiển giám sát, thu thập dữ liệu (SCADA) và hệ thống phân tích dữ liệu, điều hành sản xuất (MES) tại nhiều nhà máy, góp phần nâng cao năng lực và giảm giá thành sản phẩm. Điều này đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, gia tăng hàm lượng công nghệ, giúp Thaco Industries làm chủ quá trình sản xuất ô tô và linh kiện phụ tùng, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm.

Nhờ đó, đến nay ngành cơ khí chế tạo trong nước đã nâng cao khả năng cung cấp linh kiện kim loại, đáp ứng 85- 90% nhu cầu sản xuất xe máy trong nước; khoảng 15 - 40% nhu cầu linh kiện cho sản xuất ô tô; khoảng 20% cho sản xuất thiết bị đồng bộ và khoảng 40 - 60% cho sản xuất các loại máy nông nghiệp, máy động lực và 40% cho máy xây dựng; cung ứng khoảng 10% nhu cầu linh kiện kim loại cho các ngành công nghiệp công nghệ cao.

Có thể nói, "vòng xoay công nghệ số" không ngừng thay đổi, tạo ra những thách thức song đây cũng chính là cơ hội để ngành công nghiệp chế biến, chế tạo nước ta đột phá, mang những giá trị mới, tiếp tục dẫn dắt nền kinh tế Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới./.





Đưa hàng Việt trở thành "BÊ ĐỒ" CỦA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

ThS. Nguyễn Thị Thu Hà - ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Với chất lượng ngày càng cao cùng giá cả cạnh tranh, hàng hóa Việt Nam ngày càng khẳng định thương hiệu, thu hút người tiêu dùng nội địa và đạt được tốc độ phát triển nhanh. Không chỉ chinh phục thị trường nội địa, thương hiệu sản phẩm Việt Nam còn vươn ra thế giới và ngày càng nâng tầm, trở thành một trong những động lực tăng trưởng của nền kinh tế.

Từ khóa: hàng Việt, chất lượng, thương hiệu, tiêu dùng, hàng hóa...

Abstract: With increasingly improved quality and competitive prices, Vietnamese goods are increasingly enhancing their prestige, affirming their brands, attracting domestic consumers and achieving rapid growth. Not only conquering the domestic market, Vietnamese product brands also reach out to the world and increasingly improve, becoming one of the growth engines of the economy.

Keywords: Vietnamese goods, quality, brand, consumption, goods...

Vị thế hàng Việt ngày càng được nâng cao

Trong những năm gần đây, nhu cầu mua sắm hàng hóa của người tiêu dùng Việt Nam ngày càng tăng cao và chú trọng về tiêu chuẩn, chất lượng. Các yêu cầu về độ an toàn của sản phẩm đối với sức khỏe người tiêu dùng, nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm

và thương hiệu của sản phẩm... là những yếu tố ưu tiên nhất khi lựa chọn mua sắm hàng hóa. Do đó, sản phẩm hàng hóa sản xuất của Việt Nam hiện nay không ngừng vun đắp nguồn lực nhờ gia tăng thương hiệu và niềm tin với người tiêu dùng.

Sau 15 năm, Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng

hàng Việt Nam" theo chỉ đạo của Bộ Chính trị đã thu hút được sự quan tâm đặc biệt của cộng đồng doanh nghiệp, người tiêu dùng trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài. Các doanh nghiệp Việt Nam đã nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của thị trường trong nước, từ đó chú trọng nâng cao chất lượng, cải tiến công nghệ,

dây chuyền sản xuất, phương thức kinh doanh và xây dựng, phát triển, bảo vệ thương hiệu. Cách tiếp cận thị trường của doanh nghiệp cũng bài bản, hiệu quả hơn, vì vậy, người tiêu dùng trong và ngoài nước ngày càng đánh giá cao chất lượng, uy tín thương hiệu hàng Việt Nam. Qua đó, góp phần khai thác có hiệu quả thị trường nội địa, tăng cường năng lực nội sinh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giữ vững ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế. Đưa hàng Việt trở thành “bệ đỡ” vững chắc và là một trong những động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế.

Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và dịch vụ từ năm 2009 đến nay liên tục đạt mức tăng trưởng xấp xỉ 10% so với năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) từ mức lạm phát “phi mã” 19,8% năm 2008 đã giảm xuống dưới 5% kể từ năm 2014. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 6.231,8 nghìn tỷ đồng, tăng 9,6% so với năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,1%. CPI bình quân năm 2023 tăng 3,25% so với năm 2022, lạm phát cơ bản tăng 4,16%. 11 tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 5.822,3 nghìn tỷ đồng, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân 11 tháng năm 2024 tăng 3,69% so với cùng kỳ năm 2023, lạm phát cơ bản tăng 2,7% so với cùng kỳ năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3,69%).

Thói quen và hành vi tiêu dùng hàng Việt Nam có những chuyển biến rõ nét; trên 90% người tiêu

dùng và doanh nghiệp trong nước biết đến Chương trình Nhận diện hàng Việt Nam với tên gọi: “Tự hào hàng Việt Nam”, “Tình hoa hàng Việt Nam”; trên 90% doanh nghiệp biết đến Phong trào “Hàng Việt Nam chinh phục người Việt Nam” và trên 70% doanh nghiệp tham gia phong trào. Nhiều sản phẩm sản xuất trong nước đã được người dân ưa chuộng mua sắm nhiều hơn, nhất là các sản phẩm dệt may, nông sản, rau quả, thực phẩm; sản phẩm da, giày dép; đồ gia dụng... Đa số người dân đã tự xác định tâm thế khi mua hàng hóa sẽ ưu tiên dùng hàng Việt Nam và khuyên người thân trong gia đình, bạn bè, người quen nên mua hàng Việt Nam.

Hàng Việt tại các kênh phân phối chiếm tỷ lệ khá cao, trên 85% tại các siêu thị hiện đại, trên 90% trong các cơ sở phân phối của doanh nghiệp trong nước, còn tại các hệ thống siêu thị nước ngoài ở Việt Nam, tỉ lệ này chiếm từ 60-96%. Tại kênh bán lẻ truyền thống, tỷ lệ hàng Việt tại chợ, cửa hàng tiện lợi chiếm từ 60% trở lên. Doanh thu bán lẻ hàng hóa của khu vực kinh tế trong nước chiếm tỷ lệ 85% tổng mức bán lẻ hàng hóa trong nước. Đặc biệt, kể từ sau dịch COVID-19 đến nay, đã có 76% người tiêu dùng Việt Nam chuộng hàng nội địa, nhất là những sản phẩm đã có thương hiệu, đảm bảo chất lượng và tốt cho sức khỏe. Điển hình như chuỗi thương hiệu Uniqlo khi mới xuất hiện ở Việt Nam, chỉ có khoảng 20-25% là hàng Made in Vietnam. Đến nay, Uniqlo đã đạt 60% và phấn đấu đạt 70% hàng hóa Made in Vietnam được đưa vào hệ thống và xuất khẩu vào năm 2025.

Sự lớn mạnh của quy mô và thương hiệu hàng hóa Việt Nam đã tạo cơ sở để hình thành

những tập đoàn kinh tế đủ mạnh, dẫn dắt các phân ngành công nghiệp. Nhiều chuỗi cung ứng trong nước được ra đời như: Chuỗi cung ứng điện năng, khí LNG, điện tử, thép, dệt may - thời trang, da giày, đồ gỗ... Việt Nam cũng tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu thông qua các doanh nghiệp FDI.

Theo điều tra của Liên đoàn Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI), năm 2023 có 63,3% doanh nghiệp FDI sử dụng hàng hóa và dịch vụ đầu vào của các doanh nghiệp Việt Nam, cao hơn rất nhiều so với 12,4% của năm 2010. Tỷ trọng trong tổng sản phẩm (GDP) của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng nhanh và bền vững qua các năm. Việt Nam đã vươn lên trở thành một trong những quốc gia có nền công nghiệp có năng lực cạnh tranh toàn cầu ở mức khá cao. Đứng vị trí thứ 44 trên thế giới năm 2018 và đứng thứ 30 vào năm 2021.

Thương hiệu sản phẩm Việt Nam phủ sóng thị trường thế giới

Uy tín, thương hiệu hàng Việt ngày càng được khẳng định tại thị trường nội địa và không ngừng gia tăng, góp phần đưa thương hiệu Việt phủ sóng thị trường thế giới. Tỷ lệ nhập siêu của Việt Nam giảm dần và xuất siêu liên tục kể từ năm 2016. Hiện, Việt Nam đứng thứ 23 trong top 30 nền kinh tế xuất khẩu lớn nhất thế giới.

Năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 355,5 tỷ USD, có 35 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 93,6% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó có 07 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 66%). 11 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ cả nước đạt 369,93 tỷ USD,

tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước; riêng khu vực kinh tế trong nước đạt 103,88 tỷ USD, tăng 20,0%, chiếm 28,1% tổng kim ngạch xuất khẩu. Nhiều ngành hàng xuất khẩu vụt sáng với các kỷ lục xuất khẩu mới được thiết lập.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới - Brand Finance, giá trị thương hiệu Việt Nam năm 2024 xếp thứ 32 trong số 193 quốc gia được đánh giá và đạt 507 tỷ USD, tăng một bậc về thứ hạng và tăng 2% về giá trị so với năm 2023. Brand Finance nhận định, thương hiệu quốc gia Việt Nam đã có những bước tiến vượt bậc trong những năm gần đây. Việt Nam không chỉ lọt Top 100 nước có thương hiệu mạnh, mà còn là nước có giá trị thương hiệu tăng nhanh nhất thế giới giai đoạn 2019-2022. Với giá trị quốc gia được đánh giá cao, tất cả hàng hoá, dịch vụ của Việt Nam cũng sẽ được hưởng lợi, nhất là du lịch và hàng hoá xuất khẩu. Khi cái tên Việt Nam trở nên quen thuộc và uy tín cũng sẽ góp phần thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam. Việt Nam ngày càng tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu với một thị trường nội địa đầy tiềm năng.

Trong khi đó, báo cáo mới nhất của Google, Temasek và Bain & Company nhận định, tổng giá trị hàng hóa của Việt Nam dự kiến đạt tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm

ở mức 16%, chạm mốc 36 tỷ USD vào năm 2024. Trong đó lĩnh vực thương mại điện tử (TMĐT) là một động lực chính thúc đẩy phát triển. Năm 2024, ngành thương mại điện tử đã tăng trưởng tới 18% so với cùng kỳ năm 2023, với mức tổng giá trị chạm mốc 22 tỷ USD. Trong đó, TMĐT xuyên biên giới được xác định là đòn bẩy cho xuất khẩu trực tuyến, đưa hàng Việt vươn tầm thế giới với mức tăng trưởng đạt tốc độ nhanh chóng, đạt 2,3 nghìn tỷ USD năm và dự kiến đạt 7.938 tỷ USD vào năm 2030.

Báo cáo TMĐT năm 2023 của Cục TMĐT và Kinh tế số cho thấy, có 13% doanh nghiệp có sử dụng website/ứng dụng TMĐT phục vụ cho mục đích xuất nhập khẩu. Trong số các doanh nghiệp đó, 53% xuất khẩu thông qua sàn giao dịch TMĐT, 47% xuất khẩu thông qua website/ứng dụng tự xây dựng. Ngoài ra, 60% doanh nghiệp được khảo sát cho biết, giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu thông qua TMĐT chiếm 10-30%. Thị trường phổ biến ứng dụng TMĐT cho hoạt động xuất khẩu, như: Hàn Quốc chiếm 45%; Nhật Bản 40%, Trung Quốc 38%...

Mặc dù vậy, hàng hóa Việt Nam vẫn gặp phải nhiều rào cản trước sức ép cạnh tranh với các thương hiệu nước ngoài hàng nhập khẩu giá rẻ, đặc biệt là hàng nhập khẩu từ các nền tảng thương mại điện tử xuyên biên giới tại thị trường

trong nước và xu thế bảo hộ của các thị trường quốc tế đối với hàng hóa xuất khẩu. Trước thực trạng đó, nhiều giải pháp được đề xuất nhằm nâng cao chất lượng, mẫu mã, giá cả và năng lực cạnh tranh của sản phẩm để hàng Việt Nam thực sự hấp dẫn người tiêu dùng trong và ngoài nước. Trong đó, cơ quan quản lý cần nghiên cứu, đúc rút từ thực tiễn những bài học kinh nghiệm để có những đột phá mạnh mẽ trong việc triển khai, nâng cao hơn nữa chất lượng, uy tín của hàng Việt Nam trên cả thị trường trong nước và nước ngoài, nhất là các thị trường Việt Nam đã ký kết Hiệp định Thương mại Tự do. Đẩy mạnh các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, kết nối cung cầu; nâng cao hiệu quả quản lý thị trường, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả... Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển thương mại điện tử và các kênh thương mại hiện đại, kết hợp hài hòa với hoạt động thương mại, phân phối truyền thống. Các doanh nghiệp cần tiếp tục nghiên cứu, chủ động đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ bảo đảm chất lượng tốt nhất và giá cả phù hợp nhất. Chú trọng xây dựng thương hiệu, đẩy mạnh quảng bá; phát triển kênh phân phối để đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng./.

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý IV và 12 tháng năm 2023, Tổng cục Thống kê;
2. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng Mười một và 11 tháng năm 2024, Tổng cục Thống kê;
3. Báo cáo Thương mại điện tử năm 2023 của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Bộ Công Thương.



Ngành logistics Việt Nam

CHUYỂN ĐỔI ĐỂ BỨT PHÁ TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

ThS. Đào Bùi Kiên Trung
Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Theo các chuyên gia kinh tế, ngành logistics Việt Nam có rất nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển. Tuy nhiên, với xu thế hội nhập, thương mại quốc tế ngày càng phát triển, ngành logistics Việt Nam cần phải chuyển đổi theo các xu thế mới như: Chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ nhằm tạo tạo bứt phá trong kỷ nguyên mới.

Từ khóa: Ngành logistics, Việt Nam, hội nhập, thương mại, chuỗi cung ứng

Nhiều tiềm năng phát triển trong giai đoạn mới

Hiện nay, Việt Nam được đánh giá là một trong những thị trường có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển dịch vụ logistics. Theo đó, Việt Nam là quốc gia nằm trong khu vực phát triển năng động của thế giới, nơi luồng hàng hóa tập trung giao lưu mạnh và nền kinh tế có độ mở lớn, trên 200%. Cùng với đó là 17 Hiệp định thương mại tự do đã được ký kết, thực thi với gần 70 quốc gia, vùng lãnh thổ, bao gồm hầu hết các nền kinh tế lớn trên thế giới, chiếm 90% GDP toàn cầu.

Ngoài ra, kim ngạch xuất nhập khẩu và thương mại điện tử luôn tăng trưởng ở mức hai con số là điều kiện để dịch vụ logistics tại Việt Nam phát triển mạnh mẽ. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2023, kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt mức 681 tỷ USD, bằng 158%

GDP cả nước. Dự báo mới nhất của Standard Chartered cho biết, Việt Nam sẽ là một trong những nhân tố chính đóng góp vào tăng trưởng thương mại toàn cầu với kim ngạch xuất khẩu dự kiến đạt 618 tỷ USD vào năm 2030 với tốc độ tăng trưởng hàng năm là 7%; Kim ngạch nhập khẩu đến năm 2030 dự kiến đạt 578 tỷ USD, tăng bình quân 6,9%/năm.

Với xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, Việt Nam được đánh giá có nhiều cơ hội để thúc đẩy phát triển ngành dịch vụ logistics khi hạ tầng giao thông đường bộ, cảng hàng không, cảng biển, kho bãi, hạ tầng thương mại, trung tâm logistics không ngừng được mở rộng với quy mô lớn, rộng khắp; các dịch vụ đi kèm đã, đang đáp ứng kịp thời những yêu cầu hết sức đa dạng của thị trường. Các thủ tục, thời gian thông quan đối với hàng xuất khẩu cũng được cải thiện đáng kể.

Hạ tầng logistics phát triển nhanh với nhiều công trình lớn, hiện đại, thúc đẩy cơ cấu hợp lý, kết nối hài hòa các phương thức vận tải, giảm chi phí. Trong đó, hạ tầng đường bộ có nhiều đột phá, hệ thống đường cao tốc đã đạt trên 2.000 km. Đáng chú ý, trong giai đoạn 2022 – 2024, đã có hàng trăm nghìn tỷ đồng của chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội được đầu tư vào các dự án quan trọng, dự án trọng điểm và một phần không nhỏ trong số này đã được đưa vào hệ thống hạ tầng giao thông. Đây là hệ thống huyết mạch của nền kinh tế cũng như huyết mạch của ngành dịch vụ logistics. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đang quyết tâm xây dựng đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam, kết nối đường sắt với Lào, Trung Quốc.

Phát triển logistics Việt Nam có xu hướng tích cực hơn, phát huy đa dạng các phương thức vận tải, giảm dần phụ thuộc vào vận tải

bằng đường bộ. Hệ thống sân bay phát triển tương đối tốt. Năng lực đường thủy nội địa được nâng cao với 298 cảng nội địa; hình thành các cảng biển cửa ngõ, bến chuyên dùng gắn với khu công nghiệp trung tâm công nghiệp (có 286 bến cảng, 95 km cầu cảng, 25 tuyến quốc tế...); hoàn thiện khu xử lý hàng hóa riêng biệt tại các cảng hàng không; đẩy mạnh đầu tư các trung tâm logistics (hiện có 69 trung tâm lớn và vừa), chuyển mạnh sang trung tâm thể hệ mới ứng dụng công nghệ 4.0... Việc cải thiện cơ sở hạ tầng logistics sẽ giúp Việt Nam củng cố vị trí là trung tâm trung chuyển khu vực.

Bên cạnh đó, phát triển nhân lực logistics cũng được đẩy mạnh. Hiện nay, Việt Nam đang tập trung phát triển 3 cấp độ đào tạo (đại học và trên đại học; cao đẳng, trung cấp; đào tạo ngắn hạn) và 49 trường đại học có ngành học logistics.

Đặc biệt, sự phát triển của ngành logistics đang diễn ra trong bối cảnh mới. Việc triển khai các hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương và thể hệ mới đòi hỏi doanh nghiệp phải nỗ lực nâng cao sức cạnh tranh. Bên cạnh đó, kinh tế thế giới năm 2024 dự báo tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Gia tăng căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự giữa Nga - U-crai-na diễn biến phức tạp và kéo dài, xung đột tại Dải Gaza, các cuộc tấn công hoạt động vận tải tại Biển Đỏ đã ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng hàng hóa toàn cầu.

Cùng với đó, xu hướng phát triển bùng nổ của thương mại điện tử và thương mại điện tử xuyên biên giới, cùng với yêu cầu ngày càng cao về logistics xanh và phát triển bền vững vừa là cơ hội và cũng là thách thức với ngành dịch vụ logistics Việt Nam.

Năm 2023, quy mô thị trường thương mại điện tử bán lẻ Việt Nam đạt 20,5 tỷ USD, tăng khoảng 4 tỷ USD (tương đương 25%) so với năm 2022. Với kết quả đó, Việt Nam được xếp vào nhóm 10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng thương mại điện tử hàng đầu thế giới. Những thay đổi trong thương mại điện tử trên thế giới và tại Việt Nam đã góp phần thúc đẩy ngành logistics Việt Nam cải thiện phương thức cung cấp dịch vụ ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả hơn.

Đánh giá về tầm quan trọng của ngành logistics Việt Nam tại Diễn đàn Logistics Việt Nam 2024, Bộ trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Hồng Diên khẳng định, logistics là ngành dịch vụ được ví như những “mạch máu” của nền kinh tế, có vai trò quan trọng trong kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Theo thông tin từ Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA), năm 2023, giá trị thị trường ngành logistics Việt Nam đạt khoảng 40 tỷ USD và dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng với tỷ lệ khoảng 14 - 16% hằng năm đến năm 2025. Ngành logistics hiện đang đóng góp khoảng 4 - 5% GDP và tạo ra công ăn việc làm cho hơn 1 triệu lao động trực tiếp.

Cùng với đó, các doanh nghiệp logistics của Việt Nam tăng nhanh về số lượng, đến nay đã có khoảng trên 3.000 doanh nghiệp vận tải và logistics trong nước và khoảng 25 tập đoàn logistics hàng đầu thế giới đang hoạt động tại Việt Nam. Việt Nam hiện đang đứng đầu ASEAN về số doanh nghiệp được cấp phép vận chuyển đường biển đi và đến Hoa Kỳ.

Ngành logistics Việt Nam đã và đang từng bước khẳng định thương hiệu, vị thế của mình trong khu vực và thế giới. Theo bảng xếp hạng về chỉ số thị trường mới nổi của Agility (nhà cung cấp dịch vụ vận tải và hậu cần kho vận hàng đầu thế giới), năm 2023, Việt Nam đứng thứ 10/50 thị trường logistics mới nổi toàn cầu, tăng 1 bậc so với năm trước đó. Còn theo xếp hạng của Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam hiện đứng thứ 43/155 nước về hiệu quả logistics (các chỉ số thành phần về hiệu quả vận chuyển quốc tế, hạ tầng và hiệu quả hải quan được cải thiện). Việt Nam đã được xếp hạng thuộc nhóm 5 thị trường dẫn đầu ASEAN (sau Singapore, Malaysia, Thái Lan và cùng thứ hạng với Philippines).

Chuyển đổi để bứt phá trong kỷ nguyên mới

Đánh giá vai trò, tiềm năng phát triển logistics, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh, thời gian qua, nhận thức về phát triển logistics ở Việt Nam được nâng lên; khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách được tiếp tục hoàn thiện. Hạ tầng logistics phát triển nhanh với nhiều công trình lớn, hiện đại, thúc đẩy cơ cấu hợp lý, kết nối hài hòa các phương thức vận tải, bao gồm: Hệ thống giao thông, sân bay, cảng biển, hạ tầng điện, sóng Internet... Phát triển logistics có xu hướng tích cực hơn, phát huy đa dạng các phương thức vận tải, giảm dần phụ thuộc vào vận tải bằng đường bộ; phát triển nhân lực được đẩy mạnh, nhiều chỉ số xếp hạng quốc tế về logistics của Việt Nam được cải thiện...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả quan trọng đạt được, ngành logistics của Việt Nam trên thực tế vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: Chính sách, thể chế đối với ngành logistics còn thiếu

và chưa đồng bộ, chưa có khung khổ pháp lý; cơ sở hạ tầng giao thông vận tải và hạ tầng logistics như kho hàng, bến bãi, trung tâm logistics còn hạn chế, chưa đồng bộ, chưa hình thành được các hành lang vận tải đa phương thức thông suốt, còn thiếu các trung tâm logistics ở vị trí chiến lược, kết nối với hệ thống cảng, sân bay, đường bộ và cơ sở sản xuất; doanh nghiệp logistics Việt Nam còn hạn chế về trình độ, kinh nghiệm, vốn, nguồn nhân lực, khả năng cạnh tranh còn yếu, thường đóng vai trò nhà thầu phụ hay đại lý cho các tập đoàn nước ngoài; nguồn nhân lực được đào tạo chuyên ngành logistics còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu, đặc biệt là thiếu các nhân sự logistics trình độ cao, có năng lực ứng dụng và triển khai các công nghệ mới tại các doanh nghiệp.

Trước những thách thức trên, các chuyên gia nhận định, để ngành logistics Việt Nam bứt phá trong kỷ nguyên mới thì không đơn giản chỉ dựa vào những tiềm năng, lợi thế sẵn có mà còn phải bứt phá để vượt lên trong một thế giới cũng đang chuyển mình nhanh chóng.

Tại diễn đàn Logistics Việt Nam năm 2024, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cho rằng, thời gian tới, với xu thế hội nhập, thương mại quốc tế sẽ ngày càng phát triển, thế giới phải đối mặt nhiều vấn đề mang tính toàn dân, toàn diện, toàn cầu mà không một quốc gia đơn lẻ nào có thể giải quyết được. Ở trong nước, kỷ nguyên phát triển mới và việc đẩy mạnh khai thác không gian biển, không gian ngầm, không gian vũ trụ, chuyển đổi số, đẩy mạnh 3 đột phá chiến lược về thể chế, hạ tầng và nhân lực cũng sẽ đặt ra những yêu cầu mới; đồng thời tạo điều kiện thúc đẩy mạnh mẽ

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đưa ra 3 mục tiêu phát triển ngành logistics:

- Giảm chi phí logistics so với GDP Việt Nam từ 18% xuống còn 15% trong năm 2025;
- Nâng tỷ trọng ngành logistics Việt Nam trong quy mô GDP từ 10% lên 15% và phần đầu đạt 20%; đồng thời nâng tỷ trọng của ngành logistics Việt Nam so với quy mô ngành logistics toàn cầu từ 0,4% lên 0,5% và phần đầu đạt 0,6%;
- Nâng tốc độ tăng trưởng của ngành logistics Việt Nam từ 14-15% mỗi năm hiện nay lên 20%.

ngành logistics, giảm thời gian, chi phí, nâng cao khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Trong bối cảnh đó, dịch vụ logistics càng thể hiện vai trò quan trọng, đóng góp thiết thực vào công cuộc phát triển của đất nước và hội nhập, tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Chính vì vậy, Thủ tướng nhấn mạnh, phát triển ngành logistics Việt Nam phải đi theo các xu thế mới như chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế tri thức; trên tinh thần “nguồn lực bắt nguồn từ tư duy và tầm nhìn, động lực bắt nguồn từ sự đổi mới và sáng tạo; sức mạnh bắt nguồn từ nhân dân và doanh nghiệp”, “sáng tạo để bay cao, đổi mới để vươn xa, hội nhập để phát triển”.

Trước hết, phải nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của logistics trong quá trình

phát triển đất nước, nhất là với Việt Nam là trung tâm của khu vực châu Á-Thái Bình Dương để khai thác tối đa tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh trong chuỗi logistics thế giới.

Thứ hai, tạo đột phá thể chế theo hướng thông thoáng để phát triển ngành xứng tầm, với quan điểm “thể chế là nút thắt của nút thắt”, là “đột phá của đột phá”.

Thứ ba, xây dựng hạ tầng logistics hiện đại, thông suốt để giảm chi phí, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm, đặc biệt là phát triển ngành hàng không, hàng hải và đường sắt tốc độ cao.

Thứ tư, xây dựng quản trị thông minh và đào tạo nhân lực chất lượng cao cho ngành logistics.

Thứ năm, đẩy mạnh hội nhập, ngoại giao logistics và hiện đại hóa ngành logistics nội địa.

Thứ sáu, xây dựng và phát triển quốc gia thương mại tự do, đồng thời quản lý hiệu quả, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững môi trường hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển.

Thứ bảy, kết nối chặt chẽ giữa các phương thức giao thông (hàng không, hàng hải, đường sắt, đường bộ và đường thủy nội địa) và kết nối với giao thông quốc tế, với các khu thương mại tự do của thế giới.

Có thể nói, với quyết tâm và sự vào cuộc quyết liệt của các cấp, các ngành và sự ủng hộ của bạn bè quốc tế, cùng với đà tăng tốc, bứt phá, tâm thế mới, tư duy mới trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, ngành logistics Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn, đóng góp quan trọng cho sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên vươn mình, phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc./

Xuất khẩu nông sản năm 2024 ĐẠI THẮNG VỚI NHIỀU KỶ LỤC

ThS. Mai Thị Châu Lan - ThS. Nguyễn Thị Phương Liên
Trường Kinh tế - Đại học Công nghiệp Hà Nội

Xuất khẩu nông sản Việt Nam năm 2024 chứng kiến sự bứt phá ấn tượng, là năm bội thu với kim ngạch tăng trưởng vượt bậc, trở thành điểm sáng trong bức tranh thương mại cả nước, đồng thời chứng minh được vị thế “trụ đỡ” của nền kinh tế. Dù chưa đi hết năm, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa nông sản đã vượt mục tiêu cả năm, tiếp tục hành trình chinh phục kỷ lục mới, đem lại động lực to lớn, góp phần đẩy mạnh hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

Từ khóa: nông sản, xuất khẩu, tăng trưởng, kỷ lục, giá xuất khẩu...

Abstract: Vietnam's agricultural exports in 2024 will witness an impressive breakthrough, a bumper year with outstanding growth in turnover, becoming a bright spot in the country's trade picture, and proving its position as a “supporting pillar” of the economy. Although the year has not yet ended, the export turnover of agricultural products has exceeded the yearly target, continuing the journey to conquer new records, bringing great motivation, contributing to promoting the completion of economic development targets. economy and society in 2024.

Keywords: agricultural products, exports, growth, record, export prices...

Chứng kiến sự tăng trưởng vượt bậc với nhiều “ngôi sao nông sản”

Năm 2024 thực sự là một năm đánh dấu bước ngoặt lớn đối với ngành nông nghiệp Việt Nam, nhất là xuất khẩu nông sản với những con số tăng trưởng ấn tượng, phá vỡ nhiều kỷ lục trước đó. Kể từ đầu năm đến nay, xuất khẩu nông sản liên tục có tin vui và đạt thành tựu đáng ghi nhận, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tháng 11/2024 ước đạt 5,3 tỷ USD, tăng 13,9% so với tháng 11/2023; đưa tổng kim ngạch xuất khẩu ngành này 11 tháng đầu năm 2024 đạt 56,74 tỷ USD, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2023. Dù chưa đi hết năm 2024,

ngành nông nghiệp đã “về đích” sớm với mục tiêu giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 55-56 triệu USD năm 2024 và đang tiếp tục chinh phục kỷ lục mới trong thời gian còn lại của năm. Sự bứt phá ấn tượng của nông sản Việt Nam trong hành trình vươn ra thế giới trong thời gian qua có sự đóng góp tích cực của một số ngành hàng tăng trưởng nổi bật.

Một trong những điểm sáng đóng góp vào bức tranh sôi động của xuất khẩu nông sản trong năm 2024 là ngành lúa gạo. Trong năm, doanh nghiệp xuất khẩu gạo Việt Nam liên tiếp trúng các gói thầu lớn trong các cuộc đấu thầu gạo quốc tế, nhất là gói thầu gạo nhiều kỷ lục của Indonesia -

đất nước nhập khẩu gạo lớn thứ hai thế giới. Cùng với việc trúng các gói thầu từ thị trường truyền thống, doanh nghiệp cũng tìm kiếm được nhiều đơn hàng xuất khẩu đi các thị trường khó tính, giá trị cao. Số liệu thống kê cho thấy, lũy kế 11 tháng năm 2024, Việt Nam xuất khẩu được gần 8,5 triệu tấn gạo với giá trị 5,3 tỷ USD, vượt kim ngạch xuất khẩu gạo của cả năm 2023. Đáng chú ý, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam có nhiều thời điểm tăng mạnh so với giá gạo của các đối thủ cạnh tranh như Thái Lan và Pakistan với nhu cầu gia tăng tại các thị trường truyền thống. Thậm chí, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam khoảng giữa năm 2024 từng đạt mức cao



chưa từng thấy tại nhiều thị trường quốc tế như: Brunei, Mỹ, Hà Lan, Ukraine, Iraq..., đưa Việt Nam trở thành quốc gia có giá gạo cao nhất trong số các nhà xuất khẩu hàng đầu thế giới. Đến nay, dù giá gạo xuất khẩu liên tục hạ nhiệt, nhưng gạo Việt Nam vẫn khẳng định được thương hiệu mạnh, có mức giá cao hơn một số quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhờ có được thị phần tại những thị trường khó tính, yêu cầu cao về chất lượng gạo, đồng thời giá trị mang lại cao. Do đó, 11 tháng năm 2024, dù khối lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam tăng 10,6% nhưng trị giá xuất khẩu lại tăng đến 22,3% so với cùng kỳ năm 2023.

Xuất khẩu rau quả trong năm 2024 cũng gây được tiếng vang lớn, khẳng định uy tín, thương hiệu trên thị trường quốc tế. Trong 11 tháng năm 2024, trị giá kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt 6,6 tỷ USD, tăng 27,4% so với cùng kỳ năm 2023. Đây là trị giá kim ngạch xuất khẩu cao nhất từ trước đến nay của ngành hàng rau quả với sự bứt phá của nhiều sản phẩm chủ lực như: Sầu riêng, thanh long, chuối, mít, xoài... Trong đó, xuất khẩu sầu riêng được coi là quân "át chủ bài" với tỷ trọng lớn, giúp kim ngạch

xuất khẩu rau quả năm 2024 của Việt Nam tăng trưởng mạnh và đạt thành tựu lớn. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, từ đầu năm đến hết tháng 10/2024, sầu riêng tiếp tục là nhóm hàng xuất khẩu mang về kim ngạch lớn nhất của nhóm hàng rau quả, đạt 2,85 tỷ USD, tăng 46%, tương ứng tăng 900 triệu USD so với cùng kỳ năm trước và chiếm tỷ trọng 46% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của cả nước trong cùng thời điểm. Với kết quả xuất khẩu đến thời điểm hiện tại, ngành rau quả Việt Nam sẽ chạm mốc kỷ lục 7 tỷ USD, thậm chí có thể vượt mọi dự báo với con số 7,2 tỷ USD trong năm 2024.

Nổi bật trên bức tranh thương mại nông sản trong năm vừa qua còn phải kể đến sự bứt phá của một số mặt hàng nông sản chủ lực khác như: Cà phê, hồ tiêu, điều... nhờ giá xuất khẩu tăng cao. Theo đó, xuất khẩu cà phê 11 tháng năm 2024 đạt 1,2 triệu tấn với trị giá 4,93 tỷ USD, dù khối lượng xuất khẩu trong 11 tháng qua giảm 14,3% nhưng lại tăng đến 35,4% về trị giá. Giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong năm 2024 tăng mạnh, liên tục phá vỡ nhiều kỷ lục, trở thành mặt hàng nông sản có giá tăng mạnh nhất

trong số các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Thời điểm tháng 11/2024, giá cà phê xuất khẩu bình quân ước đạt 5.818 USD/tấn, mức cao nhất từ trước đến nay. Tính chung 11 tháng năm 2024, giá cà phê xuất khẩu bình quân ước đạt 4.838 USD/tấn, tăng 57% so với cùng kỳ năm 2023. Xuất khẩu điều trong cùng giai đoạn cũng ghi nhận mức tăng trưởng 2 con số, đạt 669 nghìn tấn với trị giá 3,97 tỷ USD, tăng lần lượt 15,2% và 20,6% về khối lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Đáng chú ý, năm 2024 đánh dấu mốc "hạt vàng đen" hồ tiêu của Việt Nam chính thức quay lại đường đua xuất khẩu tỷ đô sau 6 năm vắng bóng nhờ giá xuất khẩu tăng mạnh. 11 tháng năm 2024 Việt Nam xuất khẩu 234 nghìn tấn hồ tiêu, giảm 4,6% so với cùng kỳ năm trước nhưng đạt 1,2 tỷ USD, tăng 46,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu của Việt Nam tăng mạnh theo xu thế tăng chung của thế giới với mức tăng trưởng 2 con số ở tất cả các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam.

Trong khi đó, tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đạt 14,7 tỷ USD trong 11 tháng năm 2024, tăng 21,2% so với

cùng kỳ năm trước. Dự báo, xuất khẩu gỗ năm 2024 sẽ về đích hơn 16 tỷ USD kim ngạch xuất khẩu, tiếp tục là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực mạnh của nông sản nói riêng và xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam nói chung.

Xuất khẩu thủy sản cũng tiếp tục đạt được những thành tích ấn tượng, không chỉ về giá trị mà còn về sự đa dạng và ổn định của các thị trường và sản phẩm xuất khẩu. Lũy kế 11 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 9,16 tỷ USD, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước. Trung Quốc (bao gồm Hong Kong) đã vượt qua Mỹ vươn lên dẫn đầu trong các thị trường nhập khẩu thủy sản Việt Nam với mức tăng trưởng 61% trong tháng 11/2024, nâng tổng kim ngạch nhập khẩu lũy kế 11 tháng lên hơn 1,7 tỷ USD, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước. Với tín hiệu tích cực từ thị trường, sản phẩm thủy sản gần như chắc chắn có thể hoàn thành mục tiêu đạt 10 tỷ USD xuất khẩu trong năm 2024.

Chiến lược phát triển theo hướng gia tăng giá trị bền vững và hiệu quả

Những thành tựu của ngành nông nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực xuất khẩu đã khẳng định và góp phần nâng tầm uy tín, thương hiệu sản phẩm hàng hóa nông sản Việt Nam trên thị trường thế giới. Không chỉ tập trung vào những mặt hàng truyền thống, nông sản Việt Nam ngày càng đa dạng hóa sản phẩm, giới thiệu thành công nhiều mặt hàng mới đến với người tiêu dùng quốc tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhiều thị trường khó tính. Bên cạnh các loại trái cây truyền thống như xoài, nhãn, chôm chôm, Việt Nam đã thành công trong việc đưa ra thị trường nhiều loại trái cây đặc sản khác như: Sầu riêng, măng cụt, vải, thanh long... và gặt hái thành tựu lớn.

Ngoài ra, các sản phẩm chế biến từ nông sản như nước ép trái cây, trái cây sấy khô, các loại gia vị... đang ngày càng được ưa chuộng trên thị trường quốc tế.

Bên cạnh đa dạng hóa sản phẩm, doanh nghiệp Việt Nam ngày càng chú trọng đến việc đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế như GlobalGAP, VietGAP, USDA... Nhờ áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, xây dựng các chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ, chất lượng sản phẩm cũng được nâng cao và ngày càng chinh phục lòng tin của người tiêu dùng thế giới.

Điển hình phải kể đến Đề án "Phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030". Đề án có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong định hướng chuyển đổi phương thức canh tác lúa bền vững ở Đồng bằng sông Cửu Long - vựa lúa lớn nhất cả nước và hình thành, phát triển các vùng nguyên liệu tập trung quy mô lớn ổn định lâu dài, bảo đảm chất lượng canh tác và hiệu quả, tạo lợi thế cạnh tranh bền vững cho Việt Nam. Việc ngành nông nghiệp thực hiện chủ trương chuyển sang sản xuất các loại gạo chất lượng cao, gạo có tính đặc thù (như gạo thơm) không chỉ giúp Việt Nam đa dạng hóa sản phẩm, gia tăng giá trị, mà còn hạn chế khả năng bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi về chính sách của các nước xuất khẩu lớn. Hiện nay, gạo chất lượng cao và gạo thơm chiếm khoảng 50% phân khúc gạo xuất khẩu của Việt Nam. Đây cũng là định hướng được ngành lúa gạo đề ra trong nhiều năm nay với mục tiêu không chạy theo số lượng mà tập trung vào chất lượng nhằm tăng giá trị xuất khẩu.

Tương tự, người nông dân trồng hồ tiêu tại Việt Nam ngày càng có nhận thức rõ hơn về việc sử dụng các phế phẩm sinh học và thực hiện các biện pháp trồng trọt bền vững. Nhờ đó, người nông dân tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, thúc đẩy tăng sản lượng sản xuất và xuất khẩu. Câu chuyện sản xuất bền vững, giảm phát thải, xuất khẩu nông sản theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm không chỉ của riêng một vài loại nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam mà đã trở thành tiếng nói chung của hầu hết các ngành hàng nông sản xuất khẩu.

Để thực hiện các chủ trương phát triển và thúc đẩy thương mại nông sản tăng trưởng, Nhà nước đã dành nhiều chính sách hỗ trợ vốn, khuyến khích sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân và doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất và xuất khẩu. Song song với đó, các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm và các sự kiện quảng bá sản phẩm tại các thị trường mục tiêu đã giúp nâng cao nhận biết về nông sản Việt Nam. Sự tăng trưởng mạnh mẽ của thương mại điện tử giúp mở rộng thị trường và rút ngắn khoảng cách giữa nhà sản xuất và người tiêu dùng. Nhiều nông dân và doanh nghiệp đã xây dựng thành công thương hiệu cá nhân cho sản phẩm của mình, tạo ra sự khác biệt và thu hút khách hàng.

Thông qua nâng tầm các mối quan hệ và các cam kết quốc tế, tham gia mạnh mẽ vào các Hiệp định thương mại tự do, thị phần hàng hóa nông sản Việt Nam ngày càng mở rộng, có mặt tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, góp phần tăng cường uy tín

và thương hiệu, đưa nông sản Việt tham gia mạnh mẽ vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, xuất khẩu nông sản Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức như: Cạnh tranh gay gắt tại thị trường nông sản thế giới, thách thức biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi có thể gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp... Do đó, Việt Nam cần có một chiến lược dài hạn, đồng bộ và sự tham gia của tất cả các bên liên quan cùng chung sức thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu nông sản theo hướng bền vững và hiệu quả. Để khắc phục những tồn tại, hạn chế, phát huy thành tựu đạt được và tiếp tục đưa nông sản Việt Nam vươn lên những tầm cao mới trên thị trường thế giới, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước, doanh nghiệp và nông dân, tập trung vào các giải pháp như: Nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa thị trường, xây dựng thương hiệu và phát triển chuỗi cung ứng bền vững.

Đến thời điểm hiện tại, có thể khẳng định, năm 2024 là một năm thành công của xuất khẩu nông sản Việt Nam. Đây chính là tiền đề quan trọng để ngành nông nghiệp tiếp tục tăng trưởng, đóng góp ngày càng lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đồng thời, nâng cao cơ hội tạo chuỗi giá trị toàn cầu, khẳng định uy tín, thương hiệu, hướng đến mục tiêu Việt Nam trở thành quốc gia xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới./.

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng Mười Một và 11 tháng năm 2024, Tổng cục Thống kê.

2. Quyết định số 1490/QĐ-TTG ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030".

Vai trò của văn hóa

TRONG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC



Hoài An

Từ khi Đảng lãnh đạo tiến hành công cuộc đổi mới, tư duy về văn hóa, về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế đã có sự thay đổi. Vai trò của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế đã được nhìn nhận một cách toàn diện hơn. Văn hóa được xem là nền tảng tinh thần, vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển kinh tế. Vai trò và giá trị phát triển văn hóa trong phát triển kinh tế của đất nước ngày càng được nâng cao.

Từ khóa: Văn hóa, phát triển, công nghiệp văn hóa, kinh tế...

Vai trò của văn hóa trong phát triển đất nước

Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước dành cho văn hóa những năm qua là rất lớn. Ngay từ sớm, Đảng ta xác định: Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa). Trong thời kỳ đổi mới, tư duy lý luận của Đảng về xây dựng văn hóa gắn liền với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội không ngừng được bổ sung, phát triển và hoàn thiện. Từ đó, Đảng xác định rõ vai trò của từng trụ cột, định hướng có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm sự phát triển cân đối, hài hòa, tương xứng giữa văn hóa với kinh tế. Đặc biệt, trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh hơn nữa vai trò động lực của văn hóa trong phát triển kinh tế: "Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Xây dựng, phát huy yếu tố văn hóa để thực sự là đột phá phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế" và "Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường

văn hóa, đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh; vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế”.

Với tư cách là động lực cho sự phát triển kinh tế, sự hiện diện và phát huy các giá trị của văn hóa trong các hoạt động kinh tế ngày càng sâu rộng hơn. Trên thực tiễn, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã giải quyết hiệu quả mối quan hệ giữa phát triển văn hóa với tăng trưởng kinh tế. Theo đó, môi trường văn hóa ngày càng được quan tâm xây dựng và củng cố, gắn bó chặt chẽ hơn với các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội. Các sản phẩm văn hóa ngày càng được đầu tư mở rộng đa dạng, phong phú, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Phong trào, hoạt động văn hóa được mở rộng, có chiều sâu và đem lại hiệu quả tích cực, qua đó đã góp phần giữ gìn, bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa dân tộc được chú trọng, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam với bạn bè quốc tế...

Những kết quả đạt được trong hoạt động văn hóa đã góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Việt Nam từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, khép kín, đã bứt phá vươn lên trở thành điểm sáng trong bức tranh kinh tế toàn cầu. Năm 2023, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam tăng 5,05%, quy mô nền kinh tế khoảng 430 tỷ USD, cao hơn nhiều nước trong khu vực và thế giới. Các chỉ tiêu về giảm thiểu bất bình đẳng giới, rút ngắn khoảng cách giàu nghèo được triển khai thực hiện hiệu quả. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của cả nước

giảm xuống dưới 3% vào năm 2020, Chỉ số tổng hợp phát triển con người (HDI) liên tục được cải thiện đã tăng từ 0,682 năm 2016 lên 0,706 năm 2020. Năm 2023 tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 2,01%, giảm 0,20 điểm phần trăm so với năm 2022. Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 ước đạt 4,95 triệu đồng/người/tháng, tăng 5,9% so với năm 2022. Các hoạt động văn hóa, thể thao, văn nghệ được đầu tư phát triển, đạt nhiều thành tựu nổi bật. Quy mô, chất lượng giáo dục được nâng cao. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng được đánh giá có nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển công nghiệp văn hóa. Hiện, phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa của Việt Nam đã và đang mang lại kỳ vọng về hướng phát triển nhanh, bền vững. Theo báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, sau 05 năm triển khai thực hiện Chiến lược về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, Việt Nam đã có 12 ngành công nghiệp văn hóa đạt được một số thành tựu nhất định. Cụ thể, tính đến năm 2018, 12 ngành công nghiệp văn hóa đã đóng góp doanh thu khoảng 8,081 tỷ USD, tương đương 3,61% GDP, đến năm 2021 đạt 3,92% GDP và năm 2022 đã tăng lên 4,04% GDP. Phát triển công nghiệp văn hóa đang trở thành xu hướng và được xác định là phần quan trọng, bền vững, thu hút nguồn lực, lao động, việc làm,

phát huy lợi thế cạnh tranh và góp phần làm gia tăng giá trị các sản phẩm văn hóa. Hiện, các sản phẩm công nghiệp văn hóa trên các lĩnh vực như: Âm nhạc, hội họa, văn chương, sân khấu, điện ảnh... ngày càng đa dạng, phong phú, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công chúng, trong đó có nhiều sản phẩm có giá trị cao, tạo được tiếng vang trong nước và quốc tế. Nhiều di sản văn hóa được khai thác có hiệu quả; nhiều ca sĩ Việt đạt hàng trăm triệu lượt xem trên YouTube hay được yêu thích trên các nền tảng số khác trong và ngoài nước... Trong môi trường phát triển công nghiệp văn hóa, ngày càng thu hút nhiều doanh nghiệp, người lao động tham gia. Giai đoạn 2018 -2022, số lượng các cơ sở kinh tế hoạt động trong các ngành công nghiệp văn hóa tăng khá cao ở mức 7,2%/năm. Hiện cả nước đang có trên 70 nghìn cơ sở kinh tế hoạt động trong các ngành công nghiệp văn hóa. Lực lượng lao động thuộc các ngành công nghiệp văn hóa tăng nhanh ở mức 7,4%/năm và hiện đang thu hút khoảng 2,3 triệu lao động, chiếm 4,42% tổng lực lượng lao động của toàn nền kinh tế. Để đáp ứng nguồn lao động cho ngành công nghiệp văn hóa, các mô hình tổ chức đào tạo nhân lực cho phát triển công nghiệp văn hóa đang từng bước được hoàn thiện theo hướng phù hợp, chuyên nghiệp, bài bản.



Tiếp tục phát huy vai trò động lực của văn hóa trong phát triển kinh tế ở Việt Nam

Để tiếp tục phát huy vai trò động lực của văn hóa trong phát triển kinh tế ở Việt Nam, ngày 12/11/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1909/QĐ-TTg về phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030, đã đưa ra quan điểm: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa phải được đặt ngang hàng và phát triển hài hòa với kinh tế, chính trị, xã hội; bảo đảm yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế; thích ứng với xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các công nghệ mới, hiện đại và biến đổi kinh tế - xã hội; Phát huy mọi nguồn lực phát triển để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh; Chủ động hợp tác và quảng bá các giá trị văn hóa của Việt Nam ra thế giới, phát huy sức mạnh mềm văn hóa, góp phần quan trọng vào sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế, bảo đảm sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế”.

Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 đặt mục tiêu phấn đấu giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp văn hóa, nhất là các ngành điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, du lịch văn hóa, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, quảng cáo đóng góp 7% GDP; mức tăng trưởng giá trị gia tăng hàng năm trung bình đạt 7%. Phấn đấu có từ 01 đến 03 thành phố sáng tạo thuộc mạng lưới các thành phố sáng tạo UNESCO ở các lĩnh vực thiết kế, ẩm thực, thủ công và nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thông nghe nhìn, điện ảnh, văn học, âm nhạc. Phấn đấu

tăng mức đầu tư cho văn hóa tối thiểu 2% tổng chi ngân sách hằng năm.

Chiến lược cũng đã đưa ra các giải pháp phát huy vai trò động lực của văn hóa, theo đó trong thời gian tới cần thực hiện các giải pháp phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế.

Một là, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Theo đó, nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của văn hóa đối với sự phát triển bền vững của đất nước cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trong đó, coi trọng giáo dục những giá trị truyền thống, nhất là đối với thế hệ trẻ.

Hai là, hoàn thiện chính sách phát triển văn hóa, tăng cường nguồn lực đầu tư cho văn hóa. Theo đó cần đổi mới tư duy quản lý văn hóa; thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án, chiến lược về phát triển văn hóa. Chú trọng đầu tư phát triển văn hóa; đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, kêu gọi hỗ trợ, đóng góp từ cộng đồng, doanh nghiệp, nhân dân trong bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa dân tộc.

Ba là, tập trung phát triển ngành công nghiệp văn hóa và hoàn thiện thị trường các sản phẩm và dịch vụ văn hóa; Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp văn hóa, một số sản phẩm văn hóa chủ lực, có tiềm năng, lợi thế, như: Điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, du lịch văn hóa...; thúc đẩy phát triển các loại hình nghệ thuật đương đại, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành công nghiệp văn hóa.

Bốn là, hình thành cơ chế phối hợp tăng cường quảng bá, xúc tiến thương mại, đẩy mạnh xuất khẩu

các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa; từng bước xây dựng và phát triển thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong và ngoài nước, đạt tiêu chuẩn của các nước phát triển và tham gia sâu rộng vào chuỗi sản phẩm, dịch vụ văn hóa toàn cầu.

Năm là, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động văn hóa. Tiếp tục nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo trong xã hội, thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa thành thị với nông thôn, giữa các vùng miền. Đẩy mạnh các phong trào xây dựng môi trường văn hóa trong Nhân dân. Xử lý hài hòa giữa bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa với phát triển kinh tế, du lịch ở các địa phương.

Sáu là, chủ động hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa. Tiếp tục mở rộng giao lưu, hợp tác về văn hóa với các nước trong khu vực và thế giới, góp phần giới thiệu, quảng bá những giá trị văn hóa của dân tộc. Đồng thời, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa theo tinh thần chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa. Khuyến khích trao đổi, học hỏi kinh nghiệm các nước trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật./

Tài liệu tham khảo

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII

Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030.

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý IV và năm 2023 của Tổng cục Thống kê

Phát triển văn hóa hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội (<https://lyluanchinhtri.vn/phat-trien-van-hoa-hai-hoa-voi-tang-truong-kinh-te-va-tien-bo-xa-hoi-6327.html>)

Những gam màu sáng TRONG BỨC TRANH KINH TẾ- XÃ HỘI Điện Biên năm 2024

Dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong năm 2024, song bức tranh kinh tế - xã hội của tỉnh Điện Biên tiếp tục có nhiều gam màu sáng, với nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Bùi Văn Thường

Phó cục trưởng CTK tỉnh Điện Biên

Tăng trưởng kinh tế tiếp tục duy trì mức khá

Tổng sản phẩm GRDP (theo giá so sánh) trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2024 ước đạt 16.263,22 tỷ đồng, tăng khoảng 8,51% so với năm 2023. Trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản tăng 4,06%; công nghiệp - xây dựng tăng 0,66%; dịch vụ tăng 13,08%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp tăng 8,00% so với năm 2023.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo đúng định hướng: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 15,68%, giảm 0,12%; công nghiệp - xây dựng chiếm 21,46%, tăng 0,04%; dịch vụ chiếm 58,60%, giảm 0,15%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm 4,27%, giảm 0,02% so với năm 2023.

GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) ước đạt 48,22 triệu đồng/người/năm, tăng 10,98% so với thực hiện năm 2023.

Sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định

Năm 2024, sản xuất lương thực trên địa bàn được quan tâm

phát triển cả về cơ cấu sản phẩm và chất lượng sản phẩm. Tổng sản lượng lương thực ước đạt gần 287 nghìn tấn, đạt 101,79% kế hoạch năm.

Diện tích các loại cây công nghiệp chủ lực tiếp tục được duy trì và phát triển, cho hiệu quả kinh tế khá, diện tích trồng mới liên tục được mở rộng thông qua nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất. Tổng diện tích cây cao su trên địa bàn tỉnh hiện có trên 5 nghìn ha, sản lượng mủ cao su ước đạt trên 5,4 nghìn tấn, tăng 175,8 tấn so với cùng kỳ, đạt 101,1% kế hoạch năm; diện tích chè 628,9 ha, đạt 102,6% kế hoạch, sản lượng búp chè tươi đạt 198 tấn, đạt 110%; diện tích cà phê trên 4.5 nghìn ha, đạt 164,7%, sản lượng cà phê nhân ước đạt trên 5,7 nghìn ha, đạt 139,3% kế hoạch.

Bên cạnh đó, công tác chăm sóc, bảo vệ và phát triển rừng thực hiện tốt. Tỷ lệ che phủ rừng đạt kế hoạch đề ra (44,5%).

Trong năm, tỉnh tiếp tục triển khai có hiệu quả các kế hoạch,

đề án phát triển sản xuất, nông, lâm nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng nâng cao giá trị, chất lượng. Hiện đã chuyển đổi trên 2,6 nghìn ha diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả (chủ yếu là lúa nương) sang các loại cây trồng khác; tiếp tục duy trì khoảng trên 10 nghìn ha diện tích trồng lúa chất lượng cao.

Chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai thực hiện quyết liệt. Ước đến hết năm 2024, toàn tỉnh có 01 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, tăng 01 xã so với năm 2023; 53 xã đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới; số tiêu chí bình quân đạt 15,06 tiêu chí/xã; 200 thôn, bản được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới kiểu mẫu.

Công nghiệp là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Năm 2024, công nghiệp tiếp tục đóng vai trò quan trọng, là động lực thúc đẩy tăng trưởng



kinh tế tại địa phương, dự ước chỉ số toàn ngành công nghiệp IIP tăng khá so với cùng kỳ năm trước, tăng 24,37%, trong đó, công nghiệp khai khoáng tăng 4,95%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước tăng 89,09% so với năm 2023.

Các chương trình, dự án trọng điểm tiếp tục được quan tâm chỉ đạo sâu sát, quyết liệt, góp phần tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong năm, tỉnh tiếp tục triển khai thi công xây dựng 06 dự án thủy điện, đưa vào vận hành khai thác nhà máy thủy điện Mường Luân 2, nâng tổng số nhà máy thủy điện đang vận hành khai thác lên 20 nhà máy với công suất lắp máy 279,3MW, sản lượng điện phát ra tăng mạnh so với năm 2023.

Thương mại, dịch vụ là điểm sáng với nhiều kết quả ấn tượng

Trong bức tranh tăng trưởng kinh tế, ngành thương mại dịch vụ tiếp tục là điểm sáng với nhiều kết quả ấn tượng. Năm 2024, Điện Biên đã tổ chức thành công gần 170 sự kiện chính trị, văn hóa thể thao và du lịch, đặc biệt sự kiện Năm Du lịch quốc gia- Điện Biên 2024; các hoạt động hưởng ứng kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ... tạo động lực, hiệu ứng lan tỏa thúc đẩy phát triển du lịch của tỉnh. Lượng khách du lịch và tổng doanh thu từ hoạt động du lịch đều tăng cao so với năm 2023, trong đó, lượng khách du lịch đến Điện Biên ước đạt 1,85 triệu lượt, tăng gấp gần 1,9 lần và vượt 42,3% kế hoạch năm; tổng doanh thu du lịch ước đạt 3,3 nghìn tỷ đồng, tăng gần 1,9 lần, vượt 50% so với kế hoạch năm. Có thể thấy, những kết quả ấn tượng sẽ tạo tiền đề quan trọng để du lịch Điện Biên tiếp tục phát triển trong những năm tiếp theo.

Cùng với tăng trưởng của du lịch, các ngành dịch vụ thương mại cũng đạt mức tăng trưởng khá. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên thị trường tăng mạnh, ước đạt trên 26 nghìn tỷ đồng (giá hiện hành), tăng 24,44% so với năm trước, đạt 110,39% kế hoạch năm. Các hoạt động về thương mại biên giới, xuất nhập khẩu được duy trì ổn định và có mức tăng trưởng khá, dự ước tổng giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đạt gần 140 triệu USD, tăng hơn 8% so với cùng kỳ năm trước, đạt gần 108% kế hoạch năm.

Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và thu hút đầu tư đạt kết quả tích cực

Trong năm 2024, tỉnh đã tổ chức thành công hội nghị gặp mặt doanh nghiệp, nhà đầu tư thường kỳ; hội nghị, hội thảo quốc tế về xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch VACOD – Điện Biên 2024. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã thực hiện các giải pháp tạo cơ chế thông thoáng thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư đến khảo sát, nghiên cứu, lập và triển khai các dự án trong lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế. Trong năm, UBND tỉnh Điện Biên đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho 9 dự án về lĩnh vực khu đô thị, du

lich nghỉ dưỡng, thương mại dịch vụ và nông nghiệp với tổng vốn đầu tư dự kiến đăng ký thực hiện trên 2,2 nghìn tỷ đồng. Lũy kế đến thời điểm hiện tại, đã có 211 dự án đầu tư được chấp nhận chủ trương đầu tư với tổng số vốn đăng ký gần 51 nghìn tỷ đồng.

Bằng nhiều giải pháp quyết liệt và đồng bộ trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh trong thu hút đầu tư, môi trường đầu tư kinh doanh của Điện Biên đã có nhiều thay đổi theo hướng tích cực. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2023 tăng 31 bậc so với năm 2022, xếp thứ 31 trên bảng xếp hạng toàn quốc; xếp thứ 20/63 tỉnh thành về chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) năm 2023, tăng 2 bậc so với năm trước và là thứ hạng cao nhất của Tỉnh từ trước tới nay; chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) có sự chuyển biến tích cực, tăng 25 bậc so với năm 2022.

Công tác giảm nghèo, an sinh xã hội được triển khai thực hiện tốt

Năm 2024, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm mới cho khoảng trên 11 nghìn lao động, vượt 20,64% kế hoạch năm; tuyển sinh đào tạo nghề cho gần 11 nghìn người, vượt 24,52% kế hoạch, tăng 20,84% so với năm 2023.



Các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội được quan tâm, triển khai có hiệu quả, đặc biệt là đối với cựu chiến binh, cựu thanh niên xung phong, hoàn thành bàn giao toàn bộ 5000 căn nhà Đại đoàn kết cho các hộ dân trước Tết Nguyên đán Giáp Thìn; tỷ lệ hộ nghèo giảm 4,06% so với năm 2023.

Cơ sở vật chất về y tế được cải thiện, công tác khám chữa bệnh ở các tuyến được nâng cao. Các chỉ tiêu tiêm chủng cơ bản tăng so với năm trước; tiêm chủng mở rộng được triển khai thường xuyên ở 100% xã, phường, thị trấn; số bác sỹ bình quân trên 1 vạn dân đạt 12,58 bác sỹ.

Giáo dục và đào tạo tiếp tục được tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, toàn ngành có 485 cơ sở giáo dục và đào tạo, các chỉ tiêu huy động dân số trong độ tuổi đến trường cơ bản đạt và vượt kế hoạch giao. Chất lượng giáo dục được nâng cao, năm học 2023 -2024 là năm điểm trung bình các môn thi đỗ tốt nghiệp THPT cao nhất trong 10 năm gần đây.

Có thể nói, những kết quả ấn tượng trong năm 2024 sẽ tạo tiền đề quan trọng để Điện Biên tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp trong phát triển kinh tế - xã hội, tạo bứt phá để hoàn thành kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025. Kế thừa những kết quả đã đạt được bước sang năm 2025 – năm cuối thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, tỉnh Điện Biên xác định cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, huy động nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, dịch vụ đồng bộ theo hướng hiện đại, đẩy mạnh thực hiện tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các dự án có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển đột phá về kinh tế - xã hội./.

THỰC HIỆN ĐỀ ÁN THỐNG KÊ...

(Tiếp theo trang 18)

Các chuyên gia IMF nhận định, các định nghĩa và khái niệm về khu vực kinh tế chưa được quan sát do Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang áp dụng phù hợp với các khuyến nghị quốc tế, song cần hoàn thiện các phương pháp để biên soạn khu vực kinh tế chưa được quan sát để phù hợp với khái niệm đã đưa ra.

Bên cạnh đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư còn chú trọng ban hành các văn bản pháp lý tăng cường quản lý nhằm chính thức hóa các hoạt động kinh tế phi chính thức. Cụ thể, tiếp tục triển khai các văn bản pháp lý quy định về đặc điểm pháp lý của hộ kinh doanh đã ban hành đến năm 2021; chủ trì ban hành 03 văn bản và trình Chính phủ ban hành 01 văn bản pháp lý tăng cường quản lý nhằm chính thức hóa các hoạt động kinh tế phi chính thức. Hệ thống văn bản đã quy định khá rõ về đặc điểm pháp lý của hộ kinh doanh, từ khái niệm, định nghĩa về hộ kinh doanh; quyền và trách nhiệm của hộ kinh doanh; thủ tục đăng ký hộ kinh doanh; tạm ngừng và chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh. Điều này tạo cơ sở pháp lý rõ ràng để các chủ thể đang hoạt động trong khu vực phi chính thức thuận lợi trong việc chuyển sang khu vực chính thức thông qua đăng ký hộ kinh doanh.

Có thể nói, khuôn khổ pháp lý hiện nay tạo điều kiện cho hộ được phép kinh doanh tại nhiều địa điểm hơn so với chỉ được kinh doanh tại một địa điểm

như khuôn khổ pháp lý về hộ kinh doanh giai đoạn 2015-2020, từ đó tạo hấp dẫn cho nhiều cá nhân, hộ gia đình muốn đăng ký hộ kinh doanh. Ngoài ra, hộ kinh doanh được tự lựa chọn thời gian tạm dừng kinh doanh, thúc đẩy hộ đang hoạt động trong khu vực phi kinh thức chuyển sang đăng ký hộ kinh doanh. Khuôn khổ pháp lý đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc đăng ký thành lập hộ kinh doanh thông qua bổ sung phương thức đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử; giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ gia đình, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và công sức thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh.

Bên cạnh kết quả của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) còn có kết quả tích cực thực hiện Đề án NOE của các bộ, ngành, cơ quan liên quan. Nhìn chung, các bộ, ngành đã đưa ra được đánh giá hiệu quả các chính sách ban hành giai đoạn 2021-2022 liên quan đến các hoạt động kinh tế chưa được quan sát nhằm hướng tới mục tiêu: Khuyến khích chính thức hóa các hoạt động phi chính thức; Tăng cường các hoạt động quản lý, giám sát làm giảm hoặc thu hẹp quy mô hoạt động kinh tế bất hợp pháp theo ngành, lĩnh vực..., nhằm quản lý các hoạt động thuộc phạm vi khu vực NOE./.

Nghiên cứu áp dụng

CHUẨN TRAO ĐỔI DỮ LIỆU VÀ DỮ LIỆU ĐẶC TẢ THỐNG KÊ TRONG CÔNG TÁC PHỔ BIẾN SỐ LIỆU THỐNG KÊ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

ThS. Bùi Ngọc Tân

Vụ Thống kê Nước ngoài và Hợp tác quốc tế - TCTK

Tóm tắt: Với sự phát triển của Internet và mạng toàn cầu, việc trao đổi và chia sẻ dữ liệu điện tử đã trở nên dễ dàng và phổ biến hơn. Khi trao đổi dữ liệu thống kê được thực hiện thường xuyên, liên tục, việc áp dụng các phương pháp và tiêu chuẩn chung mang lại lợi ích rất lớn cho cả người cung cấp dữ liệu và người dùng dữ liệu. Sáng kiến trao đổi dữ liệu thống kê và dữ liệu đặc tả thống kê (SDMX) được 7 tổ chức quốc tế gồm: Ngân hàng thanh toán quốc tế, Ngân hàng trung ương châu Âu, Thống kê châu Âu, Quỹ tiền tệ quốc tế, Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế, Cơ quan Thống kê Liên Hợp Quốc và Ngân hàng Thế giới thông qua năm 2001. Tổng cục Thống kê đã nhận được hỗ trợ kỹ thuật từ nhiều tổ chức quốc tế và quốc gia nhằm sử dụng các khung có sẵn của các tổ chức quốc tế (IMF, Liên Hợp Quốc...) để phổ biến số liệu theo SDMX. Tuy nhiên, vẫn chưa có nghiên cứu chính thức nào để tự xây dựng một khung SDMX giúp phổ biến số liệu thống kê của Việt Nam. Do đó, cần có một nghiên cứu để xây dựng và áp dụng khung SDMX phục vụ việc phổ biến số liệu thống kê nước ngoài tại Việt Nam. Dựa trên kinh nghiệm xây dựng khung SDMX này, TCTK có thể áp dụng để xây dựng các khung SDMX khác dùng để phổ biến số liệu trong các lĩnh vực khác nhau của Việt Nam, hướng tới áp dụng rộng rãi SDMX trong việc phổ biến số liệu thống kê của Việt Nam.

Abstract: The development of the Internet has created the favorable conditions for the exchange and sharing of electronic data. When statistical data exchange is carried out regularly and continuously, the application of common methods and standards brings great benefits to both data providers and data users. Statistical Data and Metadata eXchange (SDMX) was adopted in 2001 by seven international organizations: the Bank for International Settlements, the European Central Bank, Eurostat (the statistical office of the European Union), the International Monetary Fund (IMF), the Organisation for Economic Co-operation and Development, the United Nations Statistics Division, and the World Bank. The General Statistics Office of Vietnam (GSO) has received technical support from many international and national organizations to use the available frameworks of international organizations (IMF, United Nations, etc.) to disseminate data according to SDMX. However, there has not been any official research to build an SDMX framework to disseminate Vietnam's statistical data. Therefore, a study is needed to develop and apply the SDMX framework to serve the dissemination of foreign statistics in Vietnam. Based on the experience of developing this SDMX framework, the GSO can widely apply SDMX in the dissemination of Vietnam's statistical data.

1. Tổng quan về Chuẩn trao đổi dữ liệu và dữ liệu đặc tả thống kê

Với sự phát triển của Internet và mạng toàn cầu, việc trao đổi và chia sẻ dữ liệu điện tử đã trở nên dễ dàng và phổ biến hơn. Tuy nhiên, trao đổi thông tin, dữ liệu thường được thực hiện sử dụng nhiều định dạng và khái niệm không theo bất kỳ tiêu chuẩn nào. Khi trao đổi dữ liệu thống kê được thực hiện thường xuyên, liên tục, việc áp dụng các phương pháp và tiêu chuẩn chung mang lại lợi ích rất lớn cho cả người cung cấp dữ liệu và người dùng dữ liệu.

Sáng kiến trao đổi dữ liệu thống kê và dữ liệu đặc tả thống kê được 7 tổ chức quốc tế gồm: Ngân hàng thanh toán quốc tế (BIS), Ngân hàng trung ương châu Âu (ECB), Thống kê châu Âu (Eurostat), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), Cơ quan Thống kê Liên Hợp Quốc (UNSD) và Ngân hàng Thế giới (WB) thông qua năm 2001.

Trao đổi dữ liệu và dữ liệu đặc tả thống kê (SDMX) được phát triển nhằm mục đích đảm bảo dữ liệu đặc tả luôn đi kèm với dữ liệu thống kê, làm cho thông tin trở nên dễ hiểu và hữu ích. Do đó, các tiêu chuẩn và nguyên tắc SDMX xử lý cả dữ liệu và dữ liệu đặc tả. SDMX phát triển và sử dụng các quy trình hiệu quả hơn để trao đổi và chia sẻ dữ liệu thống kê và dữ liệu đặc tả giữa các tổ chức quốc tế và các quốc gia thành viên. Để đạt được mục tiêu này, SDMX cung cấp các định dạng chuẩn cho dữ liệu và dữ liệu đặc tả, cùng với hướng dẫn nội dung và kiến trúc công nghệ thông tin (CNTT) để trao đổi dữ liệu và dữ liệu đặc tả. Các tổ chức được tự do sử dụng bất kỳ thành phần nào của SDMX phù hợp nhất trong một trường hợp nhất định.

Trong kết luận tại Phiên họp thứ 39 của Ủy ban Thống kê Liên Hợp Quốc diễn ra tại New York vào tháng 2/2008, SDMX đã được công nhận là “tiêu chuẩn ưu tiên để trao đổi và chia sẻ dữ liệu và dữ liệu đặc tả trong cộng đồng thống kê toàn cầu”. Việc chấp nhận SDMX ở cấp Liên Hợp Quốc là một bước tiến quan trọng hướng tới việc sử dụng SDMX rộng rãi hơn trên toàn thế giới.

Việt Nam đã xây dựng Tiêu chuẩn Việt Nam, TCVN 7981 “Trao đổi siêu dữ liệu và dữ liệu thống kê” do Ban Kỹ thuật Tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 154 biên soạn, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố năm 2008. Bộ tiêu chuẩn này gồm các phần: (1) TCVN 7981-1:2008 (ISO/TS 17369-1: 2005): Khung tổng quát về các tiêu chuẩn SDMX; (2) TCVN 7981-2:2008 (ISO/TS 17369 - 2:2005): Mô hình thông tin: Thiết kế khái niệm UML; (3) ISO/TS 17369:2005: Tài liệu và lược đồ SDMX-ML; (4) ISO/TS 17369:2005: Tài liệu và cú pháp SDMX-EDI; ISO/TS 17369:2005: Hướng dẫn người thực thi SDMX; (6) ISO/TS 17369:2005: Hướng dẫn sử dụng các dịch vụ web trong SDMX.

Việc áp dụng SDMX vẫn còn tương đối mới đối với Việt Nam khi mới ứng dụng để phổ biến các chỉ tiêu phát triển quốc gia được phổ biến trên trang Cơ sở dữ liệu quốc gia (UNData) của Liên Hợp Quốc. Năm 2015, trong khuôn khổ dự án “Tăng cường công tác phổ biến số liệu Thống kê quốc gia của Việt Nam” do Ngân hàng Thế giới tài trợ, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội thảo về SDMX. Với sự hỗ trợ từ IMF, TCTK phối hợp với Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục hoàn thiện và phổ biến thông tin về tài chính quốc gia theo định dạng SDMX. Ngoài ra, TCTK cũng tiếp nhận các hỗ trợ kỹ thuật về SDMX từ Liên Hợp Quốc

và các dự án hợp tác song phương liên quan đến phổ biến các chỉ tiêu phát triển bền vững, hiện đại hóa hoạt động thống kê.

Trong các hoạt động trên, TCTK được hướng dẫn sử dụng các khung có sẵn của các tổ chức quốc tế (IMF, Liên Hợp Quốc...) để phổ biến số liệu theo SDMX. Tuy nhiên, vẫn chưa có nghiên cứu chính thức nào để tự xây dựng một khung SDMX giúp phổ biến số liệu thống kê của Việt Nam. Do đó, cần có một nghiên cứu để xây dựng và áp dụng khung SDMX phục vụ việc phổ biến số liệu thống kê nước ngoài tại Việt Nam. Dựa trên kinh nghiệm xây dựng khung SDMX này, TCTK có thể áp dụng để xây dựng các khung SDMX khác dùng để phổ biến số liệu trong các lĩnh vực khác nhau của Việt Nam, hướng tới áp dụng rộng rãi SDMX trong việc phổ biến số liệu thống kê của Việt Nam.

2. Đề xuất các thành phần Chuẩn trao đổi dữ liệu và dữ liệu đặc tả thống kê phục vụ phổ biến số liệu thống kê nước ngoài tại Việt Nam

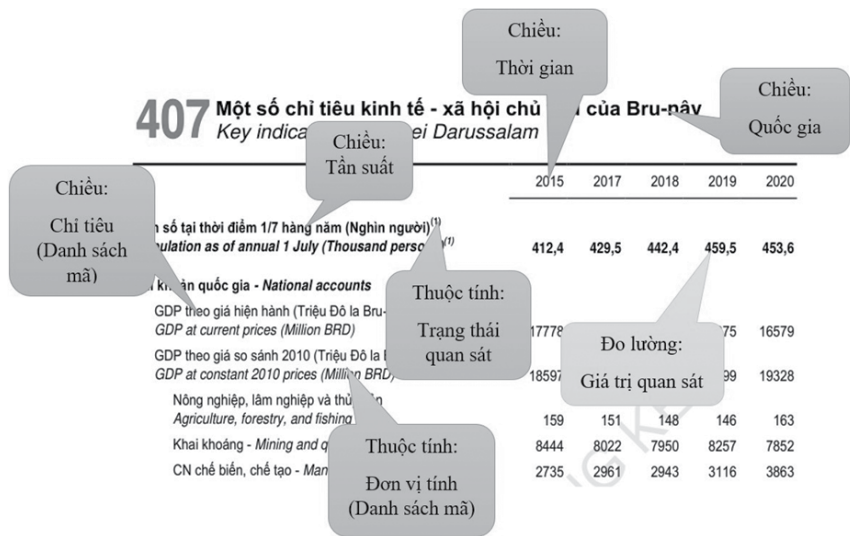
Trong SDMX, Định nghĩa cấu trúc dữ liệu (DSD) là thành phần quan trọng nhất, gồm một tập hợp các chú thích về cách thức xây dựng và cách diễn giải tập dữ liệu. Các chú thích này được xây dựng dựa trên các khái niệm thống kê. DSD được hình thành theo ba bộ khái niệm: Chiều (Dimension); Đo lường (Measure); và Thuộc tính (Attribute).

Thứ nhất, chiều là những khái niệm mô tả dữ liệu thống kê và tạo thành mã định danh (Khóa) cho dữ liệu liên quan. Do đó, chiều được nhóm thành Khóa, cho phép xác định một bộ dữ liệu cụ thể.

Thứ hai, đo lường bao gồm dữ liệu chuỗi thời gian một thước đo - thước đo chính, áp dụng cho cả dữ liệu chuỗi thời gian và dữ liệu chéo.

Thứ ba, thuộc tính là các khái niệm được sử dụng để cung cấp thêm thông tin về một số phần của bộ dữ liệu. Mỗi thuộc tính trong DSD phải được gán cho một phần định danh của bộ dữ liệu (trong mô hình được gọi là ‘cấp độ đính kèm’ hoặc ‘cấp nhóm’).

Hình 1. Phân tích các thành phần trong định nghĩa cấu trúc dữ liệu SDMX sử dụng để phổ biến số liệu thống kê nước ngoài.



Nguồn: TCTK

Biểu 1. Các thành phần SDMX sử dụng để phổ biến số liệu thống kê nước ngoài

Khoá	Định danh khái niệm	Tên khái niệm	Cấp độ đính kèm	Trạng thái sử dụng	Định danh Danh sách mã	Mô tả Danh sách mã
CHIỀU						
1	FREQ	Tần suất		Bắt buộc	CL_FREQ	Danh sách mã tần suất
2	COUNTRY	Quốc gia		Bắt buộc	CL_AREA	Danh sách mã quốc gia
3	FOREIGN_INDICAT	Chỉ tiêu thống kê nước ngoài		Bắt buộc	CL_FOREIGN_INDICAT	Danh sách mã Chỉ tiêu thống kê nước ngoài
	TIME_PERIOD	Khoảng thời gian		Bắt buộc		
ĐO LƯỜNG						
	OBS_VALUE	Giá trị quan sát		Có điều kiện		
THUỘC TÍNH						
	OBS_STATUS	Trạng thái của quan sát	Quan sát	Có điều kiện	CL_OBS_STATUS	Danh sách mã trạng thái quan sát
	UNIT	Đơn vị	Chuỗi thời gian	Bắt buộc	CL_UNITU	Danh sách mã đơn vị
	TIME_FORMAT	Định dạng thời gian	Chuỗi thời gian	Bắt buộc	CL_TIME_FORMAT	Danh sách mã định dạng thời gian

Nguồn: Tác giả đề xuất

Số liệu thống kê nước ngoài trong Niên giám Thống kê của TCTK bao gồm:

Phần thứ nhất bao gồm 18 biểu tổng hợp các quốc gia trên toàn thế giới, mỗi biểu gắn với một hoặc một vài chỉ tiêu cụ thể. Dữ liệu trong các biểu này được xem là dữ liệu chéo.

Phần thứ hai bao gồm 13 biểu trình bày số liệu của các quốc gia trong ASEAN và các đối tác quan trọng trong khu vực châu Á của Việt Nam. Mỗi biểu sẽ thể hiện các chỉ tiêu về kinh tế, xã hội chủ yếu của một số quốc gia theo thời gian. Dữ liệu trong bảng này được xem như dữ liệu chuỗi thời gian.

Những phân tích ở trên sẽ đưa ra các thành phần chính trong DSD SDMX phục vụ phổ biến số liệu thống kê nước ngoài theo mô tả dưới đây.

Để bổ sung cho các thành phần ở trên, cần sử dụng các danh sách mã (Code list) theo đúng tiêu chuẩn SDMX. Danh sách mã chỉ đơn giản là một tập hợp các giá trị được sử dụng để thể hiện một Khái niệm (Chiều hoặc Thuộc tính) trong định nghĩa cấu trúc dữ liệu SDMX. Mỗi mã được xác định duy nhất bằng một giá trị và mô tả có thể được cung cấp bằng nhiều ngôn ngữ. Mô hình này cho phép một danh sách mã có hệ thống phân cấp mã đơn giản. Danh sách mã được đề xuất gồm:

Thứ nhất, danh sách mã đơn vị tính (CL_UNIT_MULT). Danh sách mã này cung cấp các giá trị mã để chỉ ra độ lớn theo đơn vị đo lường;

Thứ hai, danh sách mã quốc gia (CL_AREA) cung cấp các khu vực tham chiếu thống kê sử dụng theo ISO3166 phù hợp với bảng mã quốc gia mà các tổ chức quốc tế (Ngân hàng Thế giới, UNICEF,...);

Thứ ba, danh sách mã tần suất (CL_FREQ) tuân thủ theo tiêu chuẩn SDMX-ML. Danh sách mã

này cung cấp một tập hợp các giá trị biểu thị “tần suất” của dữ liệu (ví dụ: Hàng tuần, hàng tháng, hàng quý). Khái niệm “tần suất” có thể đề cập đến nhiều giai đoạn khác nhau trong quy trình sản xuất, ví dụ: Thu thập dữ liệu hoặc phổ biến dữ liệu;

Thứ tư, danh sách mã trạng thái quan sát (CL_OBS_STATUS). Danh sách mã này cung cấp thông tin được mã hóa về (i) Chất lượng của một giá trị; hoặc (ii) Các giá trị bất thường hoặc bị thiếu;

Thứ năm, danh sách mã định dạng thời gian (CL_TIME_FORMAT). Danh sách mã này cung cấp thông tin được mã hóa (dựa trên tiêu chuẩn ISO 8601) cho biết loại tham chiếu thời gian được sử dụng trong dữ liệu;

Thứ sáu, danh sách mã giới tính (CL_SEX). Danh sách mã này cung cấp thông tin được mã hóa về trạng thái nam hay nữ, được áp dụng nếu dữ liệu cần được phân loại theo giới tính;

Thứ bảy, danh sách mã hiển thị số thập phân (CL_DECIMALS). Danh sách mã này cung cấp danh sách các giá trị hiển thị số chữ số thập phân được sử dụng trong dữ liệu;

Thứ tám, danh sách mã về bảo mật thông tin (CL_CONF_STATUS). Danh sách mã này cung cấp thông tin được mã hóa về trạng thái nhạy cảm và bảo mật của dữ liệu;

Thứ chín, danh sách mã tuổi. Danh sách mã này cung cấp một tập hợp các mã cơ sở được sử dụng để tạo ra các mã định danh

đơn giản hoặc phức tạp liên quan đến khái niệm “tuổi”;

Thứ mười, danh sách mã tiền tệ quốc gia (CL_CURRENCIES). Danh sách mã này cung cấp các giá trị được mã hóa cho các loại tiền tệ trên thế giới. Đối với phần số liệu thống kê nước ngoài, sẽ sử dụng mã 3 ký tự ISO 4217;

Thứ mười một, danh sách mã các chỉ tiêu (CL_INDICATORS). Danh sách này do tác giả xây dựng dựa trên tên các chỉ tiêu phần thống kê nước ngoài trong Niên giám Thống kê Việt Nam.

Ngoài những mã trên, có thể sử dụng bổ sung các danh sách mã sử dụng chung cho các lĩnh vực thống kê khác nhau đã được Ban thư ký SDMX chính thức thông qua dựa trên các đề xuất từ Nhóm công tác thống kê của Liên Hợp Quốc và các tổ chức quốc tế như hệ thống ngành kinh tế, danh mục nghề...

3. Thử nghiệm phổ biến một số chỉ tiêu thống kê nước ngoài theo Chuẩn trao đổi dữ liệu và dữ liệu đặc tả thống kê

Hiện có rất nhiều công cụ CNTT được các tổ chức quốc tế xây dựng để tạo thuận lợi cho việc sử dụng rộng rãi SDMX trong thống kê. Hiện tại trên trang thông tin điện tử SDMX.ORG liệt kê khoảng 28 công cụ phần mềm dùng để thực hiện và phát triển SDMX.

Công cụ SDMX Matrix Generator được lựa chọn để xây dựng định nghĩa cấu trúc dữ liệu SDMX để phổ biến thí điểm một số chỉ tiêu

thống kê nước ngoài trong niên giám thống kê. Công cụ này giúp thiết kế các thành phần SDMX dễ dàng và nhanh chóng, tập trung vào các kịch bản thiết kế định nghĩa cấu trúc dữ liệu, luồng dữ liệu và danh sách mã phổ biến nhất. Ngoài ra, công cụ được xây dựng dựa trên phần mềm văn phòng Excel nên cũng giúp việc xây dựng định nghĩa cấu trúc dữ liệu SDMX trở nên quen thuộc và dễ sử dụng hơn.

Quy trình xây dựng các thành phần SDMX như Lược đồ khái niệm, Định nghĩa cấu trúc dữ liệu, Luồng dữ liệu, Danh sách mã, Ràng buộc và Phân loại theo thứ tự được trình bày trong hình 2. Việc phân tích là một bước tùy chọn giúp “phân tách” thông tin trong các chỉ tiêu thành các khái niệm SDMX cụ thể, tạo thuận lợi cho xây dựng lược đồ khái niệm SDMX. Trong quá trình xây dựng các thành phần SDMX, thường có sự lặp lại giữa các bước trong khi thử nghiệm nhóm các luồng dữ liệu thành định nghĩa cấu trúc dữ liệu phù hợp, xây dựng các danh sách mã và các ràng buộc cần thiết trong thẩm định và kiểm tra dữ liệu. Các bước trên ứng với từng trang tính (worksheet) cụ thể trong công cụ SDMX Matrix Generator.

Sau khi xây dựng được các thành phần SDMX cần thiết, có thể diễn dữ liệu trực tiếp từ công cụ SDMX Matrix Generator hoặc có thể trích xuất định nghĩa cấu trúc dữ liệu thành một bảng câu hỏi Excel để gửi tới người cung cấp dữ liệu.

Hình 2. Quy trình xây dựng các thành phần SDMX



Nguồn: SDMX Matrix Generator

Sau khi đã xác định cấu trúc và điền dữ liệu, bước cuối cùng là chuyển đổi các kết quả ở trên thành định dạng SDMX-ML. Như đã nêu, SDMX-ML là định dạng định nghĩa dữ liệu để truyền dữ liệu thống kê bằng hình thức điện tử, được thiết lập để hiện đại hóa việc thu thập và phổ biến dữ liệu thống kê trên toàn thế giới. Định dạng này mang lại những lợi ích lớn trong việc chuẩn bị, phân tích và truyền thông tin thống kê giúp tiết kiệm chi phí, cải thiện độ chính xác và độ tin cậy cho tất cả những người tham gia cung cấp hoặc sử dụng dữ liệu thống kê.

Hình 3. Dữ liệu và dữ liệu đặc tả của một số chỉ tiêu thống kê nước ngoài được chuyển đổi sang định dạng SDMX-ML

```
<?xml version="1.0" encoding="UTF-8"?>
<Structure xmlns:xsi="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance" xmlns:mes="http://www.sdmx.org/resources/sdmx/schemas/v2_1/message"
  xmlns:str="http://www.sdmx.org/resources/sdmx/schemas/v2_1/structure" xmlns:com="http://www.sdmx.org/resources/sdmx/schemas/v2_1/common"
  xsi:schemaLocation="http://www.sdmx.org/resources/sdmx/schemas/v2_1/message http://www.sdmx.org/resources/sdmx/schemas/v2_1/SDMXMessage.xsd">
  <mes:Header>
    <mes:ID IDREF="9918"/>
    <mes:Test false/>
    <mes:Prepared 2024-10-24T10:55:47/>
    <mes:Sender id="Undefined"/>
    <mes:Receiver id="Undefined"/>
  </mes:Header>
  <mes:Structures>
    <str:DataFlows>
      <str:DataFlow xmlns:str="http://www.sdmx.org/resources/sdmx/schemas/v2_1/structure"
        xmlns:com="http://www.sdmx.org/resources/sdmx/schemas/v2_1/common" id="DSD_TEST@DF_TEST"
        urn="urn:sdmx:org.sdmx.infomodel.datastructure.DataFlow=AGENCY:DSD_TEST@DF_TEST(1.0)" isExternalReference="false" agencyID="AGENCY"
        isFinal="false" version="1.0">
        <com:Annotations>
          <com:Annotation xmlns:com="http://www.sdmx.org/resources/sdmx/schemas/v2_1/common" id="@SDMX">
            <com:AnnotationTitle>REF_AREA</com:AnnotationTitle>
            <com:AnnotationType>LAYOUT_ROW</com:AnnotationType>
          </com:Annotation>
          <com:Annotation xmlns:com="http://www.sdmx.org/resources/sdmx/schemas/v2_1/common" id="@SDMX">
            <com:AnnotationTitle>TIME_PERIOD</com:AnnotationTitle>
            <com:AnnotationType>LAYOUT_COLUMN</com:AnnotationType>
          </com:Annotation>
          <com:Annotation xmlns:com="http://www.sdmx.org/resources/sdmx/schemas/v2_1/common" id="@SDMX">
            <com:AnnotationTitle>MEASURE</com:AnnotationTitle>
            <com:AnnotationType>LAYOUT_ROW_SECTION</com:AnnotationType>
          </com:Annotation>
          <com:Annotation xmlns:com="http://www.sdmx.org/resources/sdmx/schemas/v2_1/common">
            <com:AnnotationTitle>COMBINED_UNIT_MEASURE</com:AnnotationTitle>
            <com:AnnotationType>COMBINED_CONCEPTS</com:AnnotationType>
          </com:Annotation>
        </com:Annotations>
      </str:DataFlow>
    </str:DataFlows>
  </mes:Structures>
</Structure>
```

Nguồn: Tác giả đề xuất

4. Kết luận và kiến nghị

SDMX từ khi ra đời năm 2001 đã có rất nhiều tiến bộ. SDMX bắt đầu từ phiên bản 1.0, đến nay SDMX đã phát triển đến phiên bản 3.1, cho thấy sự phát triển nhanh chóng cũng như tầm quan trọng của việc áp dụng SDMX trong công tác trao đổi và phổ biến thông tin.

Đến nay, SDMX đã được nhiều tổ chức thống kê sử dụng và áp dụng trong nhiều lĩnh vực thống kê như: Tài khoản quốc gia, cân cán thanh toán, đầu tư nước ngoài, MDG, hệ thống phổ biến số liệu GDDS... và tiếp tục được mở rộng cho các lĩnh vực khác. Những tiến bộ chính trong việc phát triển chuẩn SDMX, các công cụ và chỉ dẫn cho người sử dụng, xây dựng các phần mềm dựa trên chuẩn SDMX đang tiếp tục được hoàn thiện.

Để tài "Nghiên cứu áp dụng Chuẩn trao đổi dữ liệu và dữ liệu đặc tả thống kê trong công tác phổ biến số liệu thống kê nước ngoài tại Việt Nam" đưa ra cơ sở lý luận về SDMX như bối cảnh ra đời, các thành phần trong khung SDMX, định nghĩa cấu trúc dữ liệu SDMX và kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới trong việc áp dụng SDMX để phổ biến số liệu thống kê chính thức.

Sau khi hoàn thiện cơ sở lý luận và các thành phần SDMX phục vụ phổ biến số liệu thống kê nước ngoài tại Việt Nam, đề tài đã thử nghiệm xây dựng các tệp biểu mẫu SDMX sử dụng công cụ SDMX Matrix Generator. Từ những biểu mẫu này, sẽ tiến hành thử nhập số liệu cho một số chỉ tiêu thống kê nước ngoài trong Niên giám Thống kê. Sau khi được chuyển đổi, tệp dữ liệu sẽ sẵn sàng công bố dưới dạng SDMX.

Kinh nghiệm trong việc áp dụng SDMX để phổ biến số liệu thống kê nước ngoài là tiền đề để đưa ra các kiến nghị cho TCTK hướng tới sử dụng rộng rãi SDMX trong việc phổ biến số liệu thống kê chính thức tại Việt Nam. Đặc biệt, dựa trên kinh nghiệm xây dựng khung SDMX này, TCTK có thể áp dụng để xây dựng các khung SDMX khác dùng để phổ biến số liệu trong các lĩnh vực khác nhau của Việt Nam, hướng tới áp dụng rộng rãi SDMX trong việc phổ biến số liệu thống kê chính thức của Việt Nam./

Tài liệu tham khảo

1. ISTAT - Data engineering for moving out from legacy systems to SDMX compliant systems: the ISTAT experience.
2. IMF - The special data dissemination standard plus National Summary Data Page.
3. UNECE-Case study for Road Map on Statistics for SDGs 2.0 Kyrgyzstan: Reporting on global SDG indicators and SDMX.
4. Summary Report of 9th SDMX Global Conference – Empowering Data Communities, October 29th to 2nd November 2023.
5. Statistical Data and Metadata exchange (SDMX) self-learning package No. 1 Student book - Introduction to SDMX của Eurostat.
6. SDMX self-learning package No. 2 Student book - The SDMX Information Model của Eurostat.
7. <https://dsbb.imf.org/e-gdds/overview>
8. <https://sdmx.org/wp-content/uploads/9th-SDMX-Global-Conference-Summary-Report.pdf>.
9. https://sdmx.org/?page_id=5008, truy cập ngày 24/7/2024
10. <https://ec.europa.eu/eurostat/web/sdmx-infospace/sdmx-explained>
11. https://sdmx.org/?sdmx_news=sdmx-3-1-pre-release-announcement
12. https://sdmx.org/?page_id=4500.

SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ QUY ĐỊNH PHÂN LOẠI THỐNG KÊ THEO LOẠI HÌNH KINH TẾ

ThS. Trần Thị Luyện

Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê - TCTK

Thành phần kinh tế (TPKT) là thuật ngữ thường được sử dụng trong các Văn kiện Đại hội Đảng, chỉ cách phân chia nền kinh tế quốc dân theo hình thức sở hữu. Tuy nhiên đến nay, chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định khái niệm TPKT. Để đáp ứng nhu cầu thông tin theo TPKT của Đảng, chính quyền các cấp, cơ quan Thống kê sử dụng phân loại theo loại hình kinh tế (LHKT) trong hoạt động thống kê nhà nước. Về bản chất, phân loại thống kê theo loại hình kinh tế là sự phân chia toàn bộ nền kinh tế thành các LHKT khác nhau dựa trên sự khác nhau về hình thức sở hữu.

Cơ sở pháp lý ban hành thông tư quy định phân loại thống kê theo loại hình kinh tế

Ngày 16/6/2022, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới đã nêu quan điểm: *"Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế quan trọng, phải được củng cố và phát triển cùng kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân..."*

Nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chính phủ đã phê duyệt Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, trong đó giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, ban hành "Thông tư hướng dẫn

phân loại theo loại hình kinh tế (bao gồm kinh tế tập thể)".

Cơ sở thực tiễn ban hành thông tư quy định phân loại thống kê theo loại hình kinh tế

Hiện nay, phân loại theo LHKT thực hiện theo Quyết định số 231/TCTK-PPCĐ ngày 17/4/2002 của Tổng cục Thống kê quy định danh mục đơn vị kinh tế, hành chính sự nghiệp áp dụng trong điều tra, báo cáo thống kê. Theo quy định này, chế độ báo cáo tổng hợp áp dụng cho Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp được phân tổ thành các LHKT, trong đó:

Báo cáo nhanh phân theo 03 LHKT: Kinh tế nhà nước, kinh tế ngoài nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Báo cáo chính thức 6 tháng và năm:

- Đối với các chỉ tiêu tổng hợp (tài khoản quốc gia, lao động,...)

phân theo 5 LHKT: Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

- Đối với một số chuyên ngành, tùy theo yêu cầu thông tin, có thể phân loại chi tiết hơn và được quy định cụ thể trong chế độ báo cáo.

Trong những năm qua, việc áp dụng phân loại theo LHKT trong hoạt động thống kê nhà nước đáp ứng cơ bản nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của các cấp, các ngành và người sử dụng thông tin thống kê. Tuy nhiên, từ năm 2002 đến nay đã trải qua 4 lần Đại hội Đảng, cùng với đó là sự thay đổi các TPKT ở nước ta qua mỗi kỳ Đại hội, do đó, việc áp dụng phân loại theo Công văn số 231/TCTK-PPCĐ không còn phù hợp với thực tiễn. Vì vậy cần thiết phải xây dựng và áp dụng phân loại theo LHKT mới để phù hợp với quan điểm của Đảng và tình hình thực tế hiện nay.

Hơn nữa, Công văn số 231/TCTK-PPCĐ chỉ áp dụng trong ngành Thống kê. Đến nay, nước ta chưa có văn bản chính thức quy định LHKT nên còn tồn tại nhiều ý kiến về phân chia, xác định các LHKT dẫn đến khó khăn trong quá trình thu thập, biên soạn số liệu theo phân tổ này, như:

(1) Do chưa có văn bản quy định cụ thể về LHKT nên việc phân loại, sắp xếp các đơn vị sản xuất kinh doanh thường dựa vào quy định của một số luật liên quan, như: Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật hợp tác xã,... Tuy nhiên, trong các văn bản luật này cũng không hoàn toàn thống nhất khái niệm có liên quan, dẫn đến những ý kiến khác nhau về cách phân loại, sắp xếp đơn vị sản xuất kinh doanh theo LHKT.

(2) Công văn số 231/TCTK-PPCĐ được Tổng cục Thống kê ban hành từ năm 2002. Theo thời gian, nền kinh tế nước ta luôn biến động, thay đổi không ngừng nhưng do nội hàm của các LHKT chưa cập nhật các yếu tố mới xuất hiện (ví dụ như: Kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, các nền tảng kinh doanh mới,...), dẫn đến bỏ sót hoặc tính trùng các chỉ tiêu thống kê khi phân tổ theo LHKT.

(3) Số liệu của chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP), Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo LHKT thường xuyên được yêu cầu nghiên cứu, bổ sung hoặc điều chỉnh phân tổ để đáp ứng nhu cầu thông tin quản lý theo lĩnh vực. Tuy nhiên, việc chưa rõ ràng về phạm vi, nội hàm theo LHKT dẫn đến khó khăn trong công tác biên soạn số liệu GDP, GRDP;...

Từ những lý do nêu trên cho thấy, việc xây dựng và ban hành Thông tư quy định phân loại thống kê theo LHKT là cần thiết để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện phân loại theo Công văn số 231/TCTK-PPCĐ; làm căn cứ pháp lý để hướng dẫn thực hiện phân loại thống nhất trong hoạt động thống kê nhà nước và phù hợp với quan Điểm của Đảng, đồng thời phù hợp với những quy định hiện hành liên quan đến loại LHKT/.

Chuyển đổi NĂNG LƯỢNG TOÀN CẦU GẶP KHÓ VỚI BÀI TOÁN GỌI VỐN

Minh Huyền

Chuyển đổi năng lượng hiện đang là một trong những thách thức lớn nhất mà nhân loại đang cần đối mặt nhằm đạt được mục tiêu giảm thiểu biến đổi khí hậu toàn cầu. Để thực hiện điều đó, các quốc gia cần đẩy mạnh đầu tư chuyển đổi từ các nguồn năng lượng hóa thạch sang các nguồn năng lượng tái tạo, tuy nhiên, quá trình này đang gặp phải nhiều khó khăn, trong đó có bài toán gọi vốn.

Từ khóa: Chuyển đổi năng lượng, đầu tư, thách thức, hóa thạch, tái tạo...

Abstract: Energy transition is currently one of the biggest challenges humanity is facing in order to achieve the goal of mitigating global climate change. To do that, countries need to increase investment in converting from fossil energy sources to renewable energy sources, however, this process is facing many difficulties, including the problem of raising capital.

Keywords: Energy transition, investment, challenge, fossil, renewable...

Đòi hỏi nguồn vốn lớn chưa từng có

Chuyển đổi năng lượng sạch là một quá trình toàn diện nhằm thay thế các nguồn năng lượng truyền thống (như than, dầu, khí đốt...) bằng các nguồn năng lượng tái tạo (như năng lượng mặt trời, gió, thủy điện, địa nhiệt...). Đây không chỉ là xu hướng tất yếu trên toàn cầu, mà còn là sự cấp thiết, được thúc đẩy bởi các yếu tố như biến đổi khí hậu, cạn kiệt nguồn năng lượng hóa thạch và nhu cầu phát triển bền vững. Việc chuyển đổi năng lượng tại các quốc gia trên thế giới đối mặt với nhiều thách thức, như chi phí đầu tư ban đầu cao, công nghệ chưa hoàn thiện và sự cạnh tranh từ các nguồn năng lượng truyền thống.

Hiện nay, đầu tư vào năng lượng sạch trên toàn thế giới đang đạt đến sự tăng trưởng với tốc độ kỷ lục, đặc biệt là đầu tư vào các công nghệ như điện mặt trời, điện gió và pin. Các công nghệ năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời mặc dù chi phí vận hành thấp nhưng lại yêu cầu một khoản đầu tư ban đầu rất lớn để xây dựng các nhà máy, cơ sở hạ tầng. Năm 2023, ghi dấu mốc lần đầu tiên các khoản đầu tư toàn cầu cho năng lượng

sạch trên thế giới vượt mức vốn dành cho các dự án năng lượng sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

Báo cáo thường niên về đầu tư năng lượng thế giới của Cơ quan Năng lượng thế giới (IEA) cho thấy, năm 2024, đầu tư toàn cầu cho năng lượng sạch được cho là đạt gần gấp đôi mức đầu tư cho các dự án sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Trong khoảng 3000 tỷ USD tổng vốn đầu tư cho ngành năng lượng năm 2024, riêng nguồn vốn cho phát triển năng lượng sạch là 2000 tỷ USD, chiếm 2/3 tỷ trọng, tăng khoảng 6%, cao gấp đôi so với mức đầu tư dự kiến vào lĩnh vực nhiên liệu hóa thạch. Qua đó cho thấy xu hướng chuyển đổi năng lượng mạnh mẽ đang thực sự diễn ra trên khắp hành tinh. Khoản vốn này được phân bổ cho cả năng lượng tái tạo, xe điện, điện hạt nhân, phát triển lưới điện, hệ thống tích trữ năng lượng và các dự án, chương trình thúc đẩy cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng. Còn lại khoảng 1000 tỷ USD, tương đương 1/3 lượng vốn được sử dụng để đầu tư cho điện than, điện dầu và điện khí.

Trong đó, điện mặt trời nhận được nhiều đầu tư nhất với tổng vốn lên tới 500 tỷ USD. Trung Quốc được cho là quốc gia đầu tư nhiều vào năng lượng sạch nhất với tổng mức vốn khoảng 675 tỷ USD, tập trung chủ yếu vào xe điện, điện mặt trời và sản xuất pin lưu trữ lithium. Tiếp theo là châu Âu và Hoa Kỳ với mức đầu tư lần lượt là 370 tỷ USD và 315 tỷ USD. Chỉ riêng vốn đầu tư của ba quốc gia trên cộng lại dự kiến chiếm tỷ trọng hơn 2/3

tổng đầu tư cho năng lượng sạch toàn cầu năm 2024.

Đầu tư cho điện dầu và điện khí trên toàn cầu ước tính cũng tăng trưởng khoảng 7% so với năm 2023, đạt khoảng 570 tỷ USD, tương đương mức tăng của năm 2023 so với năm 2022. Năm 2024 đầu tư cho lưới điện toàn cầu vẫn tăng, ước đạt khoảng 400 tỷ USD. Trong khi đó, số vốn đầu tư cho lưới điện toàn cầu trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2021 chỉ ở quanh mức 300 tỷ USD/năm. Cũng trong năm 2024, đầu tư cho phát triển pin lưu trữ trên phạm vi toàn thế giới ước đạt khoảng 54 tỷ USD.

Mặc dù các khoản đầu tư cho chuyển đổi năng lượng đã đạt đến con số chưa từng có, tuy nhiên, tỷ lệ đầu tư 2:1 giữa năng lượng sạch và nhiên liệu hóa thạch trong năm 2024 vẫn còn kém xa so với mức cần thiết để loại bỏ khí thải nhà kính và đạt mục tiêu đặt ra trong Thỏa thuận khí hậu Paris 2015, là giữ nhiệt độ bề mặt toàn cầu tăng ở mức dưới 2 độ C, nhiệt độ lý tưởng ở mức 1,5 độ C so với thời kỳ tiền công nghiệp.

Với cam kết đi đầu trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu toàn cầu, Hoa Kỳ đang đầu tư để xây dựng thêm nhiều chuỗi cung ứng năng lượng sạch, đa dạng và bền vững hơn. Đạo luật Giảm lạm phát (IRA) được Hoa Kỳ thông qua với khoản đầu tư trị giá 430 tỷ USD vào các chính sách chi tiêu và giảm thuế, với một trong những mục tiêu nhắm đến là thúc đẩy sự phát triển của năng lượng sạch. Một năm sau khi được thông qua, IRA đã giúp Mỹ đạt những bước tiến

đáng kể trong thúc đẩy năng lượng tái tạo. Đến nay, Hoa Kỳ có 210 dự án lớn về năng lượng sạch hoặc phương tiện thân thiện với môi trường đã được công bố, có khoảng 74.181 việc làm mới được tạo ra bởi các dự án này.

Trước yêu cầu của Nghị viện châu Âu (EP) về việc tăng cường sử dụng nguồn năng lượng tái tạo trong nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu, Chính phủ các nước Liên minh châu Âu (EU) đã thông qua mục tiêu sử dụng năng lượng tái tạo đến năm 2030. Từ năm 2018, các nước thành viên EU đã thông qua đề xuất của Ủy ban châu Âu (EC) đầu tư 873 triệu euro cho các dự án lớn của châu lục về cơ sở hạ tầng năng lượng sạch nhằm chuyển đổi châu Âu sang một nền kinh tế sạch và hiện đại. Trong tháng 12/2024, EC đã công bố một gói đầu tư trị giá 4,6 tỷ Euro để thúc đẩy quá trình chuyển đổi năng lượng xanh và giảm thiểu sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch của Liên minh châu Âu.

Đầu tư chuyển đổi năng lượng còn nhiều thách thức

Để có thể vẽ nên bức tranh toàn cảnh về chuyển đổi năng lượng, thế giới cần đối diện với những thách thức đầu tư khác. Đáng chú ý là đầu tư chuyển đổi năng lượng chưa hình thành được hệ thống đồng đều và cân bằng giữa các khu vực trên thế giới. Trong đó, quá trình chuyển tiếp sang năng lượng sạch trên toàn cầu đang gặp khó khăn do thiếu nguồn vốn tài trợ cho công nghệ xanh. Kể từ khi các ngân hàng trung ương bắt đầu tăng lãi suất

vào năm 2022 nhằm kiểm chế lạm phát, chi phí trả nợ của các nhà đầu tư phát triển năng lượng tái tạo cũng tăng cao. Đến nay, dù lãi suất bắt đầu giảm trên toàn cầu nhưng để phòng lạm phát tăng trở lại, các ngân hàng trung ương dự kiến vẫn không hạ chi phí vay; điều này gây nhiều khó khăn, thách thức đối với doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp ngành năng lượng tái tạo nói riêng. Thực tế cho thấy, nhiều công ty khởi nghiệp (startup) chạy đua phát triển công nghệ giúp giảm lượng khí thải carbon nhưng chặt vật tìm vốn trong bối cảnh lãi suất cao. Có thể nói, lãi suất vay cao chính là một trong những yếu tố chính kìm hãm hoạt động đầu tư vốn mạo hiểm đổ vào lĩnh vực năng lượng tái tạo. Ngoài ra, các dự án công nghệ khí hậu cũng phải cạnh tranh với cơ bản nỗ huy động vốn của startup về các lĩnh vực khác, nhất là về trí tuệ nhân tạo (AI).

Tại các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển, đầu tư và sản lượng năng lượng sạch vẫn ở mức khá thấp, do công nghệ năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời... có chi phí vận hành thấp, trong khi mức vốn đầu tư cần thiết lại cao gấp đôi hay gấp ba lần so với ở các nền kinh tế phát triển để xây dựng các nhà máy, cơ sở hạ tầng. Ngoài ra, đầu tư chuyển đổi năng lượng còn là lĩnh vực đầu tư mới và mạo hiểm do tiềm năng phát triển lớn nhưng các dự án năng lượng tái tạo thường có thời gian thu hồi vốn khá dài, khiến nhiều nhà đầu tư còn mang tâm lý e ngại. Công nghệ năng lượng tái tạo vẫn còn đang trong quá trình phát triển, tiềm ẩn nhiều rủi ro về hiệu quả, tuổi thọ và sự thay đổi của chính sách cũng là một trong những thách thức kìm hãm nhà đầu tư.

Sự thiếu hụt tài chính cho năng lượng xanh là vấn đề rõ ràng nhất

ở các nước đang phát triển, nơi sinh sống của phần lớn dân số thế giới. Ví dụ điển hình cho sự phân bố không đồng đều các khoản đầu tư được IEA dẫn chứng: Cứ mỗi USD được đầu tư vào pin lưu trữ tại các nước phát triển và Trung Quốc, chỉ có 01 cent USD được đầu tư ở các nước có nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. Tại châu Phi, các khoản đầu tư cho lĩnh vực năng lượng rất cần thiết để giúp cho châu lục này đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế, cũng như chống biến đổi khí hậu. Dù có nhiều tiềm năng nhưng ngành năng lượng châu Phi cho đến nay chỉ thu hút được khoảng 3% tổng đầu tư toàn cầu cho năng lượng. Để có thể đáp ứng nhu cầu tiêu thụ năng lượng đang tăng lên, gia tăng tỷ lệ tiếp cận điện năng, hoàn thành các mục tiêu phát triển và mục tiêu khí hậu tại “Lục địa đen”, cần khoản đầu tư hàng năm cho lĩnh vực năng lượng lớn hơn gấp đôi mức hiện nay, đạt xấp xỉ hơn 240 tỷ USD vào năm 2030, trong đó ¾ số vốn cần được đầu tư vào năng lượng sạch. Tuy nhiên, việc khơi thông nguồn vốn cho đầu tư chuyển đổi năng lượng tại châu Phi vẫn khó khăn do những rủi ro và chi phí cho vay cao hơn so với các khu vực khác trên thế giới.

Đầu tư chuyển đổi năng lượng toàn cầu cũng đứng trước thách thức từ sự trỗi dậy mạnh mẽ của chủ nghĩa bảo hộ xanh tại nhiều quốc gia, nhất là tại các quốc gia phát triển. Mặc dù mục tiêu ban đầu của chủ nghĩa bảo hộ xanh nhằm thúc đẩy phát triển bền vững, nhưng do áp dụng một cách quá khắt khe và phân biệt đối xử đã tạo rào cản lớn đối với đầu tư vào chuyển đổi năng lượng toàn cầu. Cụ thể, các hoạt động của chủ nghĩa bảo hộ xanh với các biện pháp bảo hộ như: Gia tăng chi phí, giảm tính cạnh tranh, cản trở đổi mới, thậm chí

gây căng thẳng thương mại... Dẫn chứng điển hình có thể thấy từ việc Mỹ và Liên minh châu Âu (EU) đã áp mức thuế cao đối với hàng công nghệ sạch nhập khẩu từ Trung Quốc vì lo ngại về các khoản trợ cấp không công bằng từ Bắc Kinh cũng như sự thống trị của nước này đối với cung ứng năng lượng xanh. Những khoản thuế này được cho là sẽ đẩy chi phí phát triển công nghệ carbon thấp ở Mỹ và EU lên cao, làm chậm quá trình chuyển đổi năng lượng trên toàn thế giới.

Bài toán gọi vốn cho chuyển đổi năng lượng là thách thức không nhỏ nhưng giải được bài toán này sẽ đem lại lợi ích to lớn đối với tăng trưởng kinh tế, an ninh năng lượng, cải thiện môi trường trên toàn thế giới. Theo đó, Chính phủ các nước cần có những chính sách ưu đãi như giảm thuế, hỗ trợ lãi suất, mua điện giá ưu đãi để khuyến khích đầu tư vào năng lượng tái tạo. Phát triển các cơ chế tài chính như trái phiếu xanh, quỹ đầu tư mạo hiểm để huy động vốn cho các dự án năng lượng sạch; kết hợp nguồn lực của các doanh nghiệp tư nhân và nhà nước để triển khai các dự án lớn. Tăng cường truyền thông để nâng cao nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của năng lượng tái tạo và khuyến khích người dân tham gia đầu tư. Tạo ra một thị trường carbon hiệu quả để các doanh nghiệp có thể mua bán các tín chỉ carbon, từ đó khuyến khích giảm phát thải. Với sự hợp tác của các chính phủ, doanh nghiệp, nhà đầu tư và cộng đồng, thế giới có thể kỳ vọng vượt qua khó khăn này và xây dựng một tương lai năng lượng bền vững./.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo Năng lượng tái tạo 2024 của IEA, <https://www.iea.org/reports/renewables-2024>

vào năm 2022 nhằm kiểm chế lạm phát, chi phí trả nợ của các nhà đầu tư phát triển năng lượng tái tạo cũng tăng cao. Đến nay, dù lãi suất bắt đầu giảm trên toàn cầu nhưng để phòng lạm phát tăng trở lại, các ngân hàng trung ương dự kiến vẫn không hạ chi phí vay; điều này gây nhiều khó khăn, thách thức đối với doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp ngành năng lượng tái tạo nói riêng. Thực tế cho thấy, nhiều công ty khởi nghiệp (startup) chạy đua phát triển công nghệ giúp giảm lượng khí thải carbon nhưng chặt vật tìm vốn trong bối cảnh lãi suất cao. Có thể nói, lãi suất vay cao chính là một trong những yếu tố chính kìm hãm hoạt động đầu tư vốn mạo hiểm đổ vào lĩnh vực năng lượng tái tạo. Ngoài ra, các dự án công nghệ khí hậu cũng phải cạnh tranh với cơn bùng nổ huy động vốn của startup về các lĩnh vực khác, nhất là về trí tuệ nhân tạo (AI).

Tại các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển, đầu tư và sản lượng năng lượng sạch vẫn ở mức khá thấp, do công nghệ năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời... có chi phí vận hành thấp, trong khi mức vốn đầu tư cần thiết lại cao gấp đôi hay gấp ba lần so với ở các nền kinh tế phát triển để xây dựng các nhà máy, cơ sở hạ tầng. Ngoài ra, đầu tư chuyển đổi năng lượng còn là lĩnh vực đầu tư mới và mạo hiểm do tiềm năng phát triển lớn nhưng các dự án năng lượng tái tạo thường có thời gian thu hồi vốn khá dài, khiến nhiều nhà đầu tư còn mang tâm lý e ngại. Công nghệ năng lượng tái tạo vẫn còn đang trong quá trình phát triển, tiềm ẩn nhiều rủi ro về hiệu quả, tuổi thọ và sự thay đổi của chính sách cũng là một trong những thách thức kìm hãm nhà đầu tư.

Sự thiếu hụt tài chính cho năng lượng xanh là vấn đề rõ ràng nhất

ở các nước đang phát triển, nơi sinh sống của phần lớn dân số thế giới. Ví dụ điển hình cho sự phân bổ không đồng đều các khoản đầu tư được IEA dẫn chứng: Cứ mỗi USD được đầu tư vào pin lưu trữ tại các nước phát triển và Trung Quốc, chỉ có 01 cent USD được đầu tư ở các nước có nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. Tại châu Phi, các khoản đầu tư cho lĩnh vực năng lượng rất cần thiết để giúp cho châu lục này đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế, cũng như chống biến đổi khí hậu. Dù có nhiều tiềm năng nhưng ngành năng lượng châu Phi cho đến nay chỉ thu hút được khoảng 3% tổng đầu tư toàn cầu cho năng lượng. Để có thể đáp ứng nhu cầu tiêu thụ năng lượng đang tăng lên, gia tăng tỷ lệ tiếp cận điện năng, hoàn thành các mục tiêu phát triển và mục tiêu khí hậu tại "Lục địa đen", cần khoản đầu tư hàng năm cho lĩnh vực năng lượng lớn hơn gấp đôi mức hiện nay, đạt xấp xỉ hơn 240 tỷ USD vào năm 2030, trong đó ¾ số vốn cần được đầu tư vào năng lượng sạch. Tuy nhiên, việc khơi thông nguồn vốn cho đầu tư chuyển đổi năng lượng tại châu Phi vẫn khó khăn do những rủi ro và chi phí cho vay cao hơn so với các khu vực khác trên thế giới.

Đầu tư chuyển đổi năng lượng toàn cầu cũng đứng trước thách thức từ sự trỗi dậy mạnh mẽ của chủ nghĩa bảo hộ xanh tại nhiều quốc gia, nhất là tại các quốc gia phát triển. Mặc dù mục tiêu ban đầu của chủ nghĩa bảo hộ xanh nhằm thúc đẩy phát triển bền vững, nhưng do áp dụng một cách quá khắt khe và phân biệt đối xử đã tạo rào cản lớn đối với đầu tư vào chuyển đổi năng lượng toàn cầu. Cụ thể, các hoạt động của chủ nghĩa bảo hộ xanh với các biện pháp bảo hộ như: Gia tăng chi phí, giảm tính cạnh tranh, cản trở đổi mới, thậm chí

gây căng thẳng thương mại... Dẫn chứng điển hình có thể thấy từ việc Mỹ và Liên minh châu Âu (EU) đã áp mức thuế cao đối với hàng công nghệ sạch nhập khẩu từ Trung Quốc vì lo ngại về các khoản trợ cấp không công bằng từ Bắc Kinh cũng như sự thống trị của nước này đối với cung ứng năng lượng xanh. Những khoản thuế này được cho là sẽ đẩy chi phí phát triển công nghệ carbon thấp ở Mỹ và EU lên cao, làm chậm quá trình chuyển đổi năng lượng trên toàn thế giới.

Bài toán gọi vốn cho chuyển đổi năng lượng là thách thức không nhỏ nhưng giải được bài toán này sẽ đem lại lợi ích to lớn đối với tăng trưởng kinh tế, an ninh năng lượng, cải thiện môi trường trên toàn thế giới. Theo đó, Chính phủ các nước cần có những chính sách ưu đãi như giảm thuế, hỗ trợ lãi suất, mua điện giá ưu đãi để khuyến khích đầu tư vào năng lượng tái tạo. Phát triển các cơ chế tài chính như trái phiếu xanh, quỹ đầu tư mạo hiểm để huy động vốn cho các dự án năng lượng sạch; kết hợp nguồn lực của các doanh nghiệp tư nhân và nhà nước để triển khai các dự án lớn. Tăng cường truyền thông để nâng cao nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của năng lượng tái tạo và khuyến khích người dân tham gia đầu tư. Tạo ra một thị trường carbon hiệu quả để các doanh nghiệp có thể mua bán các tín chỉ carbon, từ đó khuyến khích giảm phát thải. Với sự hợp tác của các chính phủ, doanh nghiệp, nhà đầu tư và cộng đồng, thế giới có thể kỳ vọng vượt qua khó khăn này và xây dựng một tương lai năng lượng bền vững./.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo Năng lượng tái tạo 2024 của IEA, <https://www.iea.org/reports/renewables-2024>

Một số hình ảnh TẠI HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NGÀNH THỐNG KÊ NĂM 2025

